

LỜI MỞ ĐẦU

Thuế ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của nhà nước, là một vấn đề hết sức quan trọng đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Thuế trở thành công cụ chủ yếu của Nhà nước trong quản lý và điều tiết vĩ mô, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế. Thuế là nguồn thu chủ yếu cho NSNN, thiết lập sự công bằng xã hội, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư. Vì vậy nghiên cứu về thuế là rất cần thiết.

Trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, Nhà nước ta cũng có những thay đổi về chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách về thuế, chế độ kế toán. Kế toán với chức năng giúp chủ doanh nghiệp trong công tác tổ chức kế toán, thống kê nhằm cung cấp những thông tin về hoạt động kinh tế - tài chính của doanh nghiệp một cách đầy đủ kịp thời. Kế toán thuế là công cụ quản lý và điều hành nền kinh tế, nó có vai trò hết sức quan trọng đối với Nhà nước nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này em đã mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thép VSC - POSCO ”*** để làm đề tài khóa luận của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài bao gồm:

Phần I: Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng và kế toán thuế GTGT.

Phần II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thép VSC – POSCO.

Phần III: Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thép VSC – POSCO.

Trong quá trình thực tập em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị tại Công ty, và sự hướng dẫn chỉ bảo nhiệt tình của cô giáo **ThS. Đồng Thị Nga** đã giúp em hoàn thiện đề tài này. Mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót do còn nhiều bỡ ngỡ. Em rất mong nhận được sự góp ý chân tình của các thầy giáo, cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn !

PHẦN I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

I. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng

1. Sự ra đời của thuế GTGT

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là: Taxe Sur La Valeur Ajou tée (viết tắt là TVA), tiếng Anh gọi là Value Added Tax (viết tắt là VAT), dịch ra tiếng Việt là thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước Pháp, thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Ở nước ta, tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khoá IX, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng ngày 10/05/1997 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-1999. Tiếp theo đó, để phù hợp hơn với tình hình thực tế, Quốc hội cũng đã thông qua Luật sửa đổi vào ngày 17/06/2003 và mới đây tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII ngày 03/06/2008 đã thông qua Luật thuế GTGT mới thay thế 2 luật trên và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.

2. Khái niệm

Thuế giá trị gia tăng là thuế thu trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào ngân sách theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

Thuế giá trị gia tăng là thuế đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá và dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được thu ở khâu tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

Nhìn chung khái niệm đều đề cập đến nội dung cơ bản của thuế GTGT là tính trên phần giá trị mới được tạo ra (giá trị gia tăng) trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy có thể hiểu:

Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Như vậy thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh vào hành vi tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ. Tuy nhiên về bản chất, thuế GTGT khác với các loại thuế gián thu khác, điều này thể hiện qua các đặc điểm của thuế GTGT.

3. Đặc điểm của thuế GTGT

- Thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh vào thu nhập của người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thông qua hành vi mua hàng hoá, dịch vụ đó, hay nói cách khác: giá cả HHDV mà người tiêu dùng mua bao gồm cả thuế GTGT.

Như vậy, người mua không trực tiếp nộp thuế GTGT vào NSNN mà trả thuế thông qua giá thanh toán hàng hoá và dịch vụ cho người bán, trong đó bao gồm cả khoản thuế GTGT. Người bán thực hiện nộp khoản thuế GTGT phải nộp “đã được người mua trả” vào NSNN.

- Thuế GTGT đánh vào giá trị gia tăng của HHDV phát sinh ở các giai đoạn từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Tổng số thuế GTGT thu được ở tất cả các giai đoạn sẽ bằng số thuế GTGT tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

- Về phạm vi đánh thuế: thuế GTGT chỉ đánh vào hoạt động tiêu dùng diễn ra trong phạm vi lãnh thổ, không đánh vào hành vi tiêu dùng ngoài lãnh thổ.

Đặc điểm này tạo ra sự công bằng trong những giao dịch quốc tế thông qua việc không thu thuế đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu và đánh thuế đối với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu.

Do bản chất của thuế GTGT là loại thuế gián thu điều tiết vào người tiêu dùng, mà đối tượng tiêu dùng hàng hoá xuất khẩu lại là các tổ chức, cá nhân nước nhập khẩu nên nước nhập khẩu phải thu thuế GTGT được chuyển trực tiếp từ nước xuất khẩu, đó chính là tính liên hoàn và tính khoa học của thuế GTGT.

4. Vai trò của thuế GTGT

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau:

4.1. Thuế GTGT có tác dụng điều tiết thu nhập của nền kinh tế thông qua điều tiết phần thu nhập của tổ chức, cá nhân tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, qua đó điều tiết sản xuất, tiêu dùng, trên cơ sở đó điều tiết nền kinh tế.

4.2. Thuế GTGT là khoản thu quan trọng của Ngân sách nhà nước: cùng với xu hướng tăng trưởng kinh tế, quy mô của các hoạt động kinh tế ngày càng được mở rộng, hiệu quả kinh doanh ngày càng cao sẽ tạo ra nguồn thu về thuế GTGT ngày càng lớn và tương đối ổn định cho NSNN.

4.3. Thuế GTGT không thu trùng lặp: do thuế GTGT chỉ tính vào giá trị tăng thêm của HHDV trên mỗi công đoạn của quá trình sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, không tính vào phần giá trị đã chịu thuế GTGT ở các khâu trước, thuế đã nộp ở các khâu trước được tính khấu trừ ở khâu sau nên khuyến khích các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, khuyến khích chuyên môn hoá, hợp tác hoá sản xuất, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của nước ta.

4.4. Khuyến khích xuất khẩu HHDV thông qua áp dụng thuế suất 0%: doanh nghiệp xuất khẩu HHDV không những không phải chịu thuế GTGT ở khâu xuất khẩu mà còn được hoàn toàn bộ số thuế đầu vào đã thu ở khâu trước nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.

4.5. Thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán; sử dụng hoá đơn, chứng từ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao.

Tóm lại: Thuế GTGT là một sắc thuế tiên tiến; việc áp dụng thuế GTGT khắc phục nhược điểm của thuế doanh thu là “thuế chồng lên thuế”. Thuế GTGT đã đem lại rất nhiều lợi ích cho quốc gia áp dụng nó thông qua việc khuyến khích sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, tăng cường đầu tư, tăng thu cho NSNN.

II. Các quy định về thuế giá trị gia tăng

1. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)

3. Đối tượng không chịu thuế

Từ ngày 01/01/2009, khi Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 có hiệu lực, đối tượng không chịu thuế GTGT được rút xuống còn 25 loại hàng hóa, dịch vụ (Thông tư hướng dẫn số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính cụ thể hóa thành 26 danh mục chi tiết).

Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT có thể được phân theo các nhóm chủ yếu sau:

➤ *Nhóm hàng hoá, dịch vụ là sản phẩm nông nghiệp, là dịch vụ đầu vào của sản xuất nông nghiệp:*

Ví dụ: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt chỉ qua sơ chế; sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng; các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp (tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương); các sản phẩm muối.

➤ *Nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế theo các cam kết quốc tế*

Ví dụ: Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế...

➤ *Nhóm hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT vì lý do xã hội:*

Ví dụ: Dịch vụ bảo hiểm; y tế; dạy học, dạy nghề; xuất bản, phát hành sách, báo, bản tin chuyên ngành; dịch vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước, vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe điện; dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và phổ cập Internet; phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn NSNN...

➤ *Không thuộc diện chịu thuế để phù hợp với thông lệ quốc tế:*

Ví dụ: Dịch vụ cấp tín dụng; kinh doanh chứng khoán; chuyển nhượng vốn; dịch vụ tài chính phái sinh; hàng hoá chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu...

➤ *Không chịu thuế vì một số lý do khác:*

Ví dụ: Chuyển quyền sử dụng đất; vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; vàng nhập khẩu; sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến theo quy định của Chính phủ...

➤ *Không chịu thuế do người kinh doanh có thu nhập thấp*

Ví dụ: HHDV của cá nhân kinh doanh có mức thu nhập bình quân tháng thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định áp dụng đối với người lao động làm việc ở các tổ chức, cơ sở của Việt Nam có thuê mướn lao động.

Cơ sở kinh doanh các HHDV không chịu thuế GTGT nêu trên không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đã trả khi mua HHDV để sử dụng cho SXKD. HHDV không chịu thuế GTGT, trừ trường hợp HHDV được áp dụng mức thuế suất 0% theo quy định của Luật thuế GTGT.

4. Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

4.1. Giá tính thuế:

Giá tính thuế được xác định tùy theo loại hàng hoá, dịch vụ (HHDV) và được xác định như sau:

☞ Đối với HHDV do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra:

Giá tính thuế = Giá chưa có thuế GTGT ghi trên hóa đơn

☞ Đối với HHDV chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB):

Giá tính thuế = Giá chưa có thuế GTGT + thuế TTĐB.

☞ Đối với hàng hóa nhập khẩu (NK)

Giá tính thuế = Giá nhập khẩu + thuế NK (nếu có) + thuế TTĐB (nếu có).

☞ Đối với HHDV dùng để trao đổi, sử dụng nội bộ, biếu, tặng, cho:

Giá tính thuế = Giá tính thuế giá trị gia tăng của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

☞ Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:

Giá tính thuế = Giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT (không bao gồm khoản lãi trả góp, trả chậm).

☞ Đối với gia công hàng hoá:

Giá tính thuế = Giá gia công chưa có thuế GTGT.

☞ Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt:

Giá tính thuế = Giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.

☞ Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Giá tính thuế = Giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT - giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN.

☞ Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán HHDV hưởng hoa hồng:

Giá tính thuế = Tiền hoa hồng thu được chưa có thuế GTGT.

☞ Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng:

$$\frac{\text{Giá chưa có thuế}}{\text{giá trị gia tăng}} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hoá, dịch vụ (\%)}}$$

Giá tính thuế đối với các loại hàng hoá, dịch vụ bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

4.2. Thuế suất

Nguyên tắc áp dụng thuế suất thuế GTGT là áp dụng thống nhất theo loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất gia công hay kinh doanh thương mại. Hiện hành các mức thuế suất thuế GTGT gồm có 0%, 5 % và 10 %. Việc quy định các mức thuế suất khác nhau thể hiện chính sách thuế điều tiết thu nhập và hướng dẫn tiêu dùng đối với hàng hóa, dịch vụ. Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ quy định cụ thể như sau:

4.2.1. Mức thuế suất 0%:

Áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, được coi là xuất khẩu và một số dịch vụ khác:

- Hàng hóa xuất khẩu, bao gồm: hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu; hàng hóa bán vào khu phi thuế quan; hàng bán cho cửa hàng miễn thuế và các trường hợp được coi là xuất khẩu khác.
- Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ được cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.
- Vận tải quốc tế.

4.2.2. Mức thuế suất 5%:

Áp dụng đối với 15 nhóm hàng hoá, dịch vụ sau đây:

1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%.
2. Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;
3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;
4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;
5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc, tách, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại;
6. Mủ cao su sơ chế như mủ cò rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá;
7. Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng;
8. Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, gồm gi đường, bã mía, bã bùn;

9. Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo;

10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy bơm thuốc trừ sâu;

11. Thiết bị, dụng cụ y tế; bông, băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;

12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học;

13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;

14. Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT theo quy định;

15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet.

4.2.3. Mức thuế suất 10%:

Áp dụng đối với các loại hàng hoá, dịch vụ không quy định tại các mục trên.

5. Phương pháp tính thuế GTGT

Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

5.1. Phương pháp khấu trừ thuế

5.1.1. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

5.1.2. Công thức xác định

Thuế GTGT phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{Số thuế GTGT đầu ra} - \text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

- Thuế GTGT đầu ra: là tổng số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

$$\text{Số thuế GTGT đầu ra} = \frac{\text{Giá tính thuế của HHDV chịu thuế bán ra}}{\text{Thuế suất thuế GTGT của HHDV đó}}$$

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: là tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định); chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu, hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài và đáp ứng đủ các điều kiện về khấu trừ thuế đầu vào theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

$$\text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ} = \frac{\text{Giá tính thuế của HHDV mua vào chịu thuế}}{\text{Thuế suất thuế GTGT của HHDV đó}}$$

a. Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và thu thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó. Khi lập hoá đơn bán hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dùng chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn, chứng từ.

Trường hợp hoá đơn ghi sai mức thuế suất thuế giá trị gia tăng mà cơ sở kinh doanh chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ
- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định.

b. Xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, kể cả hàng hoá dịch vụ được sản xuất hay mua vào mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho SXKD hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT => được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT => chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được => chỉ khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của HHDV dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.
- Nếu không hạch toán riêng được => Số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

$$\frac{\text{Tỷ lệ khấu trừ}}{\text{thuế GTGT đầu vào}} = \frac{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT}}{\text{Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ}}$$

$$\Rightarrow \frac{\text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}}{\text{thuế GTGT đầu vào}} = \frac{\text{Tổng số thuế GTGT đầu vào}}{\text{thuế GTGT đầu vào}} \times \frac{\text{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào}}{\text{thuế GTGT đầu vào}}$$

Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT => được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, bị hỏng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ => không được khấu trừ.

Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ còn sót hoá đơn hoặc chứng từ nộp thuế chưa kê khai, khấu trừ thì được kê khai, khấu trừ bổ sung. Thời gian để kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là 6 tháng, kể từ tháng phát sinh hoá đơn, chứng từ bỏ sót.

Không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với **hoá đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật** như sau:

- Hóa đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù được dùng hoá đơn GTGT ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT);
- Hóa đơn không ghi hoặc ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán;
- Hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn khống (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo);
- Hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi.

5.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế

Có hoá đơn GTGT hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại VN.

Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với HHDV mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới 20 triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT.

- Đối với HHDV mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, đơn vị căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn GTGT và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ đó để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, đơn vị vẫn được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, đơn vị phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ của giá trị hàng hoá không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán bù trừ giữa giá trị HHDV mua vào với giá trị hàng hóa bán ra; bù trừ công nợ; thanh toán uỷ quyền qua bên thứ ba thanh toán qua ngân hàng mà các phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng. Trường hợp sau khi bù trừ, phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- Trường hợp mua HHDV của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

5.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

5.2.1. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

5.2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp

Thuế GTGT phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra} \times \text{Thuế suất GTGT (\% của hàng hóa, dịch vụ đó)}$$

a. Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng công thức:

$$\text{Giá trị gia tăng của HHDV} = \text{Giá thanh toán của HHDV bán ra} - \text{Giá thanh toán của HHDV mua vào tương ứng}$$

Trong đó:

- Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra : là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

- Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào : được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

☞ Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh bán ra:

Giá trị gia tăng = Doanh số bán - Doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh.

○ Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra = Doanh số tồn đầu kỳ + Doanh số mua trong kỳ - doanh số tồn cuối kỳ.

☞ Đối với xây dựng, lắp đặt:

Giá trị gia tăng = Tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình – (Chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ + Chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình).

☞ Đối với hoạt động vận tải:

Giá trị gia tăng = Tiền thu cước vận tải, bốc xếp – (Chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế + Chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải).

☞ Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hoá, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

b. Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì:

$$\text{Giá trị giá tăng} = \text{Doanh thu} \times \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ GTGT tính trên doanh thu.}$$

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c. Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo: tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

6. Thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, và hoàn thuế

6.1. Đăng ký thuế

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng kể cả các cơ sở trực thuộc phải đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

Các tổng công ty, công ty và các cơ sở kinh doanh có các đơn vị chi nhánh trực thuộc đều phải đăng ký nộp thuế GTGT với cơ quan thuế nơi đóng trụ sở.

Theo quy định, cơ sở kinh doanh mới thành lập, thời gian đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản hoặc thay đổi kinh doanh, cơ sở kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi tiến hành các hoạt động trên.

6.2. Khai thuế

Cơ sở kinh doanh phải kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng từng tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo.

Trong trường hợp không phát sinh thuế đầu vào, thuế đầu ra, cơ sở kinh doanh vẫn phải kê khai và nộp tờ khai thuế cho cơ quan thuế.

Cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu hàng hoá phải kê khai và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu với cơ quan thu thuế nơi có cửa khẩu nhập hàng hoá.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá, dịch vụ có mức thuế suất thuế giá trị gia tăng khác nhau phải kê khai thuế giá trị gia tăng theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

6.3. Nộp thuế

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn qui định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

6.4. Quyết toán thuế

Cơ sở kinh doanh phải thực hiện quyết toán thuế hàng năm với cơ quan thuế. Năm quyết toán thuế được tính theo năm dương lịch.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm, cơ sở kinh doanh phải nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế và phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai thuế, nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp kỳ tiếp theo.

Trong trường hợp cơ sở kinh doanh sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, cơ sở kinh doanh cũng phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày có quyết định trên.

6.5. Hoàn thuế

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được xét hoàn thuế trong các trường hợp sau:

Trường hợp 1:

Trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế.

Trường hợp 2:

Trường hợp cơ sở đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ hết và có số thuế còn lại từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Trường hợp 3:

Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng.

Trường hợp 4:

Được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Trường hợp 5:

Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

III. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán thuế giá trị gia tăng

1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà Nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: Đây là số tiền mà Nhà Nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút Ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: Đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT

2.1. Nhiệm vụ của kế toán thuế nói chung

Kế toán thuế là một bộ phận trong phòng kế toán với nhiệm vụ lập hồ sơ, báo cáo theo quy định của các luật thuế mà đơn vị có trách nhiệm phải nộp loại thuế đó. Nhiệm vụ cụ thể đó được chia thành các nội dung sau:

- Lập hồ sơ đăng ký thuế: theo đúng các quy định và nộp hồ sơ cho cơ quan thuế đúng thời hạn, tất cả các loại thuế đều đăng ký cùng một loại hồ sơ.
- Hạch toán doanh thu, chi phí theo quy định của Luật thuế TNDN, lập tờ khai các loại thuế có phát sinh tại đơn vị.
- Lập dự toán thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho từng quý và năm.
- Lập giấy nộp tiền vào NSNN, chuyển cho bộ phận kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước theo đúng thời hạn quy định.
- Lập báo cáo quyết toán thuế cuối năm
- Giải trình các căn cứ lập tờ khai, báo cáo quyết toán thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.

2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT nói riêng

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:
 - + Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
 - + Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- Thứ ba: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có....đề vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và qui định của Nhà nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

IV. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng

1. Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- ✓ Hóa đơn thuế GTGT
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ, giấy báo có
- ✓ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào
- ✓ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- ✓ Tờ khai thuế GTGT
- ✓ Quyết toán thuế GTGT
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan,...

2. Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên 2 tài khoản: tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp”.

2.1. Tài khoản 133 - “Thuế GTGT được khấu trừ”:

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ của doanh nghiệp.

a. Kết cấu và nội dung tài khoản:

Nợ	TK 133	Có
<u>SPS tăng:</u> Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.	<u>SPS giảm:</u> - Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ; - Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ; - Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được giảm giá; - Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại.	
<u>Dư nợ:</u> - Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, - Số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả.		

Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 tài khoản cấp II:

- *Tài khoản 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ:*
Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

- *Tài khoản 1332 - Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định:*
Phản ánh thuế GTGT đầu vào của quá trình đầu tư, mua sắm tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế của quá trình mua sắm bất động sản đầu tư.

b. Nguyên tắc hạch toán:

- Tài khoản 133 chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Đối với HHDV mua vào dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

Trường hợp không thể hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được hạch toán vào Tài khoản 133. Cuối kỳ, kế toán phải xác định số thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá vốn của hàng bán ra hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Trường hợp số thuế GTGT không được khấu trừ có giá trị lớn thì tính vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ tương ứng với doanh thu trong kỳ, số còn lại được tính vào giá vốn hàng bán ra của kỳ kế toán sau.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai khấu trừ khi xác định thuế GTGT phải nộp của tháng đó.

Nếu số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào bằng (=) số thuế GTGT đầu ra của tháng đó, số thuế GTGT đầu vào còn lại được khấu trừ tiếp vào kỳ tính thuế sau hoặc được xét hoàn thuế theo quy định của Luật thuế GTGT.

Trường hợp Hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua và phát sinh trong tháng nhưng chưa kê khai kịp trong tháng thì được kê khai khấu trừ vào các tháng tiếp sau theo quy định của Luật thuế GTGT.

2.2. Tài khoản 3331 - “Thuế GTGT phải nộp”:

Tài khoản này phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, số thuế GTGT đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tài khoản này áp dụng chung cho cả đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

a. Kết cấu và nội dung tài khoản:

Nợ	TK 3331	Có
<p><u>SPS giảm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ; - Số thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế GTGT phải nộp; - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN; - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. 	<p><u>SPS tăng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra phải nộp của HHDV đã tiêu thụ; - Số thuế GTGT đầu ra phải nộp của HHDV dùng để trao đổi, biếu, tặng; - Số thuế GTGT của doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác; - Số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa nhập khẩu. 	
<p><u>Dư nợ:</u></p> <p>Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN</p>		<p><u>Dư có:</u></p> <p>Số thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ</p>

Tài khoản 3331 có 2 tài khoản cấp III:

- *Tài khoản 33311 - Thuế giá trị gia tăng đầu ra:* Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- *Tài khoản 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu:* Dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào NSNN.

b. Nguyên tắc hạch toán:

- Doanh nghiệp chủ động tính và xác định số thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước theo luật định và kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp trên cơ sở các thông báo của cơ quan thuế. Việc kê khai đầy đủ, chính xác số thuế phải nộp là nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế cho Nhà nước. Trường hợp có thông báo số thuế phải nộp, nếu có thắc mắc và khiếu nại về mức thuế, về số thuế phải nộp theo thông báo thì cần được giải quyết kịp thời theo quy định. Không được vì bất cứ một lý do gì để trì hoãn việc nộp thuế.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng loại thuế GTGT theo số phải nộp, số đã nộp và số còn phải nộp.

- Doanh nghiệp nộp thuế bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định để ghi sổ kế toán.

3. Trình tự kế toán

3.1. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

3.1.1. Hạch toán thuế GTGT đầu vào

+ Mua vật t-, hàng hoá, dịch vụ trong n- ớc:

Nợ TK 151, 152, 153, 156: Giá mua ch- a có thuế VAT

Nợ TK 133 (1331) Thuế VAT đầu vào đ- ợc khấu trừ

Có TK 331, 111, 112: Tổng giá thanh toán

+ Mua TSCĐ dùng vào sản xuất kinh doanh:

Nợ TK 211, 241 Giá mua ch- a thuế

Nợ TK 133 (1332) Thuế VAT đầu vào đ- ợc khấu trừ

Có TK 111, 331 Tổng giá trị thanh toán

+ Mua hàng nhập khẩu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh số VAT của hàng nhập khẩu sẽ đ- ợc khấu trừ.

Nợ TK 133 (1331, 1332): Thuế VAT đ- ợc khấu trừ

Có TK 3311(33312): thuế VAT phải nộp

+ Mua hàng nhập khẩu dùng cho sản xuất kinh doanh thuộc diện chịu thuế VAT theo ph- ơng pháp trực tiếp hoặc dùng vào hoạt động phúc lợi, dự án... thì thuế VAT của hàng nhập khẩu phải nộp đ- ợc tính vào giá trị hàng mua:

Nợ TK 151, 152, 153 Trị giá mua hàng NK (cả thuế NK và VAT)

Có TK 333 (333-TNK) Thuế nhập khẩu

Có TK 333 (33312) Thuế VAT của hàng nhập khẩu

Có TK 111, 331 Giá mua hàng nhập khẩu

3.1.2. Hạch toán thuế GTGT đầu ra

+ Phản ánh thuế VAT phải nộp khi tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá:

Nợ TK 511

Có TK 333 (33311) Thuế VAT phải nộp

+ Tr- ờng hợp cung cấp dịch vụ thu tiền tr- ớc, kế toán ghi nhận doanh thu là toàn bộ số tiền thu đ- ợc ch- a có thuế VAT và thuế VAT phải nộp:

Nợ TK 111, 112: Tổng số tiền đã thu

Có TK 333 (33311) Thuế VAT phải nộp

Có TK 338 (3387) Doanh thu bán hàng ghi nhận tr- ớc

+ Phát sinh các khoản thu nhập tài chính và hoạt động bất th- ờng:

Nợ TK 111, 131 Tổng giá thanh toán

Có TK 333 (33311) Thuế VAT phải nộp

Có TK 515 Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 Doanh thu khác

3.1.3. Hạch toán thuế GTGT được khấu trừ, thuế GTGT phải nộp, đã nộp và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ:

+ Số thuế VAT đầu vào đ- ợc khấu trừ nhỏ hơn số thuế VAT phải nộp:

Nợ TK 3331 (33311) Kết chuyển toàn bộ số thuế VAT đ- ợc khấu trừ
Có TK 133

+ Phản ánh số thuế VAT đã nộp trong kỳ:

Nợ TK 3331 (33311) Số thuế VAT đầu ra đã nộp

Nợ TK 3331 (33312) Thuế VAT của hàng nhập khẩu đã nộp.

Có TK 111, 112, 311

+ Tr- ờng hợp số thuế VAT đầu vào đ- ợc khấu trừ lớn hơn số thuế VAT:

Nợ TK 3331 (33311) Kết chuyển bằng số phải nộp

Có TK 133

+ Tr- ờng hợp thuế VAT vừa phân bổ cho đối t- ợng chịu thuế VAT vừa phân bổ cho đối t- ợng không chịu thuế VAT:

Nợ TK 3331 (33311) Kết chuyển số thuế VAT đ- ợc khấu trừ

Nợ TK 632 Kết chuyển số thuế VAT không đ- ợc khấu

trừ cho đối t- ợng không chịu thuế VAT

Nợ TK 142 (1421) Kết chuyển số thuế VAT không đ- ợc khấu

trừ cho đối t- ợng không chịu thuế VAT

Có TK 133 Kết chuyển số thuế VAT đầu vào.

+ Đ- ợc hoàn lại thuế VAT:

Nợ TK 111, 112 Số đã nhận

Có TK 133 Số đầu vào đ- ợc hoàn lại

Có TK 333 (3331) Số nộp thừa đ- ợc hoàn lại

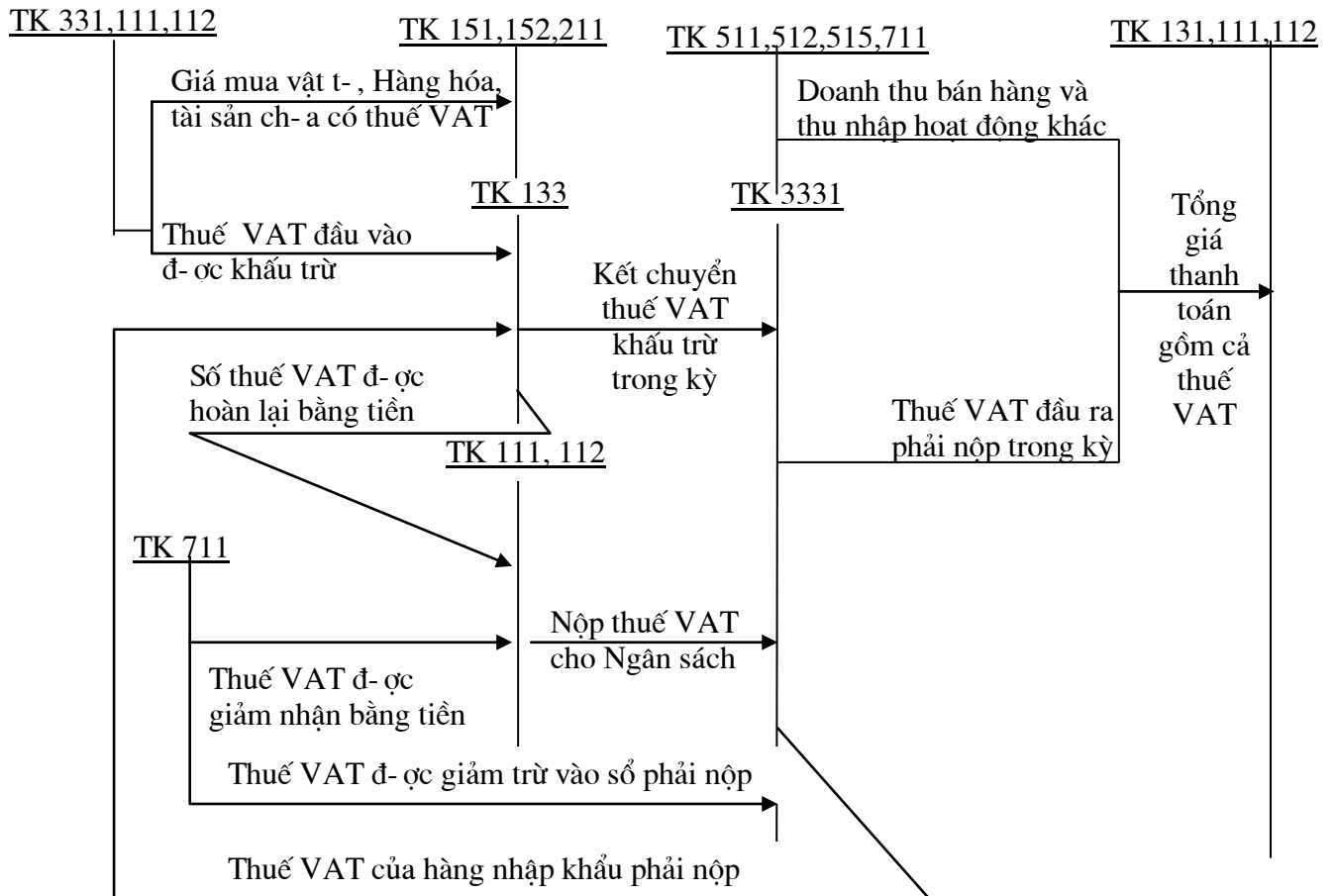
+ Đ- ợc giảm thuế :

Nợ TK 3331 (33311) Trừ vào số phải nộp.

Nợ TK 111, 112 Số đ- ợc giảm đã ghi nhận

Có TK 711 Số thuế VAT đ- ợc giảm trừ

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN THUẾ VAT THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ.



3.2. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Đối với các doanh nghiệp tính thuế VAT theo phương pháp trực tiếp, khi mua hàng hoặc bán hàng (trừ nhập khẩu hàng hoá), kế toán không phải xác định thuế VAT đ-ợc khấu trừ hay phải nộp. Cuối kỳ, căn cứ vào giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế VAT và thuế suất từng loại để xác định số thuế VAT phải nộp của từng hoạt động. Cụ thể:

+ Phản ánh thuế VAT của hàng nhập khẩu và giá trị hàng nhập khẩu:

Nợ TK 151,152,156,211,153 Giá thực tế hàng nhập khẩu

Có Tk 333 (3333) Thuế nhập khẩu phải nộp

Có TK 3331 (33312) Thuế VAT của hàng nhập khẩu phải nộp

Có TK 331,111,112 Giá mua và chi phí thu mua hàng

+ Phản ánh số thuế VAT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nợ TK 642 (6425)

Có Tk 3331 (33311)

+ Phản ánh thuế VAT phải nộp của hoạt động tài chính và hoạt động bất thường:

Nợ TK 811,635

Có Tk 3331 (33311)

+ Phản ánh thuế VAT phải nộp

Nợ TK 3331(33311, 33312)

Có Tk 111,112,311

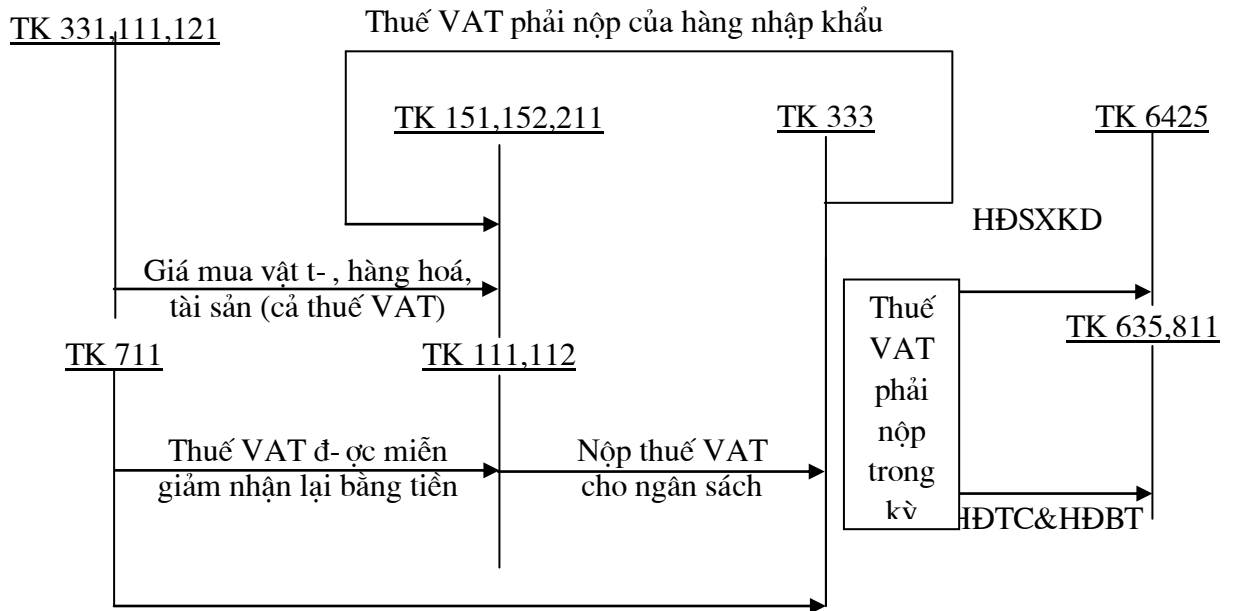
+ Phản ánh thuế VAT đ-ợc giảm trừ

Nợ TK 3331: Trừ số phải nộp trong kỳ

Nợ Tk 111,112 Nhận số giảm trừ bằng tiền

Có TK 711 Số thuế VAT đ-ợc giảm trừ

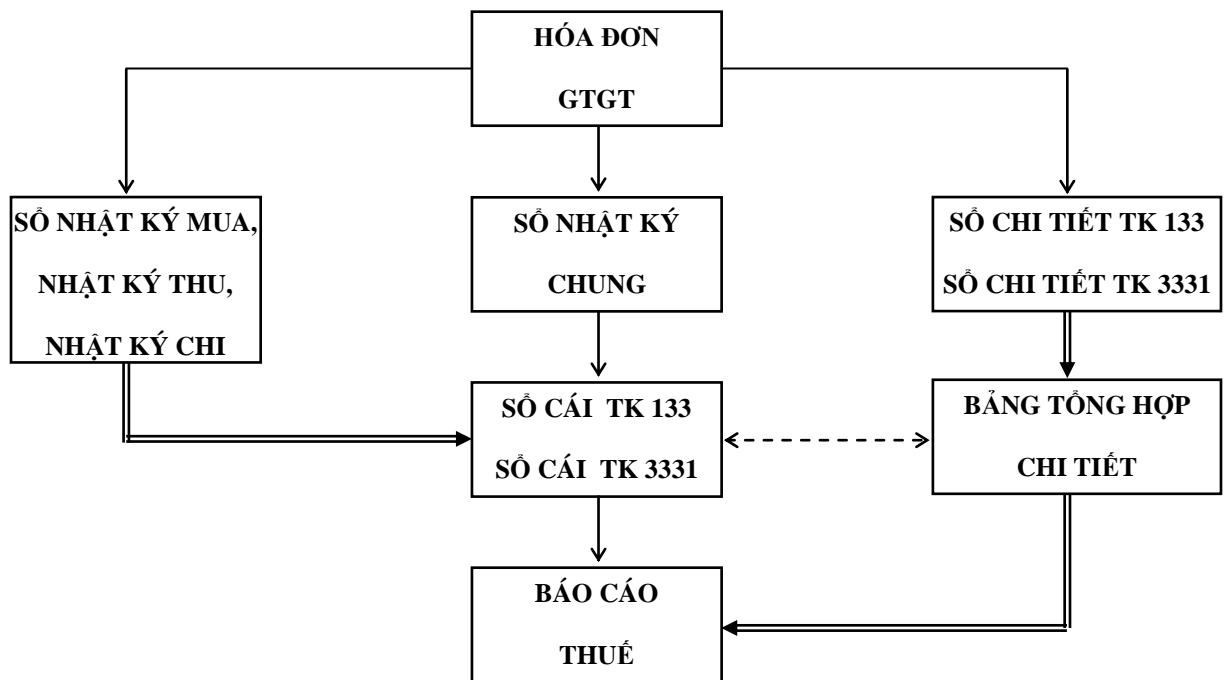
SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN VAT THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP.



4. Tổ chức sổ kế toán

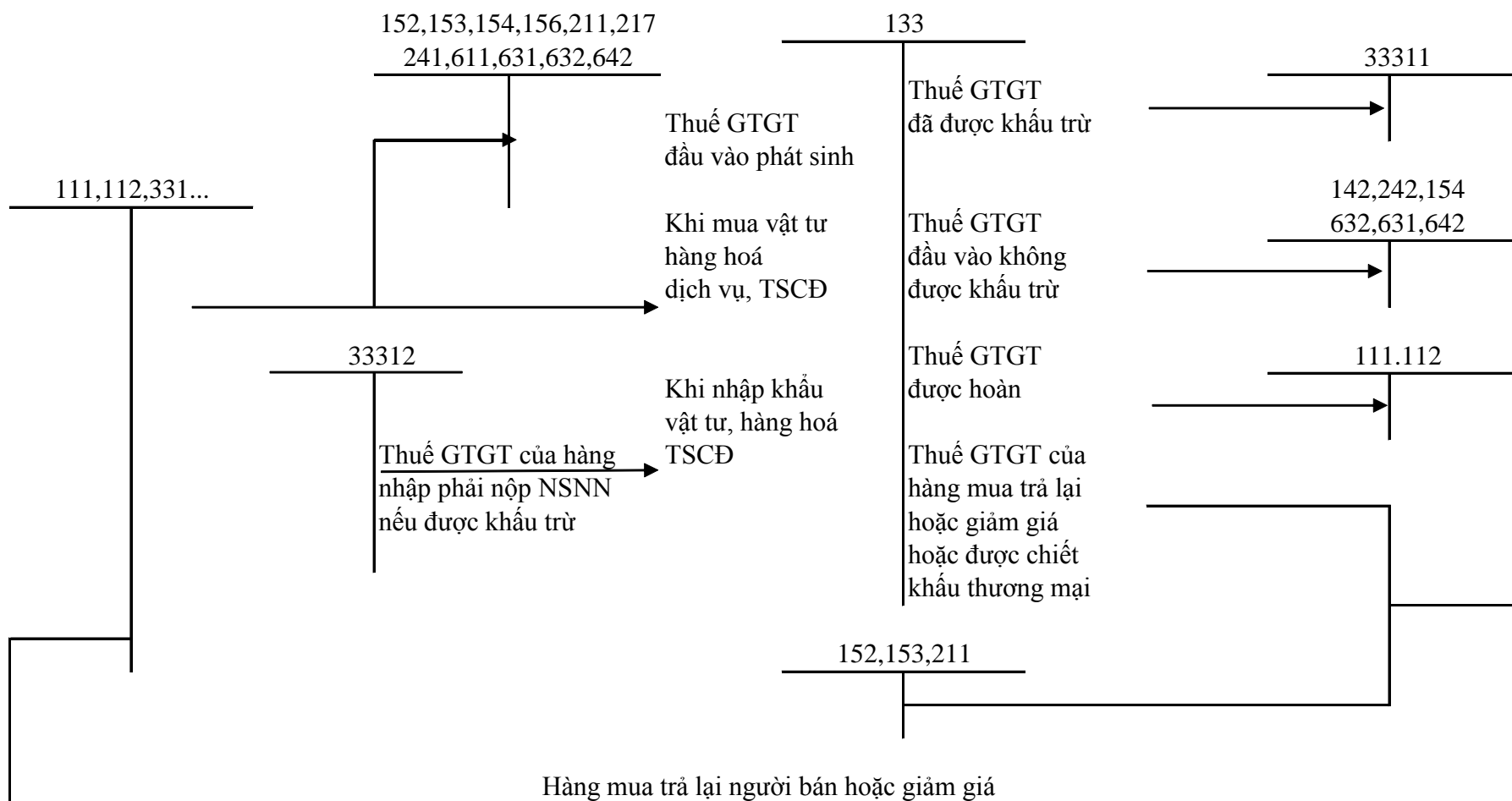
Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế GTGT cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:

Theo hình thức Nhật ký chung :



Tùy theo quy mô của từng doanh nghiệp cũng như tính phức tạp trong công tác kế toán, doanh nghiệp có thể mở thêm các sổ chi tiết liên quan đến kế toán thuế GTGT như sổ chi tiết theo dõi thuế đầu vào, sổ chi tiết theo dõi thuế đầu ra, sổ theo dõi thuế GTGT phải nộp, được khấu trừ... Tuy nhiên phải đảm bảo sự thống nhất và hợp lý trong tổ chức sổ kế toán để nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức bộ máy kế toán và để công việc hạch toán kế toán thực sự là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập hiện nay.

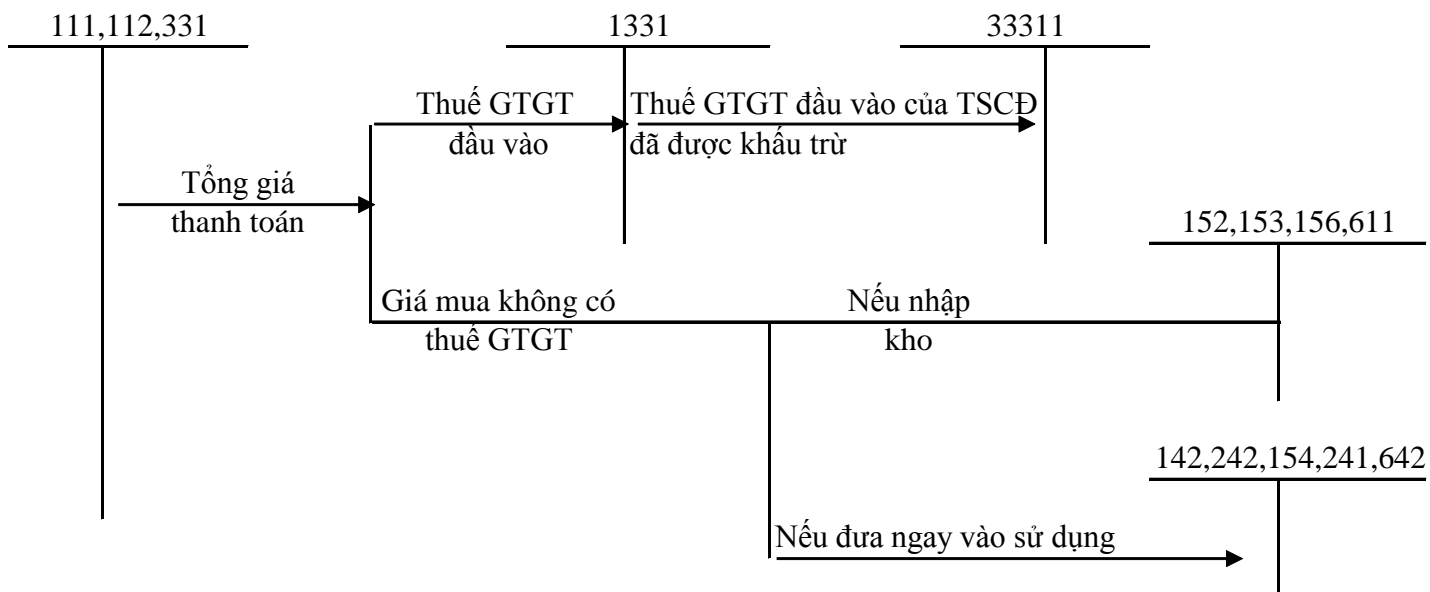
KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO



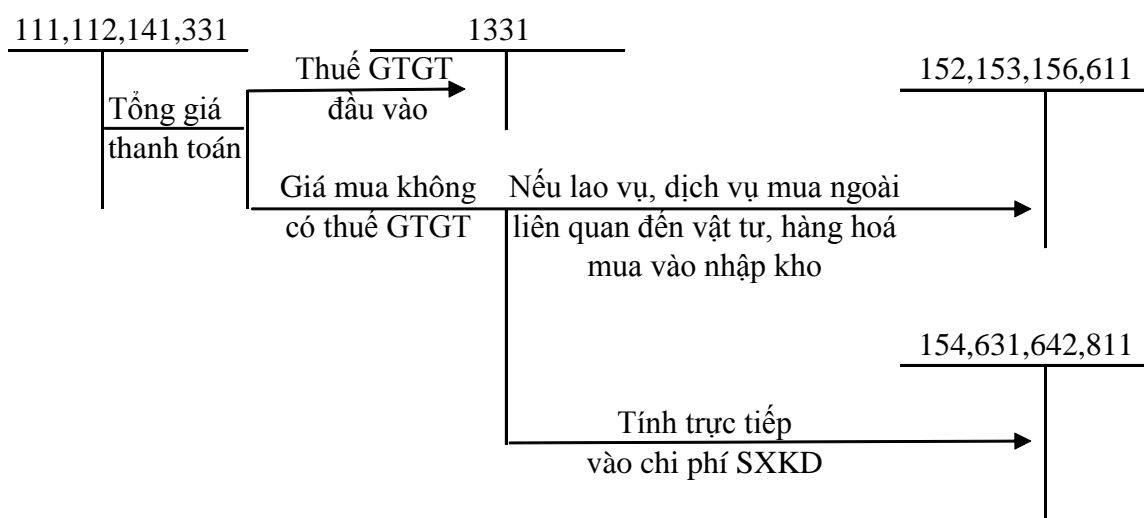
Chú ý: Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT khi mua TSCĐ, vật tư, hàng dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu(đối với hàng hoá nhập khẩu); chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo định của pháp luật(trường hợp nộp hộ thuế cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam)

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO

1. Kế toán thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hoá mua nội địa

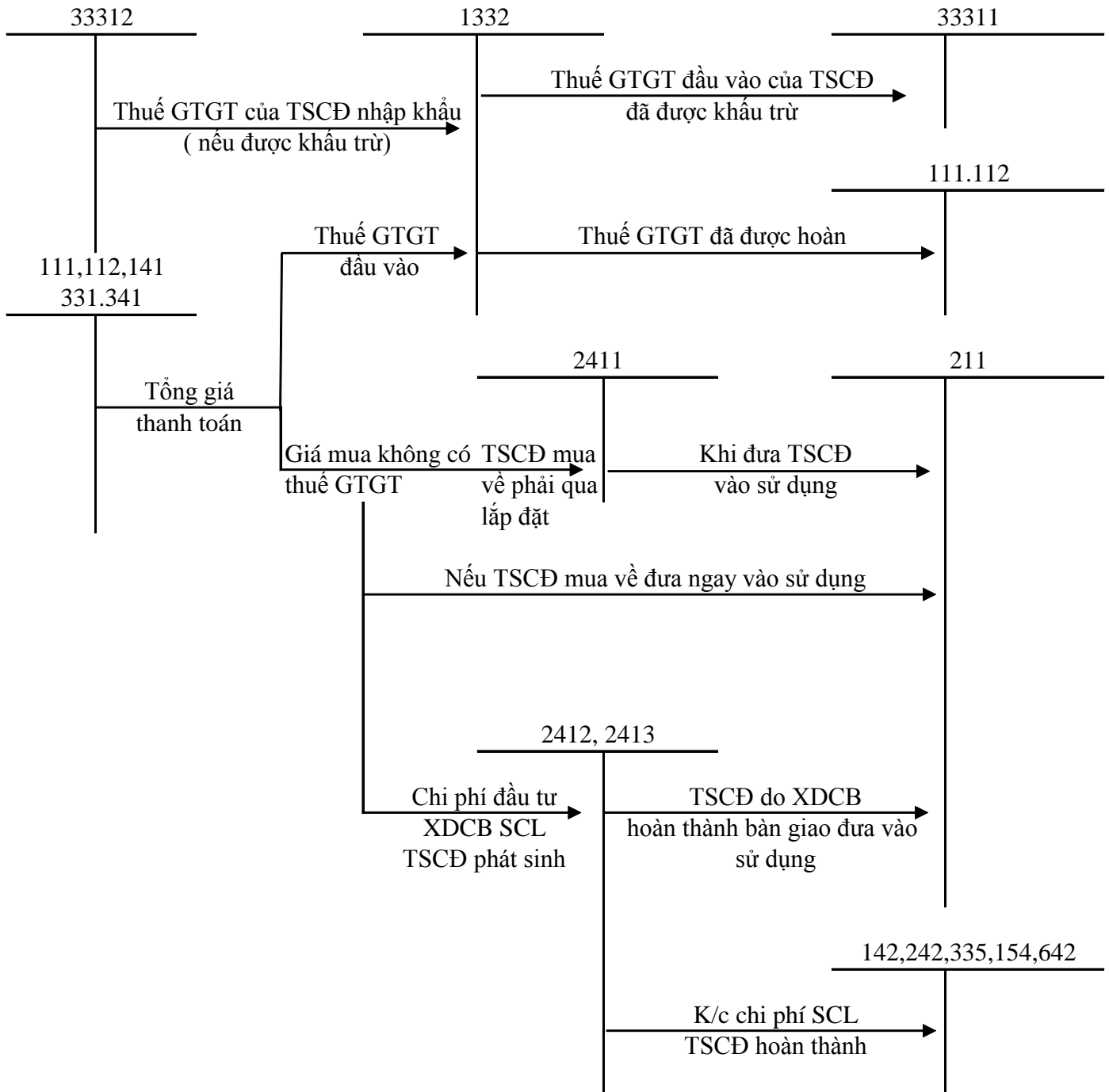


2. Kế toán thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua ngoài



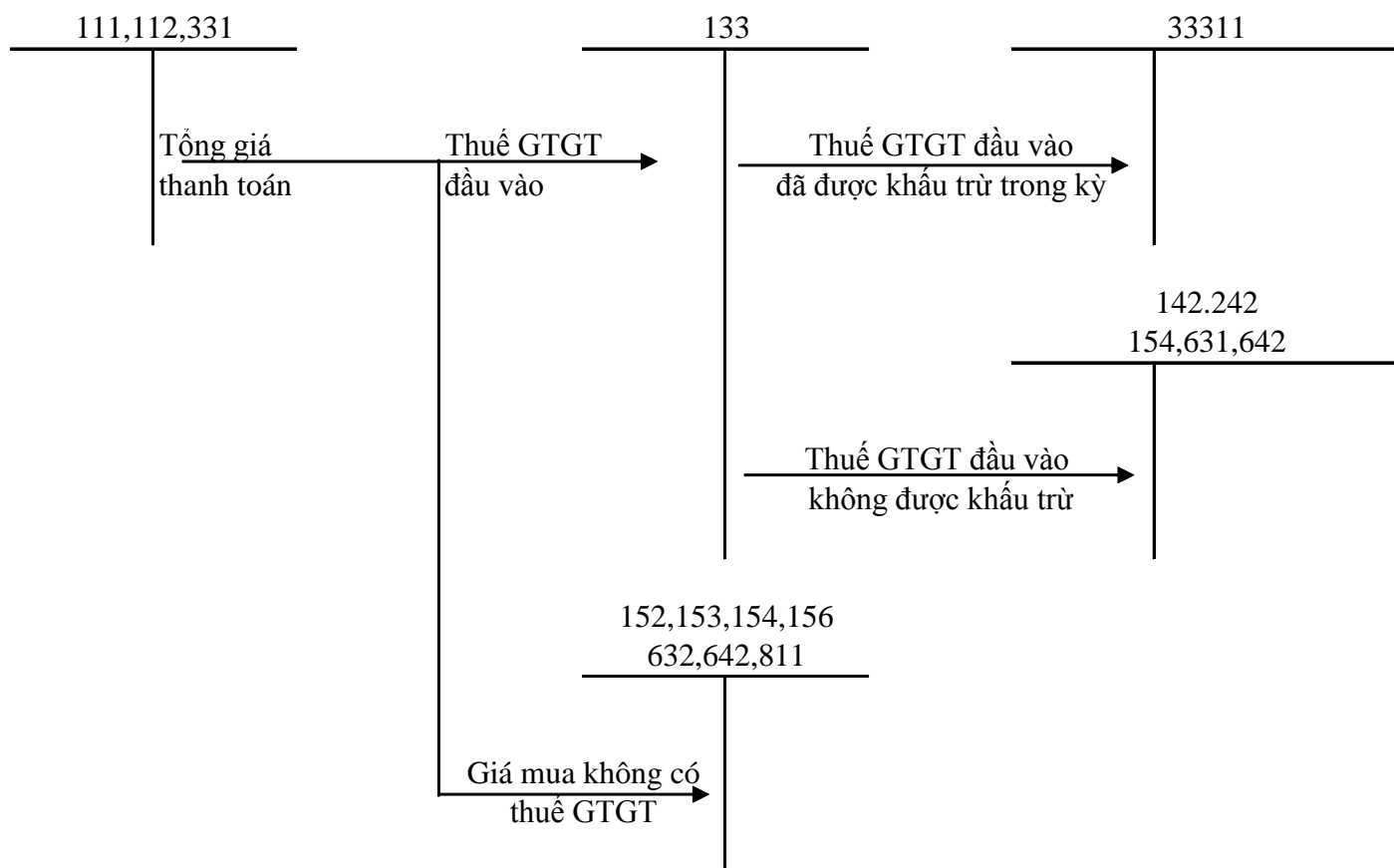
Chú ý: Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào là loại hàng hoá đặc thù ghi thanh toán là giá đã có thuế GTGT như vé cước vận tải, tem bưu chính ... thì bên mua phải tách thuế GTGT đầu vào để khấu trừ và giá mua chưa có thuế GTGT

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA TSCĐ ĐẦU TƯ, MUA SẮM SỬA CHỮA



Chú ý: Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn GTGT hoặc có hoá đơn GTGT nhưng sử dụng không đúng quy định của pháp luật thì DN không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào như: hoá đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ TH hàng hoá dịch vụ đặc thù); không ghi hoặc ghi không đúng tên địa chỉ, mã số thuế, hoá đơn bị giả, hoá đơn bị tẩy xóa, hoá đơn không; hoá đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hoá dịch vụ mua bán trao đổi.

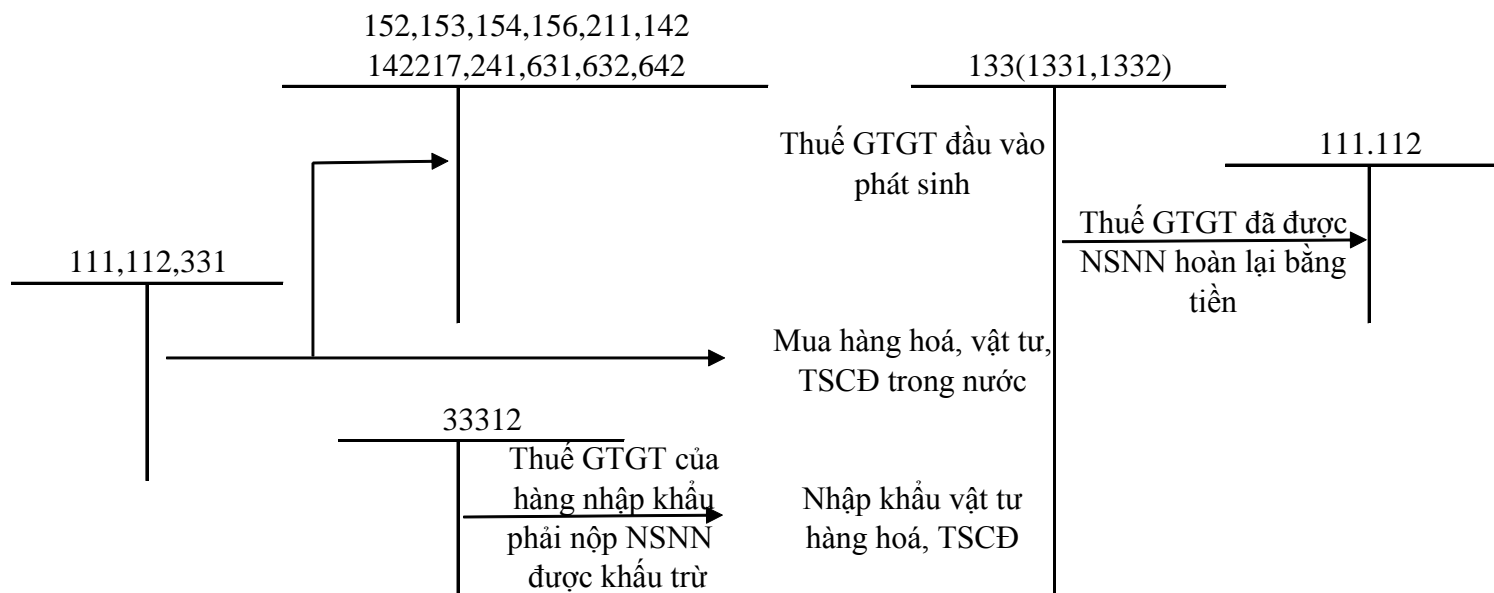
**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐÃ ĐƯỢC KHẤU TRỪ
VÀ KHÔNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**



Chú ý:

1. Thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hoá và dịch vụ mua về dùng đồng thời cho hoạt động SXKD hàng hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT đầu vào và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT nhưng DN không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Trường hợp này thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ giữa doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ
2. Thuế GTGT không được khấu trừ được phản ánh vào các tài khoản liên quan tùy theo từng trường hợp cụ thể: thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ ghi nợ TK 632/ có TK 133 nếu phát sinh lớn phải phân bổ dần: Ghi Nợ TK 142,242/ Có TK 133

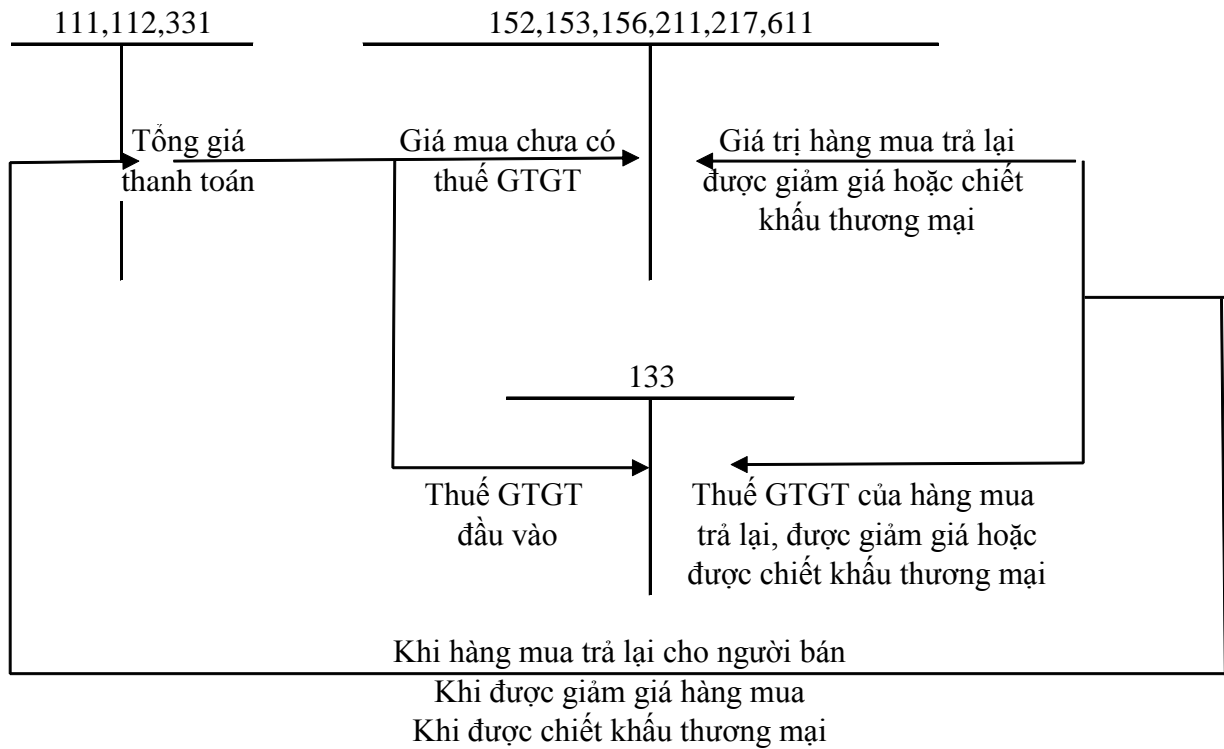
KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN



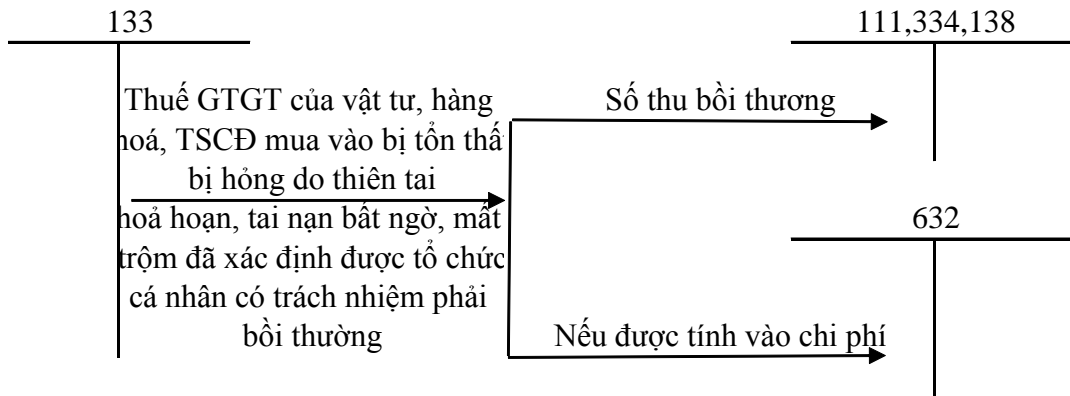
Chú ý:

1. Thuế GTGT được hoàn khi đã nhận được tiền cuốn NSNN , ghi nợ TK 111,112/ Có TK 133
2. Doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được xét hoàn thuế trong các trường hợp sau:
 DN trong 3 tháng liên tục trở lên(không phân biệt theo quý của năm dương lịch cũng như niên độ kế toán), có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết. Trường hợp này áp dụng cho cả DN có đầu tư mới, đầu tư chiều sâu.
 DN trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng. DN có hàng hoá xuất khẩu thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT phải đủ các điều kiện, thủ tục theo quy định
3. DN đầu tư mới đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, chỉ phát sinh thuế đầu ra. Và thời gian đầu tư từ một năm trở lên thì DN vẫn phải lập tờ khai thuế hàng tháng và được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm dương lịch. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo từng quý(3 tháng liên tục không phân biệt theo năm)

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA HÀNG MUA TRẢ LẠI, ĐƯỢC GIẢM GIÁ
HOẶC ĐƯỢC CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI**

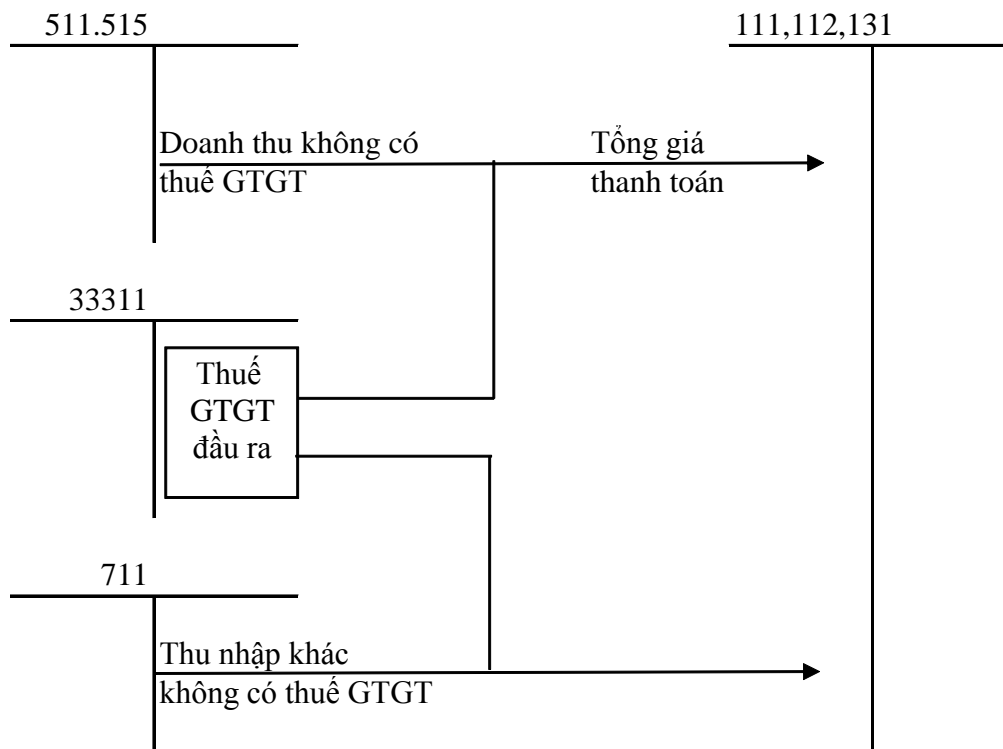


KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, TSCĐ MUA VÀO BỊ TỒN THẤT



Chú ý: Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, vật tư, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn tai nạn bất ngờ, bị mất trộm, nếu xác định được tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường không đ khấu trừ

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA



Chú ý:

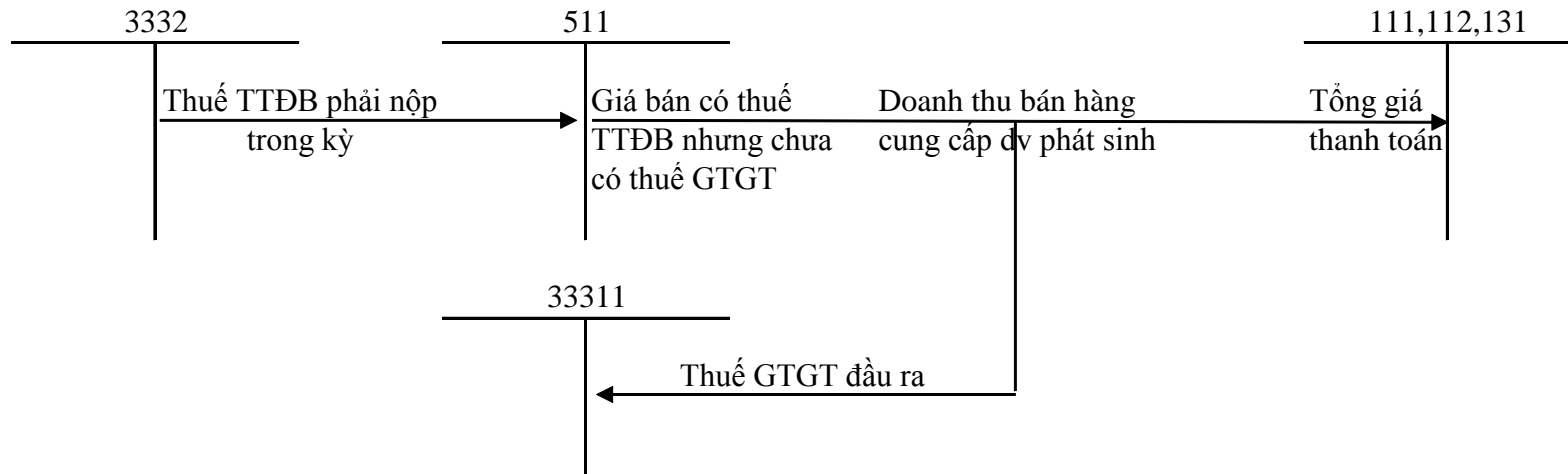
Khi bán hàng hoá, dịch vụ phải sử dụng hoá đơn GTGT

DN trực tiếp bán lẻ hàng hoá, cung cấp dịch vụ có giá trị thấp dưới mức quy định thì không phải lập l dđơn (nếu người mua không yêu cầu) thì phải lập bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ đồng thời phải tá doanh thu bán hàng không có thuế và thuế GTGT đầu ra

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ do DN bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác là giá chưa có thuế GTGT

Giá tính thuế GTGT đối các loại hàng hoá, dịch vụ bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hoá, dịch vụ mà DN được hưởng, trừ các khoản phụ thu và phí DN phải nộp NSNN. Trườn hợp DN áp dụng hình thức giảm giá thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã giảm ghi trên hoá đơn

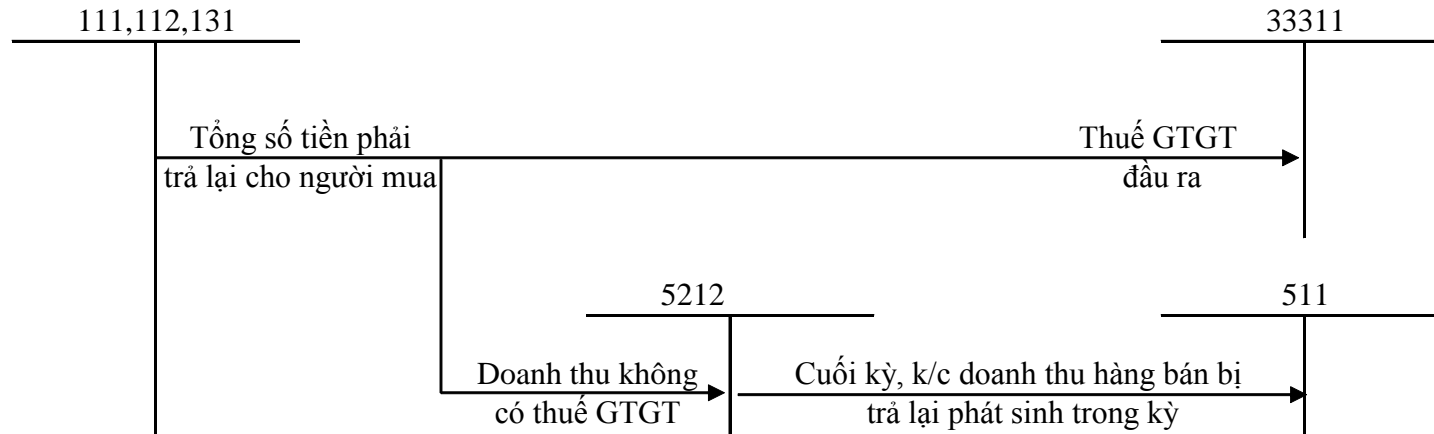
**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ
CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT Ở KHẤU SẢN XUẤT, KINH DOANH
TRONG NƯỚC PHẢI NỘP NSNN**



Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá bán đã có thuế TTĐB nhưng chưa có thuế GTGT
 Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hoá sản xuất trong nước là giá bán của DN chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT
 Giá tính thuế TTĐB đối với dịch vụ là giá cung ứng dịch vụ của DN chưa có thuế GTGT và TTĐB

KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI



Chú ý:

Khi mua hàng hoá, người bán đã xuất hoá đơn, người mua đã nhận hàng, nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hoá không đúng quy cách chất lượng phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hoá, khi xuất hàng trả lại cho người bán, người mua phải lập hoá đơn, trên hoá đơn ghi rõ hàng hoá trả lại người bán do không đúng quy cách, chất lượng, tiền thuế GTGT. Hoá đơn này là căn cứ để bên bán, bên mua điều chỉnh doanh số mua, bán, số thuế GTGT đã kê khai.

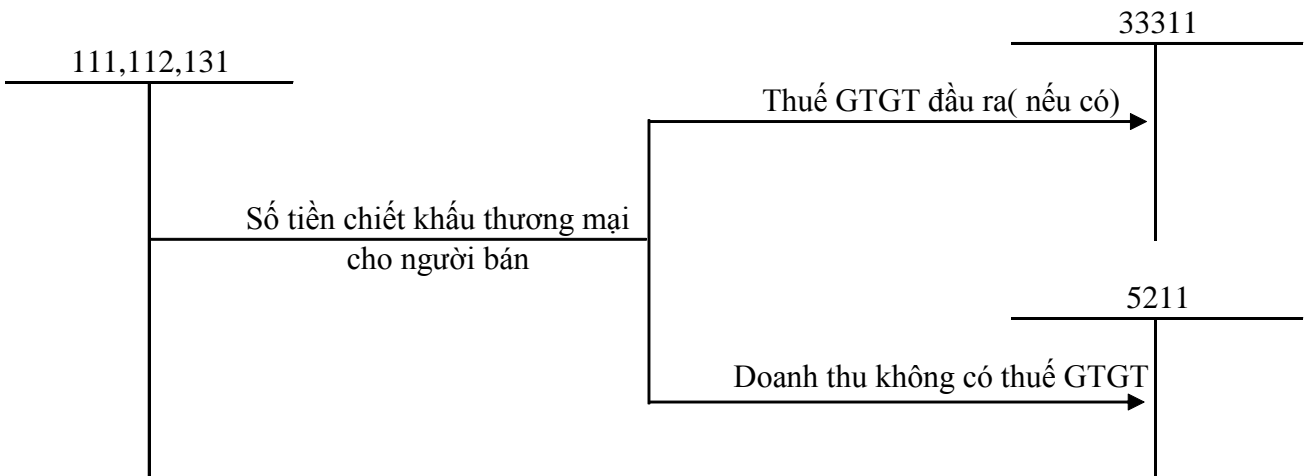
Nếu người mua là đối tượng không có hoá đơn, khi trả lại hàng hoá, bên mua và bên bán phải lập biên bản hoặc thoả thuận bằng văn bản ghi rõ loại hàng hoá, số lượng, giá trị hàng trả lại theo giá không có thuế GTGT, tiền thuế GTGT theo hoá đơn bán hàng(số,ký hiệu, ngày, tháng của hoá đơn), lý do trả hàng kèm theo hoá đơn gửi cho bên bán. Biên bản này được lưu giữ cùng với hoá đơn bán hàng để làm căn cứ điều chỉnh kê khai doanh số bán, thuế GTGT của bên bán

Nếu người mua đã xuất hàng và lập hoá đơn, người mua chưa nhận hàng nhưng phát hiện hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hoá, khi trả lại hàng bên mua và bên bán phải lập biên bản ghi rõ hàng hoá, số lượng, giá trị chưa có thuế GTGT, tiền thuế GTGT, lý do trả hàng theo hoá đơn bán hàng đồng thời kèm theo hoá đơn để gửi trả bên bán để bên bán lập lại hoá đơn GTGT cho số lượng hàng hoá đã nhận và làm căn cứ bên bán điều chỉnh doanh số và thuế GTGT đầu ra.

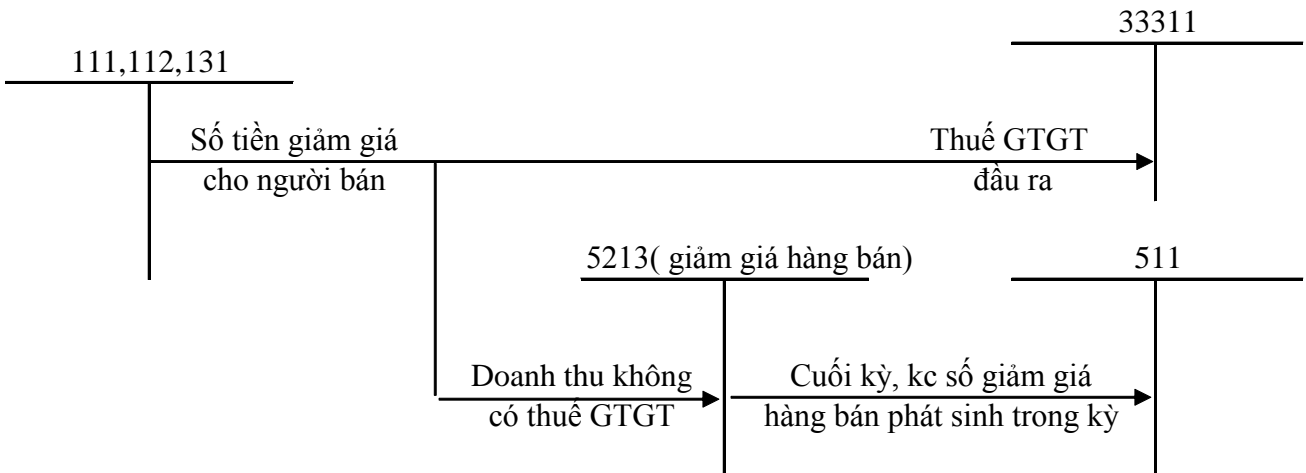
DN áp dụng phương pháp trực tiếp, khi phát sinh hàng bán bị trả lại, ghi: Nợ TK 5212/Có TK111,112,131(theo doanh thu bán hàng bị trả lại có cả thuế GTGT).

KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI VÀ GIẢM GIÁ HÀNG BÁN

1. Chiết khấu thương mại



2. Giảm giá hàng bán



Chú ý:

Hàng hoá, dịch vụ có giảm giá ghi trên hoá đơn thì trên hoá đơn phải ghi rõ: tỷ lệ % hoặc mức giảm giá bán chưa có thuế GTGT(giá bán đã giảm giá), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT. Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá, dịch vụ thực tế mua đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá của hàng hoá đã bán được tính điều chỉnh trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trên hoá đơn phải ghi rõ số hoá đơn và số tiền được giảm giá. Nếu khách hàng không tiếp tục mua hàng hoá thì cơ sở kinh doanh lập phiếu chi tiền chi khách hàng đúng quy định.

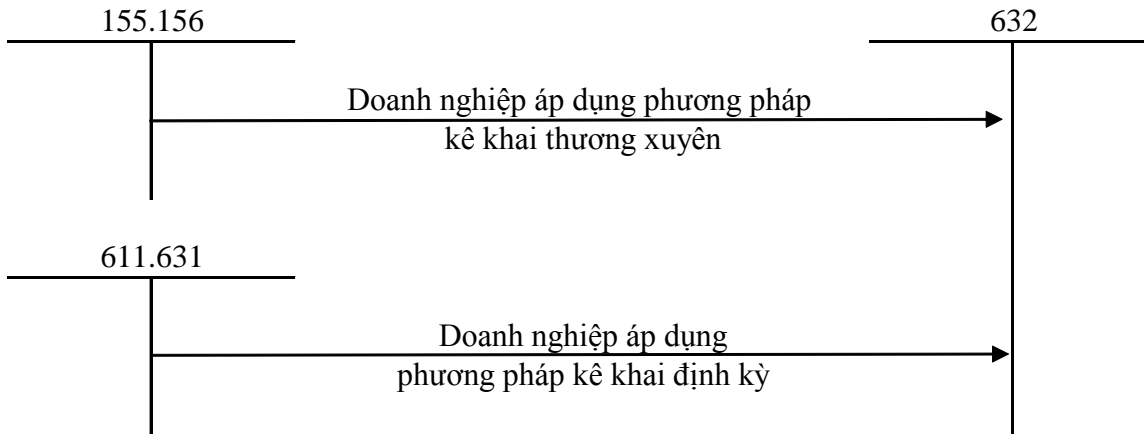
Đối với DN đã xuất bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ và lập hoá đơn do hàng hoá và dịch vụ không đảm bảo chất lượng, quy cách.... phải điều chỉnh(tăng, giảm) giá bán thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hoá, mức giá tăng(giảm) theo hoá đơn bán hàng, lý do tăng giảm, đồng thời bên bán lập hoá đơn điều chỉnh mức giá được điều chỉnh. Hoá đơn phải ghi rõ điều chỉnh giá cho hàng hoá, dịch vụ tại hoá đơn số, ký hiệu... Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh giá, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Các trường hợp sử dụng hoá đơn điều chỉnh DN không được ghi số âm.

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM HÀNG HOÁ DÙNG ĐỂ TRAO ĐỔI

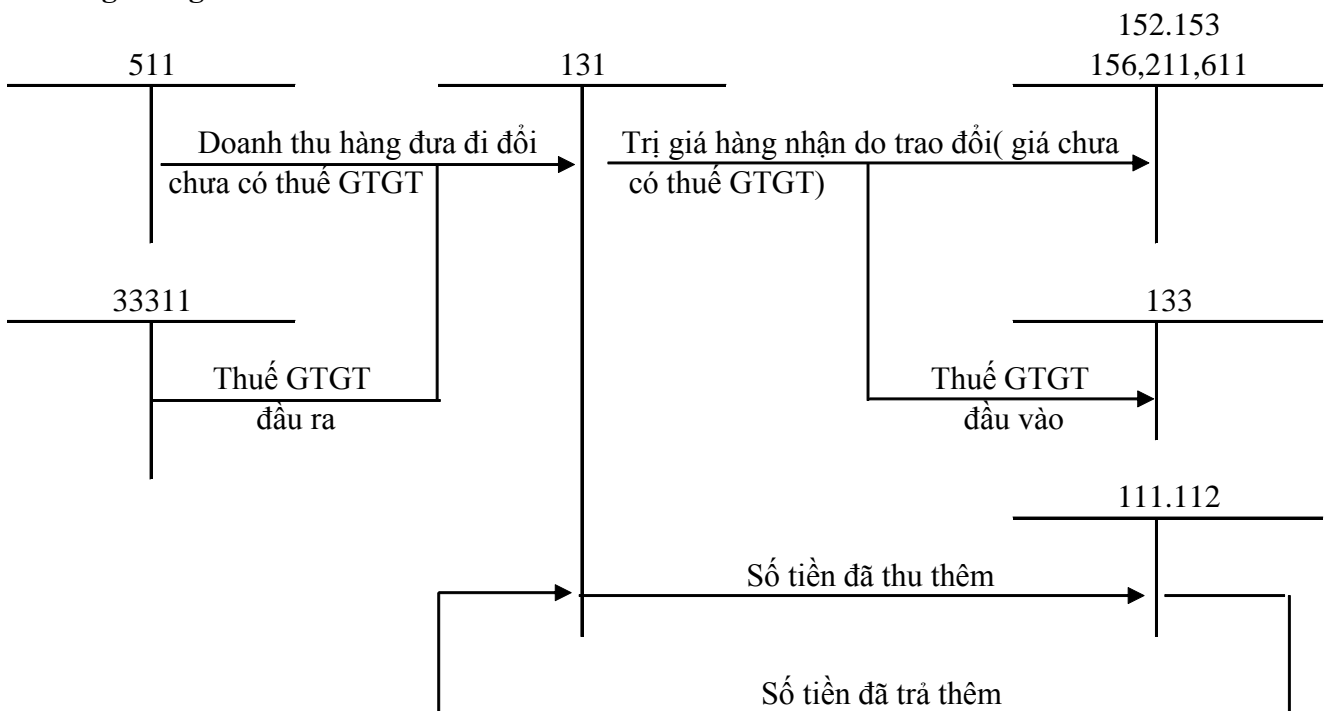
I. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ

1. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ vật tư, hàng hoá không tương tự để dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT

1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi



2. Đồng thời ghi



Chú ý:

Trao đổi thành phẩm, hàng hoá không tương tự phải hạch toán như mua, bán. Hàng đưa đi trao đổi phải hạch toán xem như mua, hàng nhận được do trao đổi phải hạch toán xem như bán

Khi xuất hàng để trao đổi phải lập hoá đơn GTGT(hoặc hoá đơn bán hàng), trên hoá đơn ghi đầy đủ cả tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá cho khách hàng, Khi nhận hàng do trao đổi phải tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ căn cứ vào hoá đơn GTGT của bên có hàng trao đổi

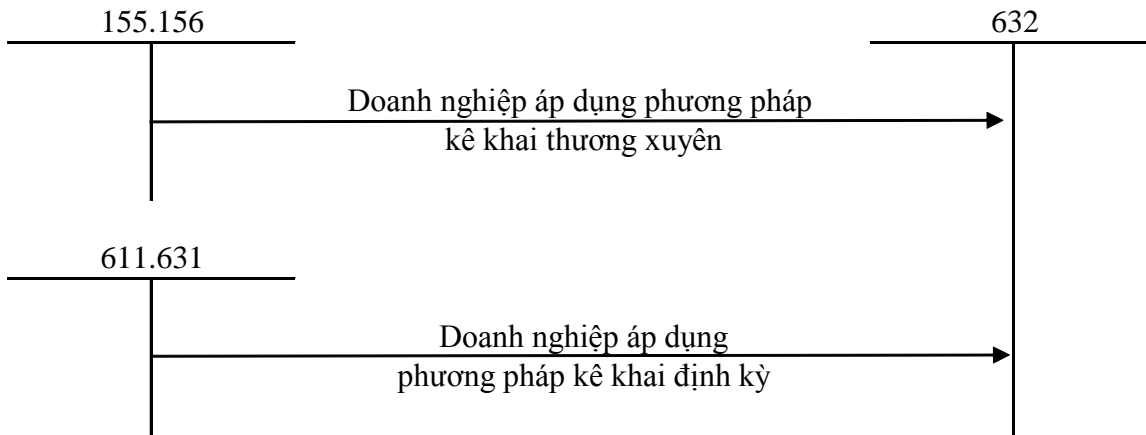
Trị giá hàng nhận được do trao đổi được xác định theo giá trị hợp lý của hàng nhận về hoặc giá trị hợp lý của hàng đưa đi trao đổi sau khi điều chỉnh số tiền phải thu thêm hoặc trả thêm

Giá tính thuế GTGT của hàng xuất để trao đổi là giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá cùng loại tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động này

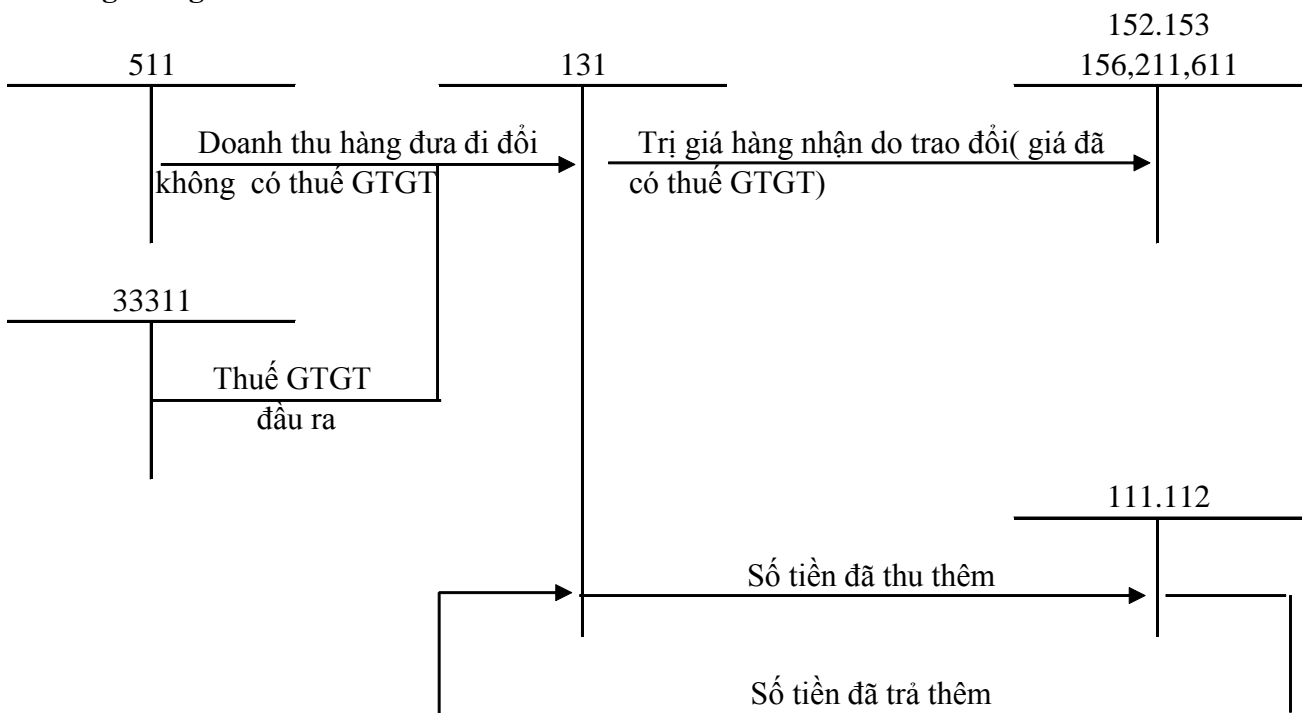
Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với sản phẩm, hàng hoá dùng để trao đổi được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trao đổi.

2. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ vật tư, hàng hoá không tương tự để dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT

1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi



2. Đồng thời ghi



Chú ý:

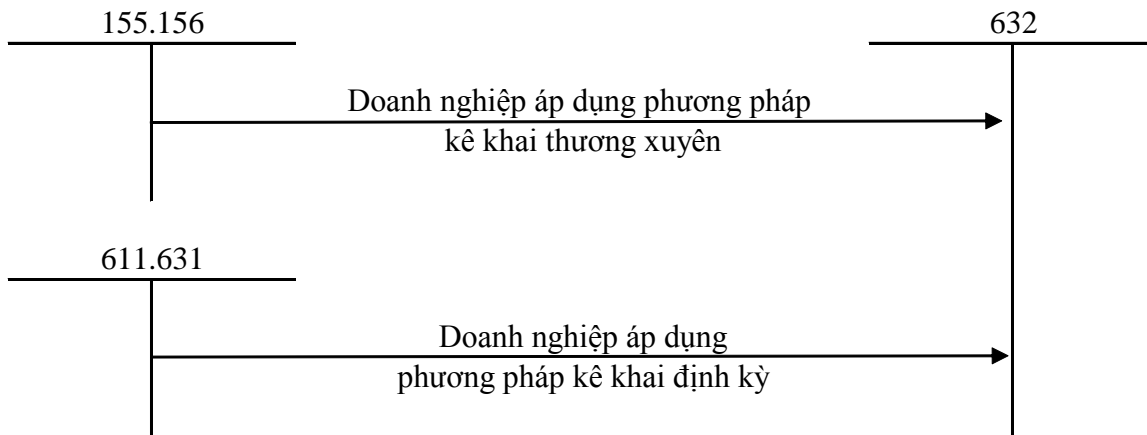
Khi xuất hàng để trao đổi phải lập hoá đơn GTGT

Trị giá hàng nhận được do trao đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu vào căn cứ vào hoá đơn của bên có hàng trao đổi

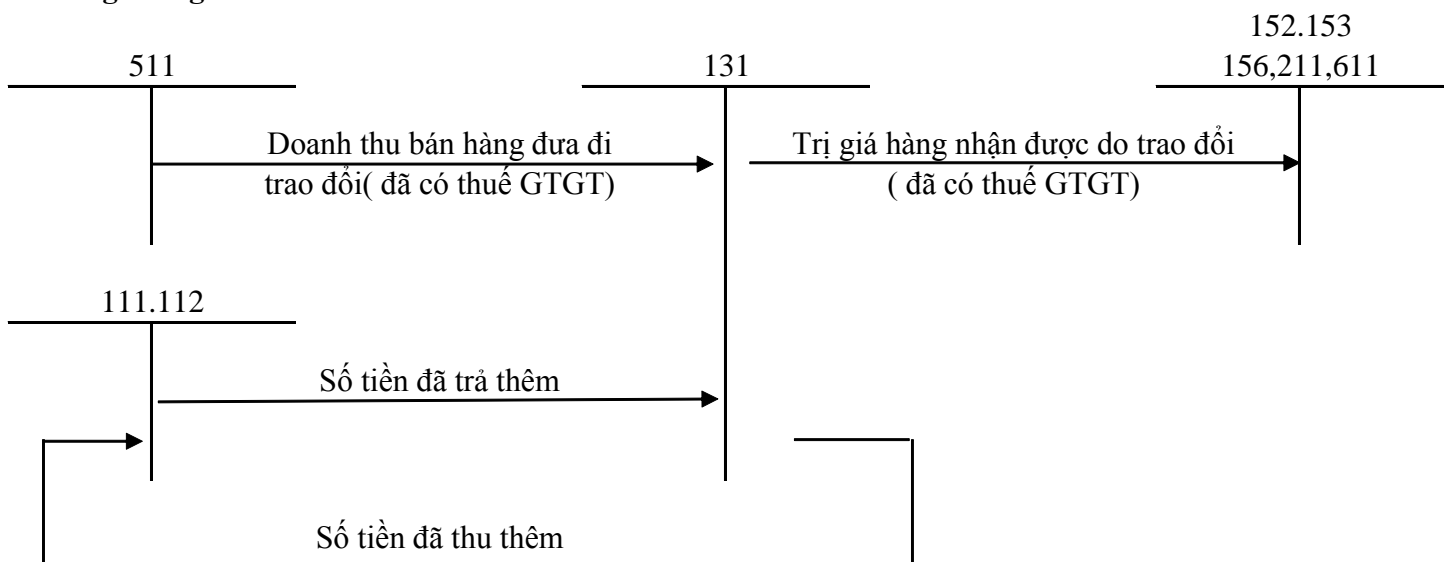
II. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp

1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi

1. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi



2. Đồng thời ghi



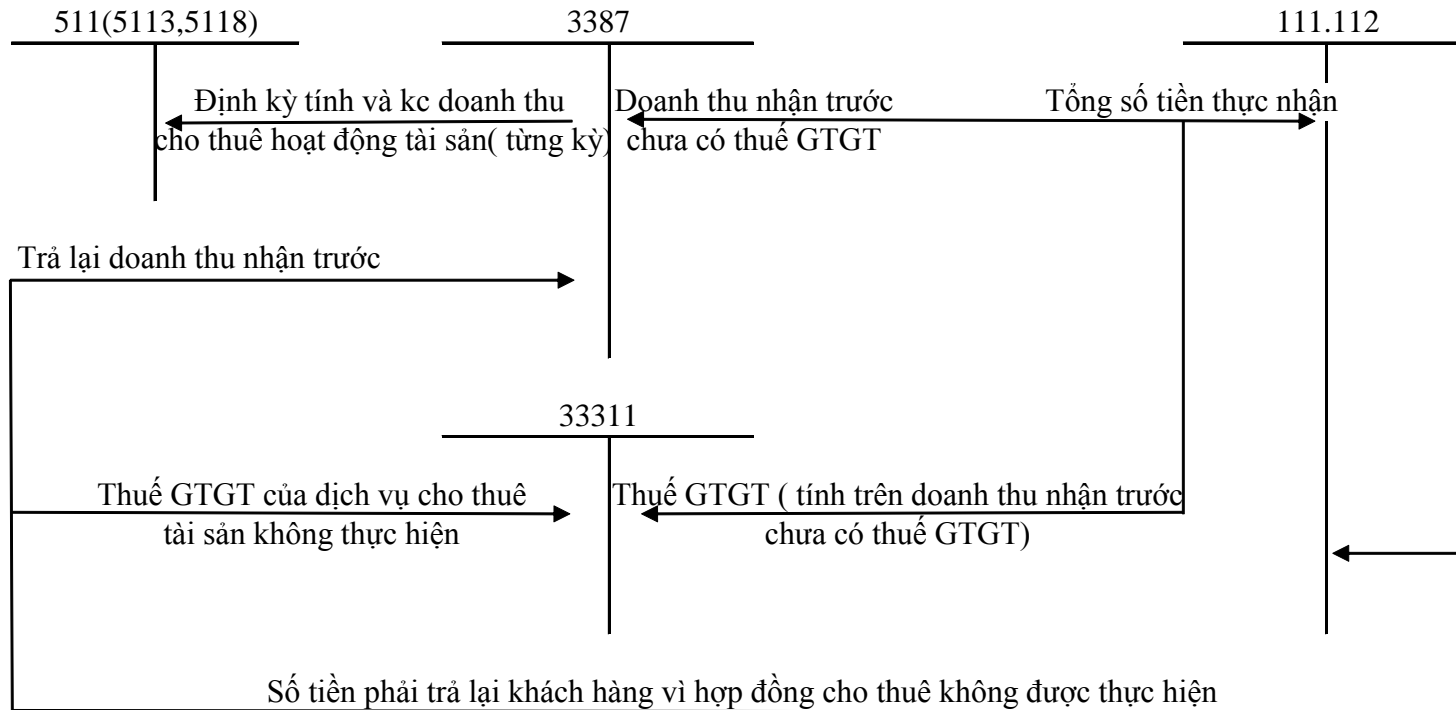
Chú ý:

Khi xuất hàng để trao đổi phải lập hoá đơn bán hàng thông thường

Doanh thu hàng đưa đi đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu ra: trị giá hàng nhận được do trao đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu vào

KẾ TOÁN THUẾ GTGT DỊCH VỤ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG TÀI SẢN

Trường hợp cho thuê hoạt động TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình hoặc bất động sản đầu tư(gọi chung là cho thuê hoạt động tài sản) thu tiền trước cho thuê nhiều kỳ, doanh thu của kỳ kế toán được xác định bằng tổng số tiền cho thuê hoạt động tài sản đã thu chia cho số kỳ thu tiền trước cho thuê hoạt động tài sản. Trong đó doanh thu cho thuê hoạt động TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình phản ánh vào bên có TK 5113(doanh thu cung cấp dịch vụ); doanh thu cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư phản ánh vào bên có TK 5118(doanh thu khác).

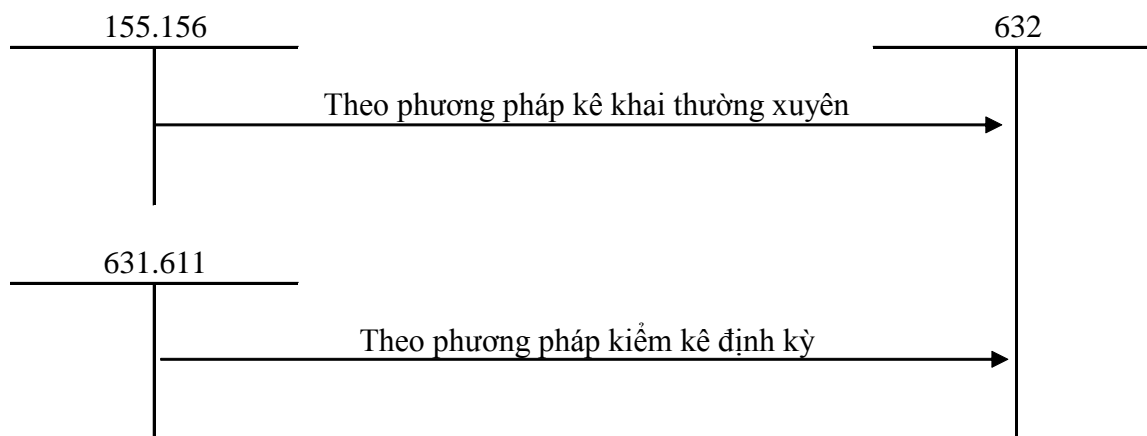


KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

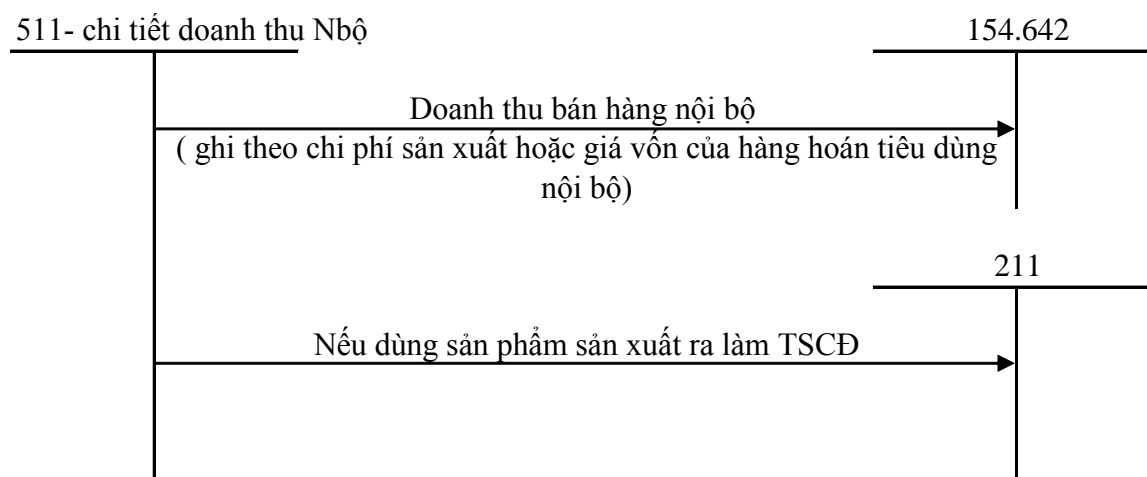
TIÊU DÙNG NỘI BỘ, KHUYẾN MẠI, QUẢNG CÁO

I. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ xuất kho để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo, phục vụ cho hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ

1. Phản ánh trị giá hàng xuất kho tiêu dùng nội bộ



2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng nội bộ



Chú ý:

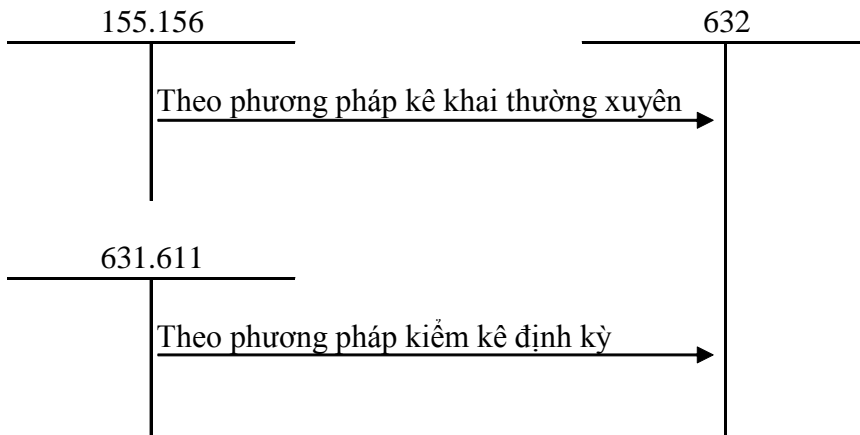
Đối với sản phẩm, hàng hoá xuất để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho SXKD hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh nghiệp phải lập hoá đơn GTGT, trên hoá đơn ghi rõ là hàng tiêu dùng nội bộ phục vụ cho SXKD hay khuyến mại, quảng cáo không thu tiền, DN dùng hoá đơn để làm chứng từ thanh toán

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm doanh nghiệp làm ra dùng để trang bị thường cho người lao động... được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trang bị, thưởng cho người lao động

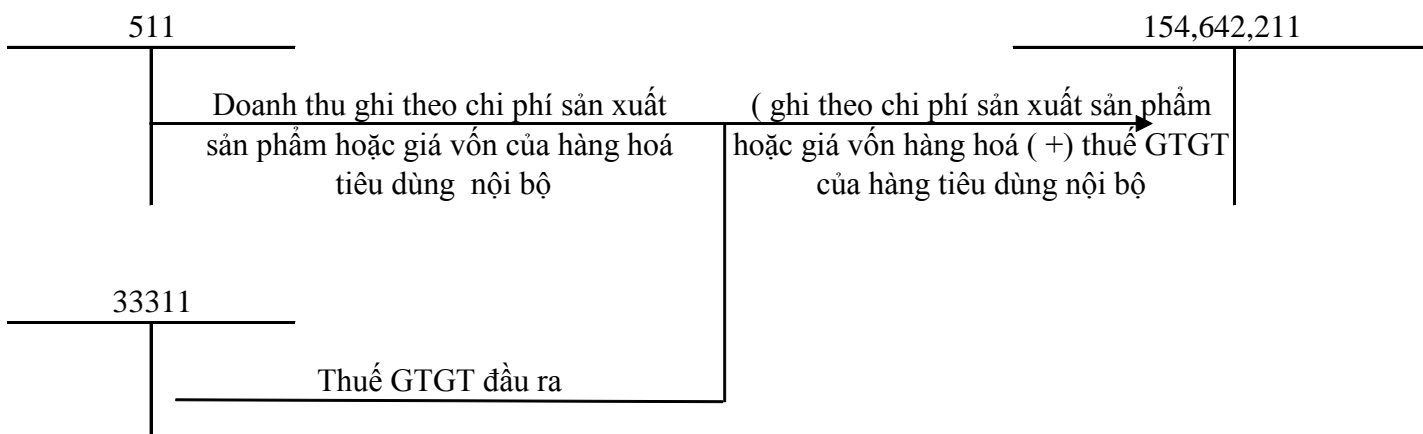
Đối với hàng hoá, dịch vụ do doanh nghiệp làm ra tự dùng để phục vụ cho quá trình SXKD như: đi dùng, sản phẩm sản xuất ra dùng làm TSCĐ, sản phẩm XDCB tự làm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN là chi phí sản xuất ra sản phẩm đó

II. Trường hợp xuất sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì phải tính thuế GTGT đầu ra:

1. Phản ánh trị giá hàng xuất kho để tiêu thụ nội bộ



2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng nội bộ



Chú ý:

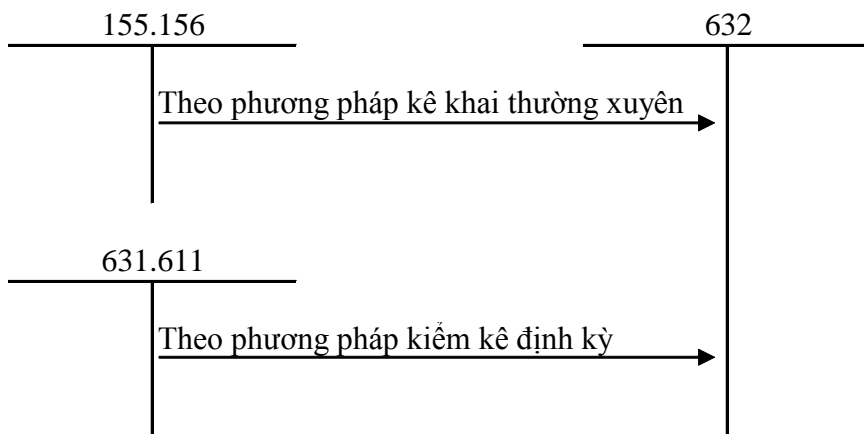
Khi DN xuất sản phẩm, hàng hoá chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho SXKD hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo hoá đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá cho khách hàng. Giá tính thuế GTGT trong trường hợp này được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá cùng loại tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN là chi phí sản xuất sản phẩm đó
 Trường hợp này thuế GTGT không được khấu trừ phải tính vào chi phí SXKD

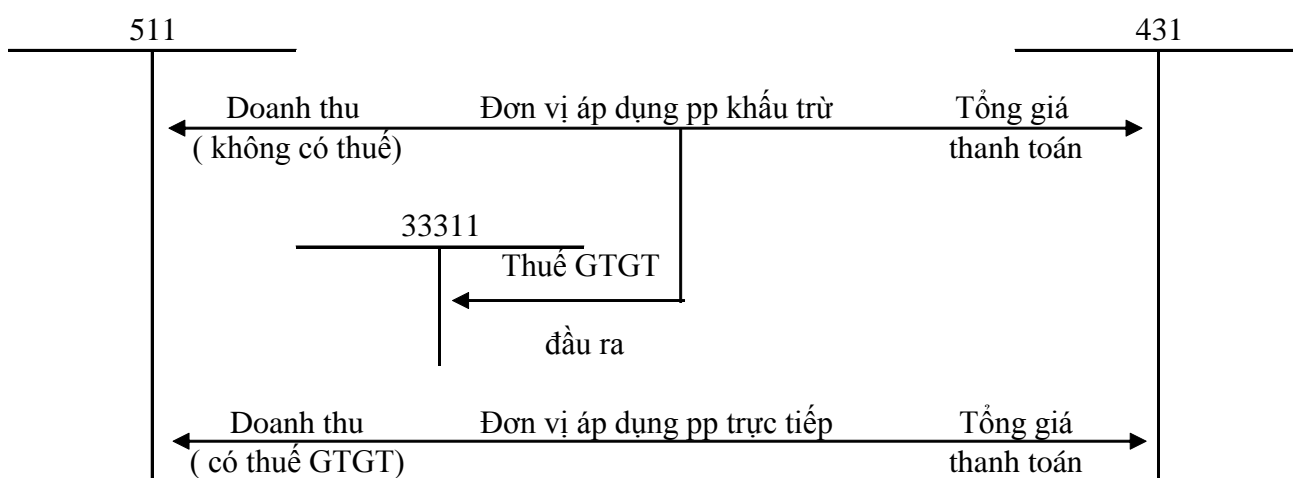
KẾ TOÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ ĐỂ BIỂU TẶNG

Trường hợp sử dụng sản phẩm, hàng hoá chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để biếu tặng các đơn vị, cá nhân bên ngoài được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi thì số thuế GTGT đầu ra phải nộp NSNN không được khấu trừ

1. Phản ánh trị giá hàng xuất kho để biếu tặng



2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng



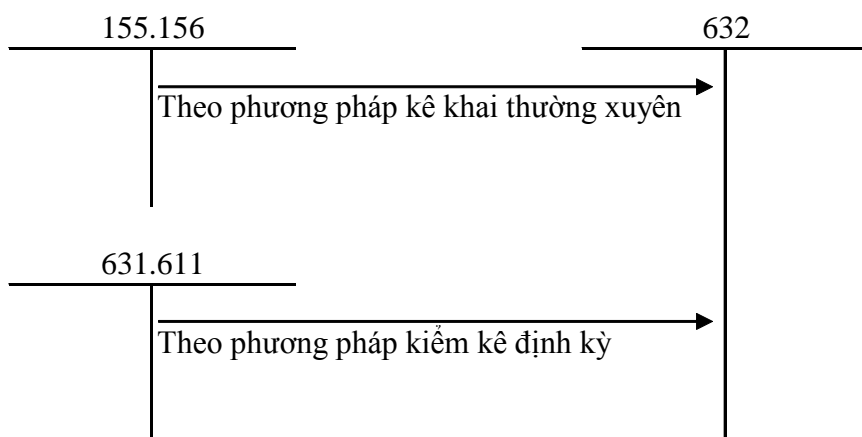
Chú ý:

Khi DN xuất sản phẩm, hàng hoá để biếu tặng cho đơn vị, cá nhân bên ngoài bằng quỹ khen thưởng phúc lợi phải lập hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng, trên hoá đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính GTGT như hoá đơn xuất bán hàng cho khách hàng.

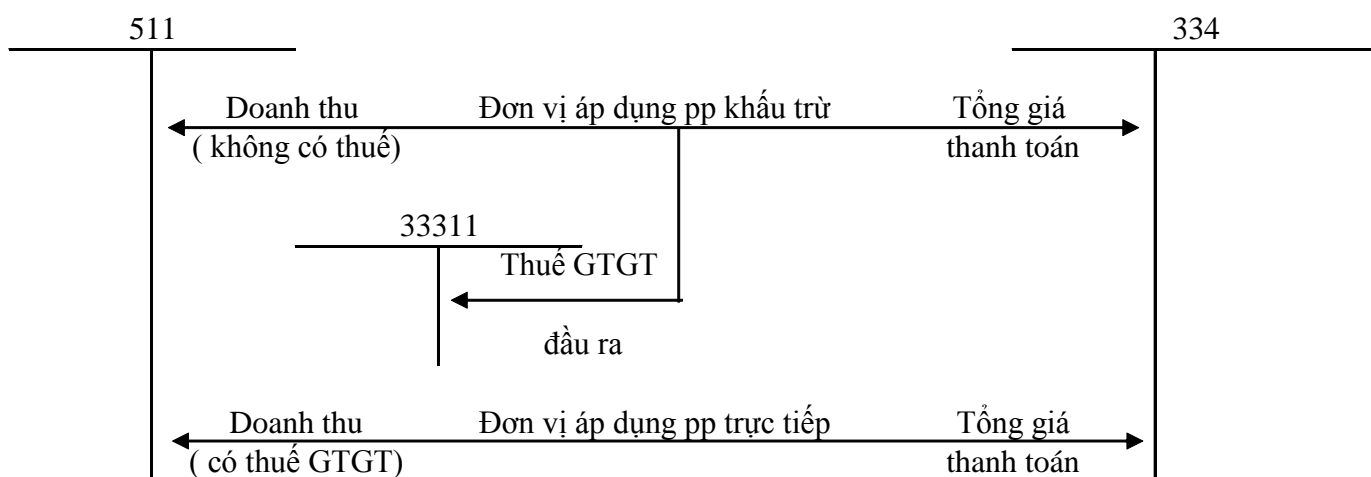
Giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá xuất để biếu, tặng được xác định theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của sản phẩm, hàng hoá xuất để biếu tặng được xác định là tiền bán sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm biếu tặng

KẾ TOÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM HÀNG HOÁ CHỊU THUẾ GTGT ĐỂ TRANG BỊ, THƯỜNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Phản ánh giá hàng xuất kho để trang bị, thường cho người lao động



2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng



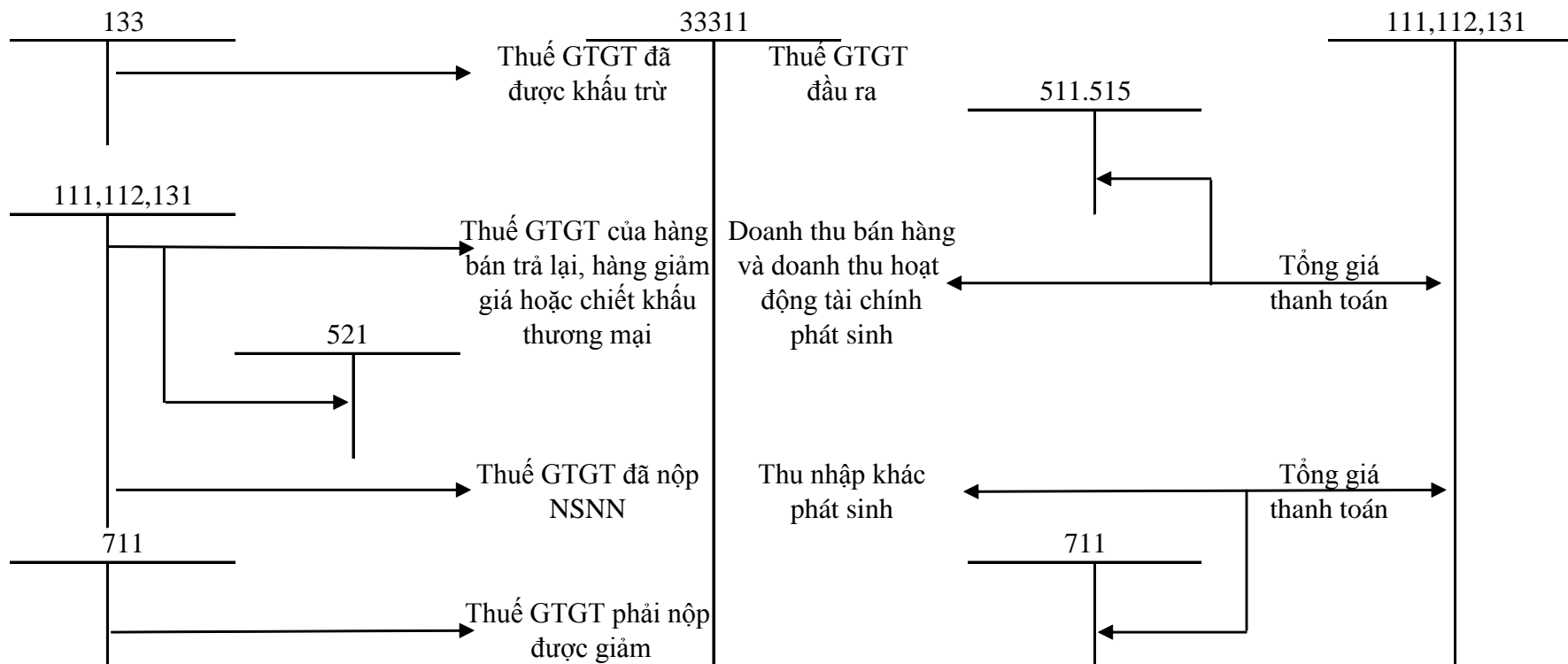
Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với sản phẩm, hàng hoá xuất để trang bị, thường cho người lao động được xác định theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm, hàng hoá xuất để trang bị, thường cho người lao động được xác định là tiền bán sản phẩm, hàng hoá cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm trang bị, thường cho người lao động

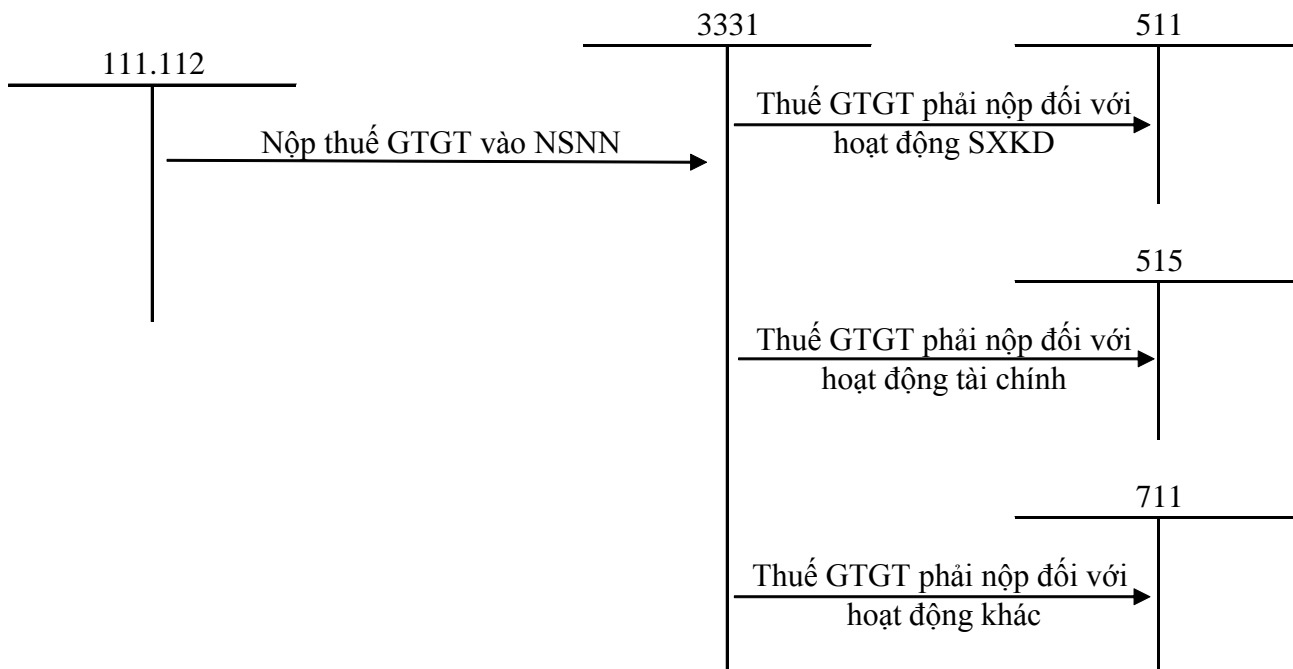
Khi xuất sản phẩm, hàng hoá để trang bị, thường cho người lao động, đơn vị phải lập hoá đơn GTGT, trên hoá đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng cho khách hàng

KẾ TOÁN TỔNG HỢP THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA PHẢI NỘP NSNN



**KẾ TOÁN THUẾ GTGT PHẢI NỘP Ở DOANH NGHIỆP
NỘP THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP**

Các doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, cuối kỳ số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp ghi:

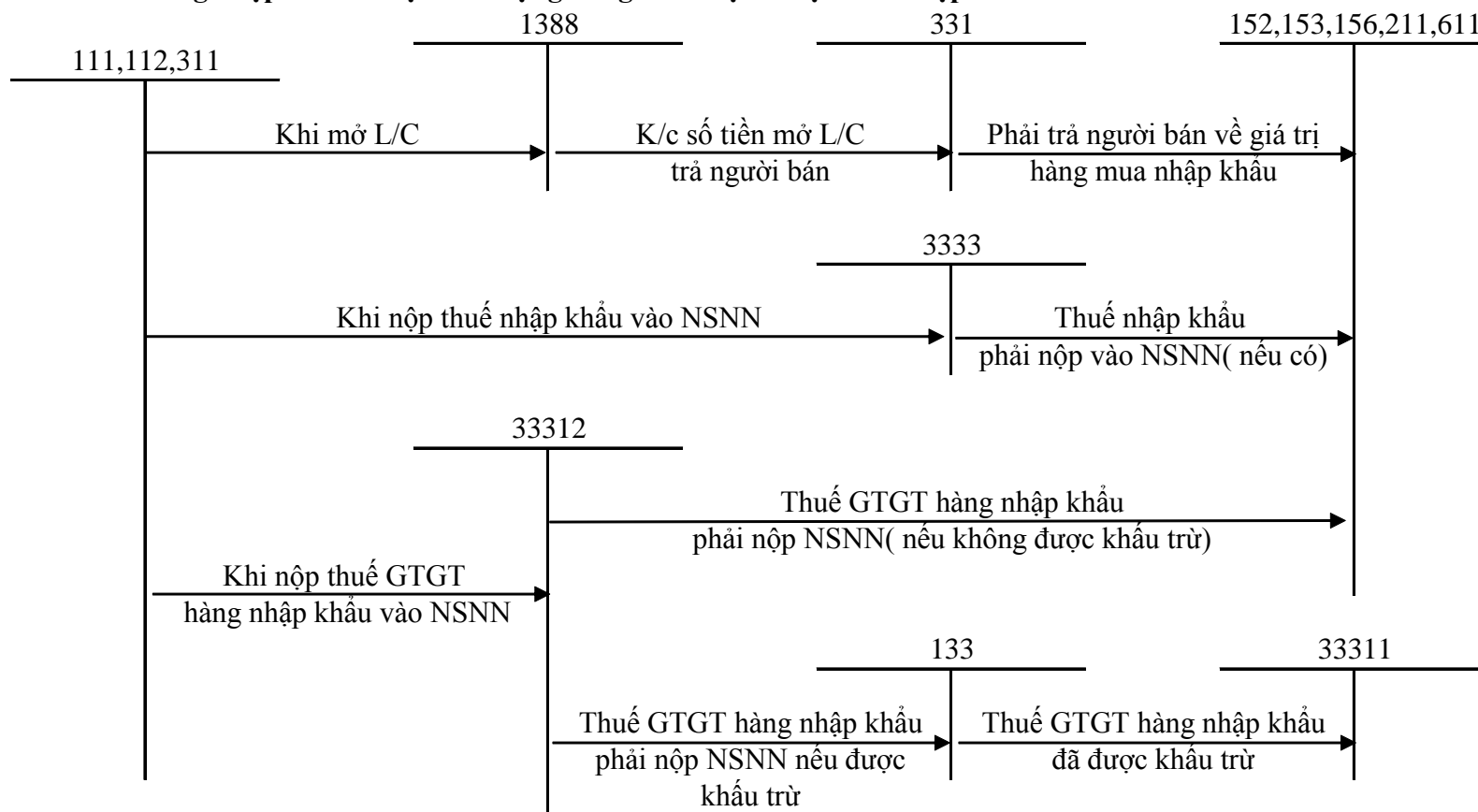


Chú ý:

Các DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp khi bán hàng phải lập hoá đơn bán hàng thông thường, không sử dụng TK 133 và cuối tháng mới phản ánh số thuế GTGT phải nộp

KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NSNN

1. Đối với hàng nhập khẩu thuộc đối tượng đồng thời chịu 2 loại thuế nhập khẩu và thuế GTGT



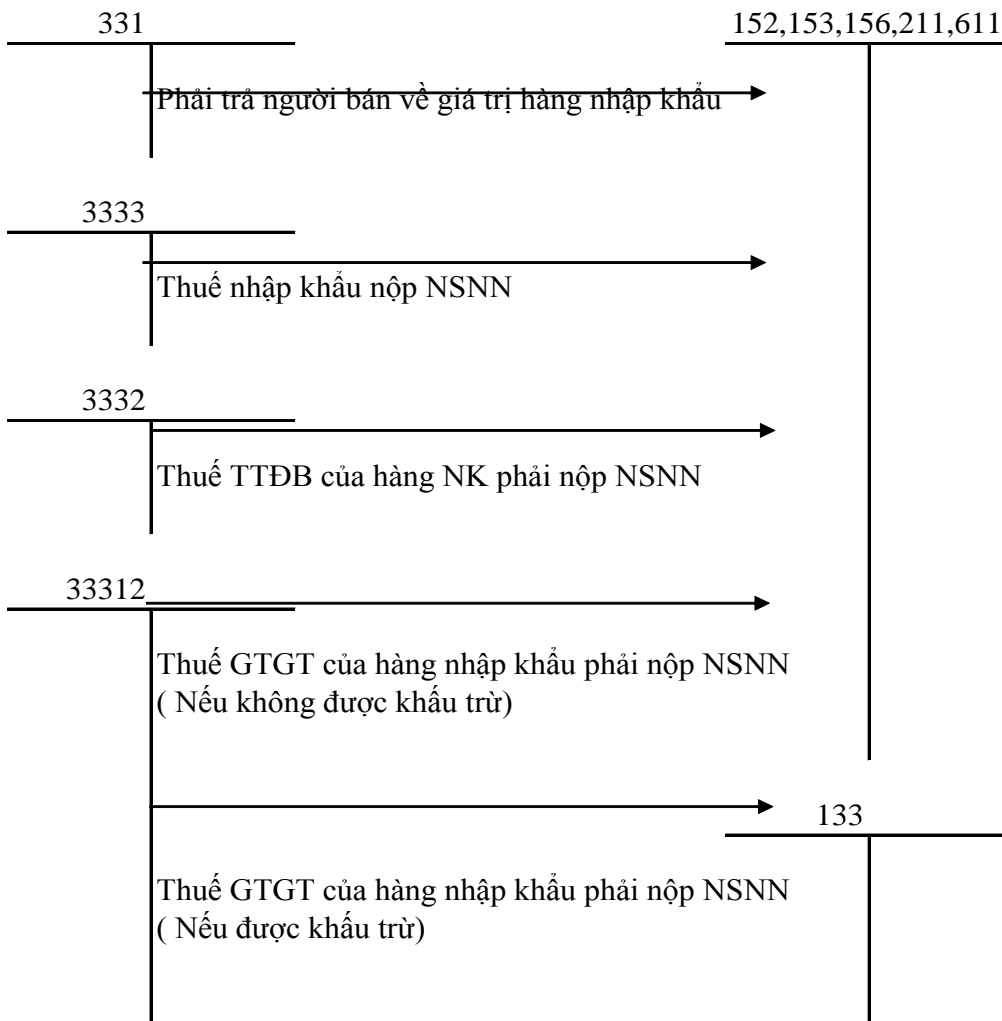
Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu là giá nhập khẩu tại cửa khẩu (+) với thuế nhập khẩu. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu làm cơ sở tính thuế GTGT được xác định theo các quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu

Nếu hàng nhập khẩu dùng vào SXKD hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT của hàng nhập khẩu sẽ được khấu trừ ghi: Nợ TK 133/Có TK 33312

Nếu hàng nhập khẩu dùng vào SXKD hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu không được khấu trừ và được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, ghi Nợ TK 152,153,156,211.../ Có TK 33312

2. Đối với hàng nhập khẩu thuộc đối tượng đồng thời chịu 3 loại thuế: thuế nhập khẩu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT



Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu là giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu và thuế TTĐB.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu được miễn giảm thuế nhập khẩu thì tính thuế GTGT là giá hàng hoá nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được miễn giảm

PHẦN II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY TNHH THÉP VSC – POSCO.

I. Khái quát chung về Công ty TNHH Thép VSC – POSCO

1. Giới thiệu chung về Công ty

Tên Tiếng Việt:	<i>Công ty TNHH Thép VSC – POSCO</i>
Tên Tiếng Anh:	VSC – POSCO Steel
Tên thường gọi:	Thép Việt - Hàn
Tên viết tắt:	VPS
Địa chỉ :	Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.
Điện thoại:	(+84) 31 - 3850100 / 3850124 / 3850125
Fax :	(+84) 31 - 3850123

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thép VSC – POSCO (Thép Việt – Hàn)

Tiền thân của Công ty TNHH Thép VSC – POSCO là Công ty Thép VSC – POSCO.

Đây là công ty liên doanh giữa Việt Nam (Tổng công ty Thép Việt Nam_VNSTEEL, Công ty Cổ phần Thép và cơ khí vật liệu Hải Phòng_HASCOM) và Hàn Quốc (Tập đoàn Thép POSCO, DAEWOO và POSTEEL) được thành lập theo giấy phép đầu tư số 769/GP do Ủy Ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 01 năm 1994 và đến ngày 03 tháng 06 năm 2008 đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Thép VSC – POSCO theo giấy chứng nhận đầu tư (đăng ký lại) số 021022000082 của UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Với số vốn điều lệ: 16.836.000 USD, được góp theo tỷ lệ Việt Nam 50%, Hàn Quốc 50%. Cụ thể:

Bên liên doanh	Phần trăm (%)	Số tiền (USD)
VNSTEEL	34	5.718.000
HASCOM	16	2.700.000
POSCO	35	5.892.400
DAEWOO	10	1.683.600
POSTEEL	5	842.000

Tổng số vốn đầu tư: 56.120.000 USD. Tổng vốn đầu tư nói trên gồm 43.217.000 USD là vốn cố định và 12.903.000 USD là vốn lưu động.

Ngành nghề kinh doanh: Cán, kéo các loại sản phẩm bằng thép và kinh doanh các sản phẩm đó.

Hiện nay, công ty sản xuất với công suất: 240.000 tấn sản phẩm/ năm.

3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

Công ty TNHH Thép VSC – POSCO là một công ty liên doanh hoạt động độc lập, nhưng công ty chịu sự điều hành vĩ mô của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

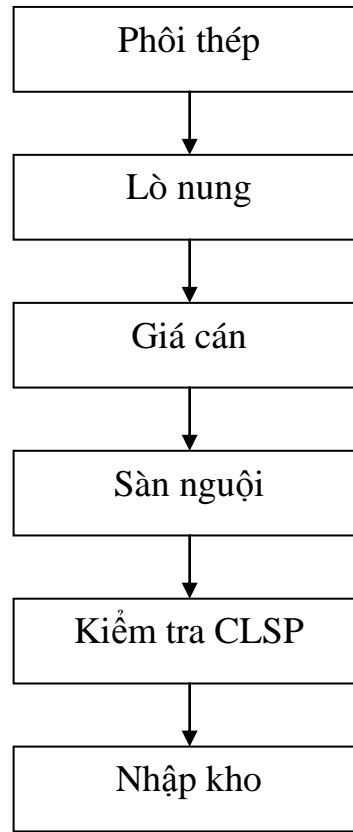
Công ty có vai trò sản xuất các loại thép phục vụ cho xây dựng. Cụ thể: sản xuất các loại thép tròn trơn dạng cuộn $\phi 6\text{mm}$, $\phi 8\text{mm}$, $\phi 10\text{mm}$ và các loại thép thanh đường kính từ 10 đến 40mm.

4. Cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty

4.1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

Quy trình sản xuất thép của Công ty là một quá trình khép kín rất chặt chẽ và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, cũng như theo yêu cầu của khách hàng và tiến độ giao hàng, cụ thể theo qui trình sau:

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THÉP CỦA CÔNG TY THÉP VSC – POSCO



4.2. Đặc điểm của sản phẩm

Nguyên liệu chính của công ty là phôi thép được nhập khẩu từ các nước có nền công nghiệp sản xuất tiên tiến và phát triển trên thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Nga,... với số lượng nhập hàng năm khoảng 20 vạn tấn.

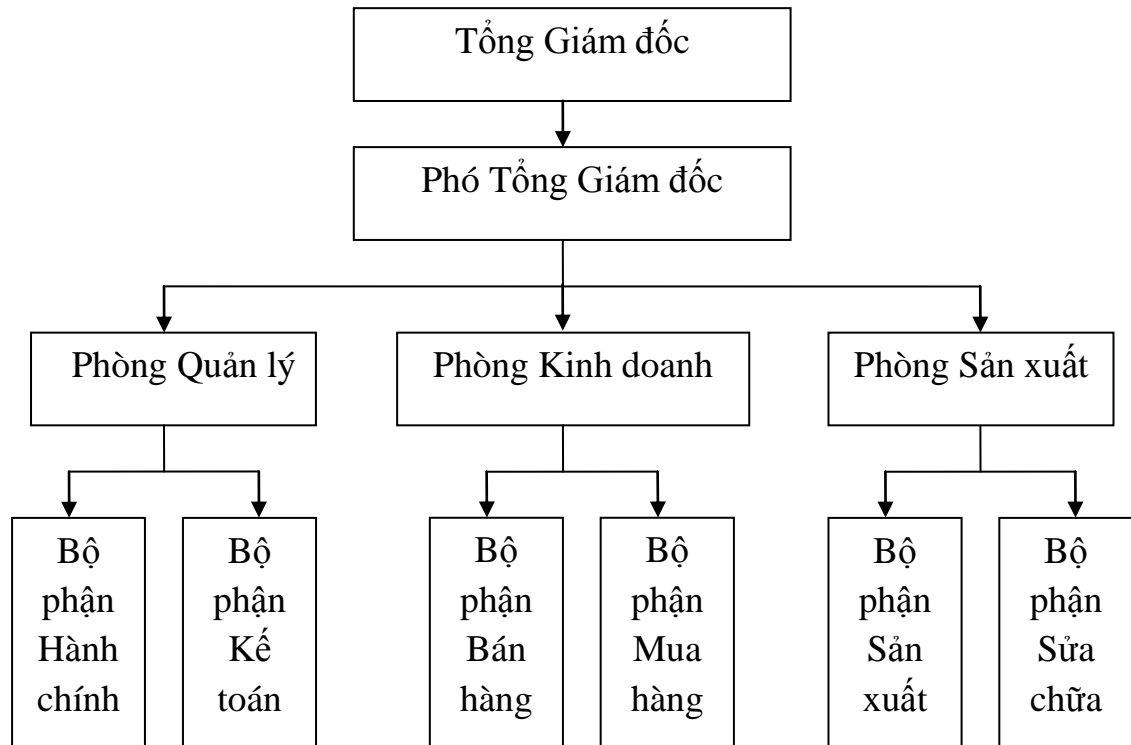
Các sản phẩm chủ yếu của công ty là các loại thép tròn trơn $\phi 6$, $\phi 8$, $\phi 10$ ở dạng cuộn và loại thép thanh vằn từ D10 đến D40.

Thép tròn cuộn của VPS có tiết diện tròn đều, bề mặt nhẵn bóng và có khả năng chống ôxy hoá cao.

Thép thanh vằn của Công ty có chất lượng tốt, đa dạng về kích cỡ từ D10 ~ D40 mm theo các tiêu chuẩn quốc tế của Nhật Bản, Anh Quốc, Mỹ và Việt Nam.

5. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TNHH THÉP VSC – POSCO



* Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:

a. Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc là người điều hành toàn bộ hoạt động của công ty. Tổng giám đốc ra quyết định đối với cấp dưới, thực hiện việc phân cấp, phân quyền cho cấp dưới và chịu trách nhiệm đối với cấp trên về hành vi của mình trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

Tổng giám đốc phải làm mọi công việc cần thiết để bảo toàn vốn đã giao của công ty và đưa công ty ngày càng phát triển.

b. Phó tổng giám đốc:

Chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, nắm bắt nguồn hàng, xây dựng phương án kinh doanh hiệu quả, theo dõi hoạt động kinh doanh, giải quyết những yêu cầu trong sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Phó tổng giám đốc có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc, giúp Tổng giám đốc tham gia kí kết hợp đồng,..., đồng thời đề xuất với Tổng giám đốc các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

c. Phòng quản lý:

Tham mưu giúp Tổng giám đốc về quản lý hoạt động tài chính, hạch toán kế toán của công ty. Quản lý kiểm soát các thủ tục thanh toán, hạch toán và đề xuất các biện pháp giúp công ty thực hiện các biện pháp kinh tế tài chính.

Thường xuyên cung cấp các báo cáo tài chính theo yêu cầu của Tổng giám đốc. Cùng với phòng kinh doanh xây dựng các hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng đại lý,... phù hợp với tình hình thực tế trong cơ chế thị trường và tiến hành thanh quyết toán các hợp đồng đó.

d. Phòng kinh doanh:

Tham mưu cho Tổng giám đốc về chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn phù hợp với nền kinh tế thị trường. Tổng hợp chính xác, kịp thời, tổng quát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để xây dựng kế hoạch và lập báo cáo định kỳ. Đồng thời thay mặt công ty quan hệ với các đối tác kinh tế trong và ngoài nước, các cơ quan hữu quan,... để tạo lợi nhuận cho công ty.

Tổng hợp tình hình thực hiện các mặt công tác của công ty trên cơ sở đó viết báo cáo sơ kết, tổng kết (quý, 6 tháng, năm) theo quy định của ngành.

e. Phòng sản xuất:

Tham mưu giúp Tổng giám đốc về quản lý kỹ thuật, định mức nguyên vật liệu, kiểm soát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị, công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy,...

Lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên cho máy móc thiết bị, cùng với phòng quản lý rà soát giá thành và sửa chữa cho máy móc thiết bị.

Theo dõi, giám sát tiến độ sản xuất và cùng người quản lý nghiệm thu các máy móc thiết bị.

6. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

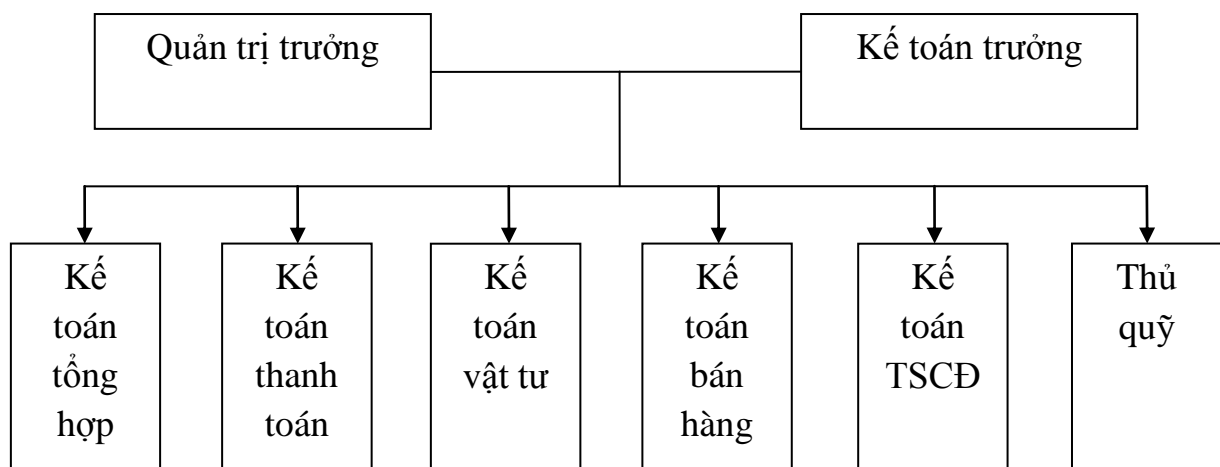
Do đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ và chuyên môn của bộ máy kế toán, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán của mình theo hình thức kế toán tập trung. Phòng kế toán của công ty thực hiện công việc kế toán của đơn vị, các nhân viên thống kê làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra hạch toán các bước ban đầu, sau đó thu thập chứng từ và ghi chép thông tin kinh tế theo cách giản đơn, rồi chuyển toàn bộ chứng từ về phòng kế toán để hạch toán.

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty, bộ phận kế toán của công ty có nhiệm vụ sau:

- Làm tốt công tác quản lý sản xuất kinh doanh trong việc sử dụng vốn đúng chế độ, và đúng mục đích đạt hiệu quả.
- Tổ chức quản lý hồ sơ tài liệu theo quy định, kiểm kê tài sản cố định, tiền vốn đầu tư.
- Đơn đốc kiểm tra cập nhật đầy đủ các thông tin kinh tế và hướng dẫn các bộ phận trong công ty thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu phục vụ cho công việc điều hành hoạt động diễn ra hàng ngày của công ty.

6.1. Sơ đồ bộ máy kế toán

SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY



*** Nhiệm vụ của từng nhân viên kế toán:**

a. Quản trị trưởng:

Do VPS là công ty liên doanh nên các kế toán viên còn chịu sự quản lý trực tiếp của quản trị trưởng là người Hàn Quốc.

Quản trị trưởng và kế toán trưởng cùng nhau điều hành trực tiếp công việc phát sinh. Do vậy trên mọi chứng từ đều phải có đồng thời chữ ký của kế toán trưởng (VN), quản trị trưởng (HQ), phó tổng giám đốc (VN) và tổng giám đốc (HQ).

b. Kế toán trưởng:

Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động của kế toán tại công ty, tổ chức điều hành bộ máy kế toán, kiểm tra việc thực hiện ghi chép, luân chuyển chứng từ.

Tổ chức công tác kế toán thống kê trong công ty, tổ chức ghi chép tính toán phản ánh tình hình hoạt động sản xuất của công ty và phân tích kết quả.

Phản ánh chính xác và kiểm kê định kỳ, xử lý các hao hụt, mất mát,...; lập và gửi lên cấp trên đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán; tổ chức kiểm tra, xét duyệt báo cáo quyết toán của cấp dưới.

c. Kế toán tổng hợp:

Nhiệm vụ chính là tập hợp chi phí sản xuất, theo dõi giá thành sản phẩm. Lập báo cáo tài chính cả phía Việt Nam và Hàn Quốc.

Ngoài ra còn kiêm kế toán tiền lương cho công ty.

d. Kế toán thanh toán:

Theo dõi công nợ, thực hiện công việc giao dịch với khách hàng (chủ yếu thông qua hệ thống ngân hàng). Thực hiện việc thu, chi, lập điện, lập chứng từ, lệnh chuyển tiền,... Đồng thời theo dõi nguồn vốn cho công ty.

Ngoài ra còn phối hợp với phòng sản xuất và kinh doanh xây dựng kế hoạch tài chính hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm.

e. Kế toán vật tư:

Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư hàng ngày.

f. Kế toán bán hàng:

Theo dõi việc bán hàng (bao gồm cả số lượng, đơn giá, hình thức thanh toán, chi phí bán hàng (vận chuyển, bảo hiểm, bến bãi, lưu kho, lưu bãi)).

Hàng ngày kế toán lập báo cáo tiêu thụ sản phẩm, lập hóa đơn bán hàng, lập báo cáo tiêu thụ hàng tháng, quý, năm.

Đồng thời kiêm kế toán thuế (tập hợp các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước).

g. Kế toán TSCĐ:

Tổ chức ghi chép, phản ánh số liệu về số lượng, hiện trạng, và giá trị TSCĐ, tình hình mua bán và thanh lý TSCĐ hàng ngày trong công ty.

h. Thủ quỹ:

Quản lý tiền mặt của công ty và thực hiện việc thu chi tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi.

⇒ Như vậy, mỗi nhân viên kế toán đều có nhiệm vụ riêng giúp kế toán trưởng nắm bắt được mọi hoạt động sản xuất cũng như tình hình tài chính của công ty một cách nhanh chóng, đầy đủ và chính xác.

6.2. Hình thức kế toán đang áp dụng

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán cũng như điều kiện trang thiết bị tính toán, sử lý thông tin của mình. Công ty TNHH Thép VSC - POSCO đang vận dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung".

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo tài khoản kế toán phù hợp, đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ kế toán chi tiết liên quan.

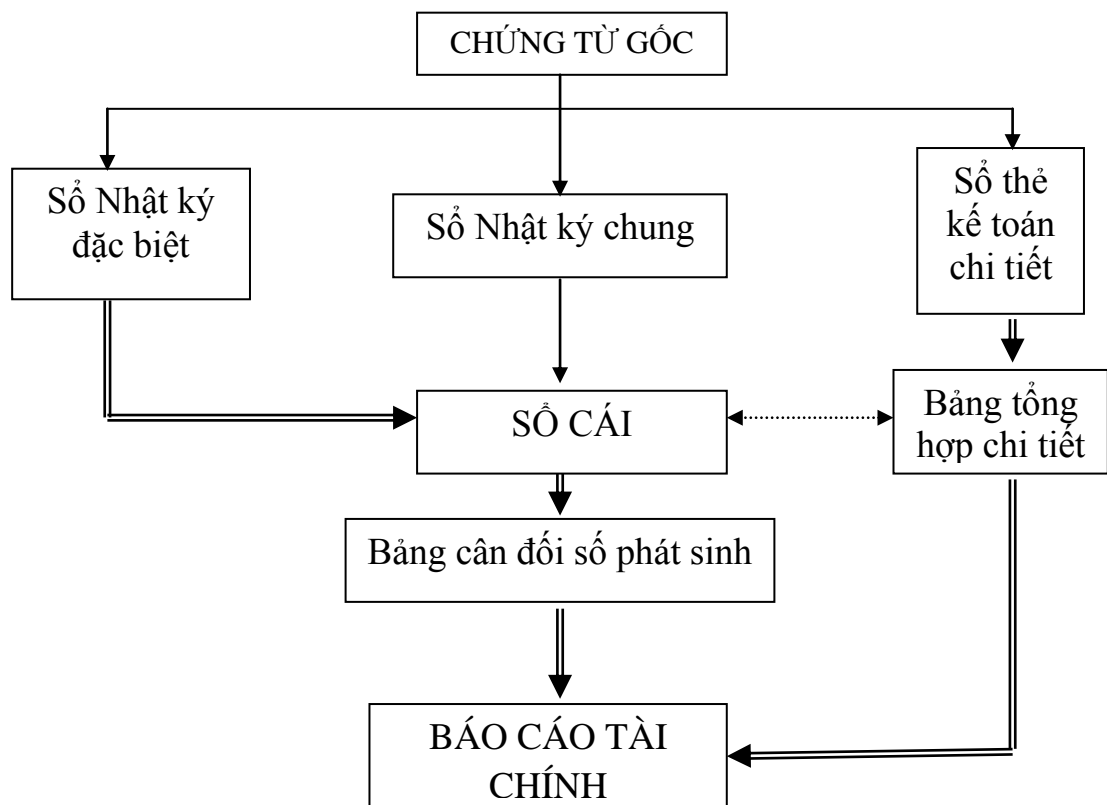
- Sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5,10 ngày...) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng Cân đối sổ phát sinh.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Quan hệ đối chiếu kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng (hoặc ghi định kỳ)
- ↔ Quan hệ đối chiếu

➤ Hình thức sổ nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái các tài khoản
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

6.3. Chế độ kế toán áp dụng

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong năm: Đồng Việt Nam (VND)
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

II. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thép VSC – POSCO

1. Các mức thuế suất được áp dụng

Hiện nay, Công ty TNHH Thép VSC - POSCO đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào:

- Phôi thép các loại,
- Các dịch vụ như: điện, nước, dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông và internet, các dịch vụ tư vấn.

Đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra (tất cả áp dụng mức thuế suất 10%):

- Thép thanh, thép cuộn
- Thép phế, xỉ cán.

2. Hạch toán ban đầu

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ theo quy định của Nhà nước.

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01/GTKT)
- Tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT)
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (mẫu số 02/GTGT)
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào (mẫu số 03/GTGT)
- Các chứng từ, hóa đơn đặc thù khác.

Dưới đây là một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của Công ty liên quan đến thuế GTGT.

2.1. Chứng từ đầu vào

Ví dụ:

- Ngày 6/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0066628 do Công ty cổ phần TM & DV kỹ thuật Thành Đạt cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán máy chà sàn liên hợp Fiorentini model 18E cho Công ty TNHH Thép VSC – POSCO, với giá trị chưa thuế là 48.600.000 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 14/12/2010: Hóa đơn GTGT số 007903 do Công ty cổ phần thương mại Thái Hưng cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán phôi thép Q235 cho Công ty TNHH Thép VSC – POSCO, với giá trị chưa thuế là 19.434.356.000 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 22/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0096707 do Công ty CP dịch vụ bảo vệ Hoàng Gia - ASIA cung cấp. Nội dung hóa đơn là thu phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2010 của Công ty TNHH Thép VSC – POSCO, với giá trị chưa thuế là 50.000.000 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 30/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0063783 do Công ty CP kinh doanh vật tư kim khí Nam Việt cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán thép tấm cho Công ty TNHH Thép VSC – POSCO, với giá trị chưa thuế là 122.161.600 đồng, thuế suất 10%.

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01/GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QB/2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0066628

Ngày: 06 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS:

CTY CỔ PHẦN TM & DV KỸ THUẬT THÀNH ĐẠT

Số 389 - Đường Nguyễn Khang - P. Yên Hòa

Q. Cầu Giấy - Hà Nội

MST: 0101516915

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thép VSC - POSCO

Địa chỉ: Km 9 Quốc lộ 5, Hồng Bàng - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MS:

09 00126916

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Máy đá sân liên hợp Fiosentini Model 18 E	01	01		48.600.000
/					

Cộng tiền hàng:

48.600.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

4.860.000

Tổng cộng tiền thanh toán

53.460.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bán qua ĐT

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]



Người trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Liêm

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



THÁI HUNG

HOÁ ĐƠN GTGT (VAT INVOICE)

Liên 2: Khách hàng/Customer Invoice

Ngày/date: 11. tháng/month: 12. năm/year 2010

Mẫu số /From: 01GTKT-3LL-1
Ký hiệu/Serial No: AA/2010T

Nº: 007903

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI HUNG**

Unit Sales: Thai Hung Trading Joint - Stock Company

Địa chỉ/Address: Tổ 14 - P. Gia Sàng - TP. Thái Nguyên - T. Thái Nguyên/Gia Sang Quarter - Thai Nguyen City

Tài khoản/Account No: _____ Ngân hàng/Bank: _____

Điện thoại/Tel: 0280 3855276/3852784

Fax: 3858404 MS: 46

00310787

Tên khách hàng/Customer's name: _____

Đơn vị/Company: Công ty TNHH thép VSC POSCO

Địa chỉ/Address: Km 9, Quốc lộ 17, Hồng Bàng, Hải Phòng

Tài khoản/Account No: _____ Ngân hàng/Bank: _____

Hình thức thanh toán/Kind of Payment: CP MS: 02

00126916

STT (Item)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Goods/Service)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price) VNĐ	Thành tiền (Amount) VNĐ
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	<u>Phôi thép Q235 (130 x 130 x 6.000 mm)</u>	<u>Kg</u>	<u>1592980</u>	<u>12200</u>	<u>19434356000</u>

Cộng tiền hàng/Total: 19434356000

Thuế suất GTGT/VAT rate: 10% Tiền thuế GTGT/VAT amount: 1943435600

Tổng cộng tiền thanh toán/Grand total: 21377791600

Số tiền bằng chữ/In words: Hai mươi một tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm đồng.

Người mua hàng
Buyer
(Ký, ghi rõ họ tên/Sign)

Bán hàng qua ĐT.

Người bán hàng
Seller
(Ký, ghi rõ họ tên/Sign)

Jiang Nha

Kế toán trưởng
Chief Accountant
(Ký, ghi rõ họ tên/Sign)

Thủ trưởng đơn vị
General Manager
(Ký, ghi rõ họ tên/Sign)



Đã Thành Chức

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

PQ/2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0096707

Ngày...22...tháng...12...năm...2010

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS:

C.TY CP DỊCH VỤ BẢO VỆ HOÀNG GIA - ASIA

Km 9 Quốc lộ 5 - Hưng Vương - Hồng Bàng - HP

MST: 0200584539

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thép VSC - POSCO

Địa chỉ: Km 9 Quốc lộ 5 - Quận Toàn - Hưng Bông - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MS:

0200126916

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1/	Phụ dịch vụ bảo vệ Tháng 12/10				50.000.000

Cộng tiền hàng:

50.000.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

5.000.000

Tổng cộng tiền thanh toán

55.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thu Hà
Nguyễn Thu Hà

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận)



Nguyễn Văn Bình
NGUYỄN VĂN BÌNH

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

In tại Công ty in Tài chính

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

GY/2010B

0063783

Ngày...30...tháng...12...năm 2010

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS:

C. TY CP KINH DOANH VẬT TƯ KIM KHÍ NAM VIỆT

SỐ 999 ĐƯỜNG 5/1 HỒNG BANG - HP

MST: 0200584715

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thép VSC - POSCO

Địa chỉ: Quận Tân - Hồng Bang - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MS:

0200126916 - - -

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép tấm 10ly x 1.500 x 6.000	kg	2.120	15.500	32.860.000
2	" 16ly x 1.500 x 6.000	-	5.652	15.800	89.301.600
/					

Cộng tiền hàng: 122.161.600

Thuế suất GTGT: 10 %

Tiền thuế GTGT: 12.216.160

Tổng cộng tiền thanh toán: 134.377.760

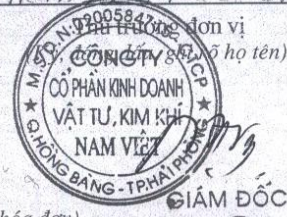
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi tư triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm sáu mươi chín đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

[Signature]
Hoàng Thị Loan



GIÁM ĐỐC

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

[Signature]

2.2. Chứng từ đầu ra

Ví dụ:

- Ngày 31/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0003511 do Công ty TNHH Thép VSC – POSCO cung cấp cho Công ty CP Thương mại Thái Hưng. Nội dung hóa đơn là bán cho Công ty Thái Hưng thép thanh loại 1, với giá trị chưa thuế là 166.088.440 đồng, thuế suất 10%. Tuy nhiên Công ty Thái Hưng còn được hưởng một khoản chiết khấu là 3.760.310 đồng nên giá trị trước thuế của lô hàng chỉ còn là 162.328.130 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 31/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0003512 do Công ty TNHH Thép VSC – POSCO cung cấp cho Công ty CP Kim khí Hà Nội. Nội dung hóa đơn là bán cho Công ty CP Kim khí Hà Nội thép thanh các loại, với giá trị chưa thuế là 292.427.520 đồng, thuế suất 10%. Tuy nhiên Công ty Kim khí Hà Nội được hưởng một khoản chiết khấu là 14.348.060 đồng nên giá trị trước thuế của lô hàng chỉ còn là 278.079.460 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 31/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0003514 do Công ty TNHH Thép VSC – POSCO cung cấp cho Công ty CPXD & Thương mại Đại Ngàn. Nội dung hóa đơn là bán cho Công ty CP Kim khí Hà Nội thép vằn và thép cuộn các loại, với giá trị chưa thuế là 1.184.478.400 đồng, thuế suất 10%. Tuy nhiên Công ty Đại Ngàn còn được hưởng một khoản chiết khấu là 235.471.555 đồng nên giá trị trước thuế của lô hàng chỉ còn là 949.006.845 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 31/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0003515 do Công ty TNHH Thép VSC – POSCO cung cấp cho Công ty TNHH TM Đan Việt. Nội dung hóa đơn là bán cho Công ty Đan Việt thép xây dựng các loại, với giá trị chưa thuế là 5.725.771.700 đồng, thuế suất 10%. Tuy nhiên Công ty Đan Việt còn được hưởng một khoản chiết khấu là 254.881.545 đồng nên giá trị trước thuế của lô hàng chỉ còn là 5.470.890.155 đồng, thuế suất 10%.



THÉP VIỆT-HÀN

CÔNG TY TNHH THÉP VSC-POSCO

Địa chỉ/Address: Km9, P.Quán Toan,

Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Tel: 0313.850100/3850124

Fax: 0313.748007/3850123

MST/Tax code: 02 001 269 16

HÓA ĐƠN GTGT/INVOICE

(Liên 3: Nội bộ/Copy 3: For internal use)

Ngày/Date: 31-12-2010

Mẫu 01-GTKT-3LL-01

Ký hiệu/serial: AA/2009T

Số/Number: 0003512

Họ tên khách hàng/Customer's name: Công ty CP Kim Khí Hà Nội

Địa chỉ/Address: 20 Tôn Thất Tùng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại/Tel: Fax:

Tài khoản/Account no:

Mã số thuế/Tax code: 0100100368

Mã/Code	Tên hàng hóa/Goods	ĐV tính /Unit	Số lượng /Quantity	Đơn giá /Unit price	Thành tiền /Amount
A	B	C	1	2	3=1x2
F1D18CB400	Thép thanh Loại 1, D18 - CB400, L11,7m	Kg	4,544	14,190	64,479,360
F1D20CB400	Thép thanh Loại 1, D20 - CB400, L11,7m	Kg	16,064	14,190	227,948,160
	Cộng		20,608		292,427,520
	Chiết khấu cho thép cuộn				3,943,620
	Chiết khấu cho thép thanh FD30				5,851,580
	Chiết khấu cho thép thanh FD40				4,552,860
	Cộng CK				14,348,060
	Cộng tiền hàng/Amount				278,079,460
	Tiền thuế GTGT/VAT 10 %				27,807,946
	Tổng tiền thanh toán/Total payable				305,887,406
	Số tiền viết bằng chữ/Total in words:	Ba trăm linh năm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm linh sáu đồng chẵn			

Người mua hàng

The Buyer

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

The Seller

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Handwritten signature

Ghi chú: - Hàng được tiêu thụ tại thị trường: Miền Bắc ; - Thời hạn thanh toán: thanh toán trước ngày 30-01-2011

Sử dụng theo công văn số 1421/CT-HCAC ngày 21/10/2009 của Cục thuế Hải Phòng
Employed under Letter no.1421/CT-HCAC dated 21/10/2009 of Haiphong Tax Office



CÔNG TY TNHH THÉP VSC-POSCO
 Địa chỉ/Address: Km9, P.Quán Toan,
 Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
 Tel: 0313.850100/3850124
 Fax: 0313.748007/3850123
 MST/Tax code: 02 001 269 16

HÓA ĐƠN GTGT/INVOICE

(Liên 3: Nội bộ/Copy 3: For internal use)
 Ngày/Date: 31-12-2010

Mẫu 01-GTKT-3LL-01
 Ký hiệu/serial: AA/2009T
 Số/Number: 0003515

Họ tên khách hàng/Customer's name: **Công ty TNHH TM Đan Việt**
 Địa chỉ/Address: **Số 5/180 Chùa Hàng, Hồ Nam - Lê Chân - Hải Phòng**
 Điện thoại/Tel: Fax:
 Tài khoản/Account no:
 Mã số thuế/Tax code: **0200681388**

Mã/Code	Tên hàng hóa/Goods	ĐV tính /Unit	Số lượng /Quantity	Đơn giá /Unit price	Thành tiền /Amount
A	B	C	1	2	3=1x2
F1D25CB300	Thép thanh Loại 1, D25 - CB300, L11,7m	Kg	6,775	13,900	94,172,500
F1WD8SD295	Thép vân dạng cuộn, loại 1, D8 - SD295A	Kg	51,314	13,950	715,830,300
F1WD8SWRM15	Thép vân dạng cuộn, loại 1, D8 - SWRM15	Kg	88,804	13,950	1,238,815,800
F1WR6SWRM15	Thép cuộn, loại 1, WR6 - SWRM15	Kg	195,564	13,900	2,718,339,600
F1WR8SWRM15	Thép cuộn, loại 1, WR8 - SWRM15	Kg	68,965	13,900	958,613,500
Cộng			411,422		5,725,771,700
	Chiết khấu cho thép cuộn				217,298,220
	Chiết khấu cho thép thanh FD30				36,514,025
	Chiết khấu cho thép thanh FD40				1,069,300
	Cộng CK				254,881,545
Cộng tiền hàng/Amount					5,470,890,155
Tiền thuế GTGT/VAT 10 %					547,089,016
Tổng tiền thanh toán/Total payable					6,017,979,171
Số tiền viết bằng chữ/Total in words: Sáu tỷ không trăm mười bảy triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bảy mươi một đồng chẵn					

Người mua hàng
The Buyer
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature)
 Nguyễn Anh Tuấn

Người bán hàng
The Seller
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature)

Ghi chú: - Hàng được lưu thụ tại thị trường: Miền Bắc ; - Thời hạn thanh toán: thanh toán ngay

Sử dụng theo công văn số 1421/CT-HCAC ngày 21/10/2009 của Cục thuế Hải Phòng
 Employed under Letter no.1421/CT-HCAC dated 21/10/2009 of Haiphong Tax Office

3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

3.1. Tài khoản sử dụng

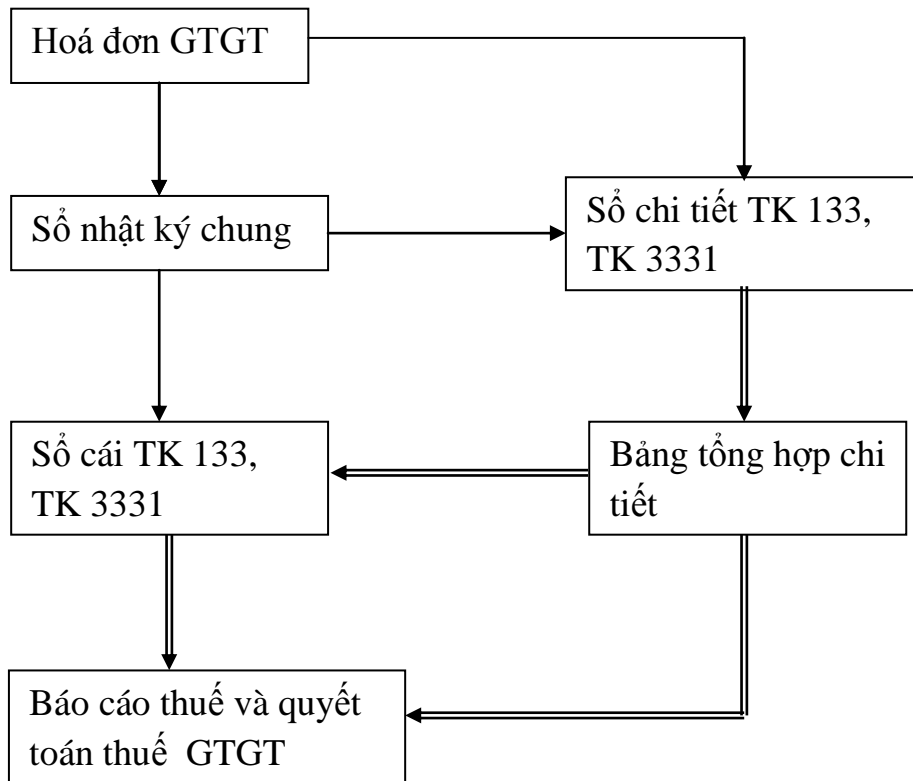
- ❖ TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
 - TK 1331: Thuế GTGT của HHDV được khấu trừ
 - TK 1332 : Thuế GTGT của TSCĐ được khấu trừ
- ❖ TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng phải nộp
 - TK 33311 : Thuế GTGT đầu ra
 - TK 33312: Thuế GTGT hàng nhập khẩu

Hiện nay Công ty đang áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 133, TK 3331
- Sổ chi tiết TK 133, TK 3331

3.2. Sơ đồ hạch toán

Quy trình ghi sổ kế toán được khái quát theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu

4. Tổ chức sổ kế toán

Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra. Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, kế toán tiêu thụ sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng (GTGT) để vào sổ chi tiết bán hàng, kế toán thanh toán, kế toán tiền mặt, kế toán ngân hàng sẽ tiến hành vào sổ công nợ, sổ tiền mặt, sổ tiền gửi Ngân hàng sau đó chuyển hoá đơn đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 3331. Khi có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mua hàng hoá, dịch vụ, kế toán vật liệu sẽ căn cứ vào phiếu nhập kho để vào sổ chi tiết vật liệu, kế toán chi phí sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT để vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh, và các bộ phận kế toán thanh toán sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu chi để vào sổ chi tiết thanh toán, sổ quỹ tiền mặt... sau đó hoá đơn GTGT được chuyển đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 133...

Cụ thể quá trình ghi sổ diễn ra như sau:

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tất cả được phản ánh vào sổ nhật ký chung căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, hoặc sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và 3331.

Trích mẫu sổ nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái tài khoản 133, 3331.

Đơn vị: Công ty TNHH Thép VSC - POSCO

Mẫu số: S03a-DN

Địa chỉ: Km9, Quán Toan, Hồng Bàng, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Trang số:

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
06/12	QB/2010B 0066628	06/12	Mua máy chà sàn liên hợp của cty CP TM&DV kỹ thuật Thành Đạt	241	48.600.000	
				133	4.860.000	
				331		53.460.000
					
14/12	AA/2010T 007903	14/12	Mua phôi thép Q235 của cty CP TM Thái Hưng	152	19.434.356.000	
				133	1.943.435.600	
				331		21.377.791.600
					
22/12	PQ/2010B 0096707	22/12	Phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2010	642	50.000.000	
				133	5.000.000	
				331		55.000.000
					
30/12	GY/2010B 0063783	30/12	Mua thép tấm của cty CP KD vtu kim khí Nam Việt	152	122.161.600	
				133	12.216.160	
				331		134.377.760
					
31/12	AA/2009T 0003511	31/12	Bán thép thanh loại 1 cho cty CP TM Thái Hưng:			
			-Giá vốn hàng bán	
			- Phải thu khách hàng	131	182.697.284	
				511		166.088.440
				3331		16.608.844
			- Chiết khấu thương mại	521	3.760.310	
				3331	376.031	
				131		4.136.341
					
			Cộng chuyển sang trang sau	

Đơn vị: **Công ty TNHH Thép VSC - POSCO**
 Địa chỉ: **Km9, Quán Toan, Hồng Bàng, HP**

Mẫu số: S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Trang số:
 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh		
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang		
31/12	AA/2009T 0003512	31/12	Bán thép thanh loại 1 cho cty CP kim khí Hà Nội:				
			-Giá vốn hàng bán		
			- Phải thu khách hàng	131	321.670.272		
				511			292.427.520
				3331			29.242.752
			- Chiết khấu thương mại	521	14.348.060		
				3331	1.434.806		
				131			15.782.866
31/12	AA/2009T 0003514	31/12	Bán thép thanh loại 1 cho cty CPXD&TM Đại Ngàn:				
			-Giá vốn hàng bán		
			- Phải thu khách hàng	131	1.302.926.240		
				511			1.184.478.400
				3331			118.447.840
			- Chiết khấu thương mại	521	235.471.555		
				3331	23.547.156		
				131			259.018.711
31/12	AA/2009T 0003515	31/12	Bán thép thanh loại 1 cho cty TNHH TM Đan Việt:				
			-Giá vốn hàng bán		
			- Phải thu khách hàng	131	6.298.348.870		
				511			5.725.771.700
				3331			572.577.170
			- Chiết khấu thương mại	521	254.881.545		
				3331	25.488.155		
				131			280.369.700
31/12	PK 502	31/12	Kết chuyển VAT được khấu trừ T12/10	3331	24.216.154.396		
				133			24.216.154.396
						
			Cộng phát sinh		

- Sổ này có 32 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 32
 - Ngày mở sổ: 01/01/2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty TNHH Thép VSC - POSCO)

Đơn vị: **Công ty TNHH Thép VSC - POSCO**

Mẫu số: **S03b-DN**

Địa chỉ: **Km9, Quán Toan, Hồng Bàng, HP**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
					
06/12	QB/2010B 0066628	06/12	VAT máy chà sàn liên hợp của cty CP TM&DV kỹ thuật Thành Đạt	331	4.860.000	
					
14/12	AA/2010T 007903	14/12	VAT phôi thép Q235 của cty CP TM Thái Hưng	331	1.943.435.600	
					
22/12	PQ/2010B 0096707	22/12	Phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2010	331	5.000.000	
					
30/12	GY/2010B 0063783	30/12	VAT thép tấm của cty CP KD vtv kim khí Nam Việt	331	12.216.160	
					
31/12	PK 502	31/12	Kết chuyển VAT được khấu trừ T12/10	3331		24.216.154.396
			Cộng phát sinh		35.462.199.215	24.216.154.396
			Số dư cuối kỳ		11.246.044.819	

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty TNHH Thép VSC - POSCO)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 33311 - Thuế GTGT đầu ra

Tháng 12 năm 2010

ĐVT : đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số Dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư đầu kỳ					1.599.941.630
			Số phát sinh trong kỳ					
							
20/12	GBN 04869	20/12	Thanh toán VAT phải nộp T11/2010	112	1.599.941.630			
							
31/12	AA/2009T 0003511	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP TM Thái Hưng	131		16.608.844		
31/12	AA/2009T 0003511	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP TM Thái Hưng	131	376.031			
							
31/12	AA/2009T 0003512	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP Kim khí Hà Nội	131		29.242.752		
31/12	AA/2009T 0003512	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP Kim khí Hà Nội	131	1.434.806			
							
31/12	AA/2009T 0003514	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty CPXD&TM Đại Ngàn	131		118.447.840		

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Thép VSC – POSCO

31/12	AA/2009T 0003514	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty CPXD&TM Đại Ngàn	131	23.547.156			
							
31/12	AA/2009T 0003515	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty TNHH TM Đan Việt	131		572.577.170		
31/12	AA/2009T 0003515	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty TNHH TM Đan Việt	131	25.488.155			
							
31/12	PK 502	31/12	Kết chuyển VAT được khấu trừ T12/2010	133	24.216.154.396			-
			Cộng phát sinh		25.866.942.174	24.267.000.544		
			Số dư cuối kỳ					-

- Số ngày có Trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty TNHH Thép VSC - POSCO)

Đơn vị: Công ty TNHH Thép VSC - POSCO

Mẫu số: S03b-DN

Địa chỉ: Km9, Quán Toan, Hồng Bàng, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: Thuế GTGT phải nộp

Số hiệu: 3331

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			1.599.941.630
					
20/12	GBN 04869	20/12	TT VAT phải nộp T11/10	112	1.599.941.630	
					
31/12	AA/2009T 0003511	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP TM THưng	131		16.608.844
31/12	AA/2009T 0003511	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP TM THưng	131	376.031	
					
31/12	AA/2009T 0003512	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP KK Hà Nội	131		29.242.752
31/12	AA/2009T 0003512	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty CP KK Hà Nội	131	1.434.806	
					
31/12	AA/2009T 0003514	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty CPXD&TM Đại Ngàn	131		118.447.840
31/12	AA/2009T 0003514	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty CPXD&TM Đại Ngàn	131	23.547.156	
					
31/12	AA/2009T 0003515	31/12	VAT lô thép thanh loại 1 bán cho cty TNHH TM Đan Việt	131		572.577.170
31/12	AA/2009T 0003515	31/12	CKTM lô thép thanh loại 1 bán cho cty TNHH TM Đan Việt	131	25.488.155	
					
31/12	PK 502	31/12	Kết chuyển VAT được khấu trừ T12/10	133	24.216.154.396	
			Cộng phát sinh		25.866.942.174	24.267.000.544
			Số dư cuối kỳ			-

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

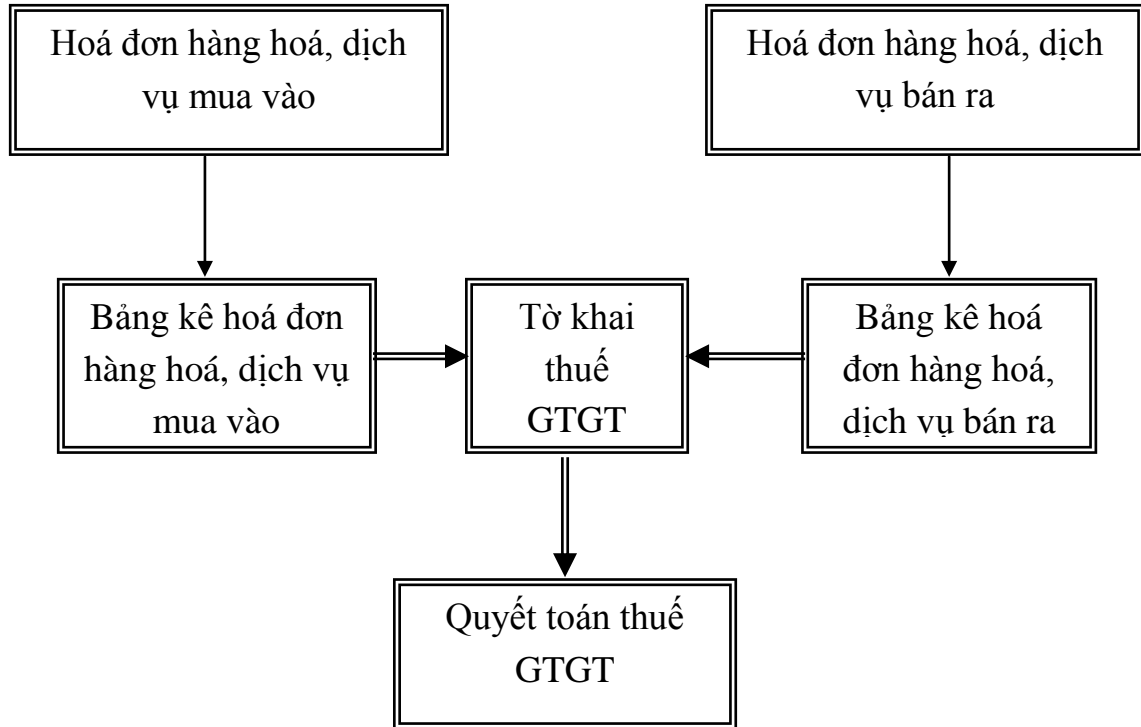
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty TNHH Thép VSC - POSCO)

5. **Kê khai, khấu trừ và nộp thuế giá trị gia tăng**

5.1. **Quy trình lập tờ khai thuế GTGT**

Trình tự kê khai và quyết toán thuế GTGT tại Công ty có thể khái quát như sau:



Hàng tháng kế toán lập tờ khai thuế GTGT và quyết toán thuế GTGT:

- Căn cứ hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào kế toán lập bảng kê chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào.
- Căn cứ hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra kế toán lập bảng kê chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra.

Cuối tháng căn cứ bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ tài liệu liên quan khác lập tờ khai thuế GTGT.

Căn cứ tờ khai thuế GTGT và các tài liệu liên quan khác lập báo cáo quyết toán thuế GTGT.

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “Hỗ trợ kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “Hỗ trợ kê khai thuế” cung cấp cho Công ty các chức năng sau:

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Tại thời điểm năm 2010 Công ty TNHH Thép VSC – POSCO đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.1. Song hiện tại do yêu cầu của cơ quan thuế, Công ty đã nâng cấp phần mềm lên thành phiên bản 2.5.4.

Dưới đây là những giới thiệu sơ bộ khi sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế:



Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên.

Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “Mã số thuế”, sau đó kích chuột vào chữ “Đồng ý”.

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm thì sẽ hiện lên giao diện như sau:

Thông tin chung về người nộp thuế

Mã số thuế:	0 2 0 0 1 2 6 9 1 6 -
Người nộp thuế:	Công ty TNHH Thép VSC - POSCO
Địa chỉ trụ sở:	Km9, Quán Toan
Quận/ huyện:	Hồng Bàng
Tỉnh/ Thành phố:	Hải Phòng
Điện thoại:	0313 850124
Fax:	0313 850123
Email:	
Ngành nghề kinh doanh:	Cán, kéo các loại thép
Số TK ngân hàng:	
Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm):	01/01
Người ký tờ khai:	
Cơ quan thuế cấp Cục:	HPH - Cục Thuế TP Hải Phòng 10300
Cơ quan thuế quản lý:	Cục Thuế TP Hải Phòng 10300

Ký hiệu * là bắt buộc nhập.

Ghi Đóng

11:38 PM 6/2/2011

Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp mình. Một số thông tin bắt buộc như:

- Mã số thuế: thông tin này do phần mềm tự động nhập vào
- Người nộp thuế: ở đây điền là “Công ty TNHH Thép VSC – POSCO”
- Địa chỉ trụ sở: ở đây điền là “Km9, Quán Toan”
- Quận/ huyện: ở đây điền là “Hồng Bàng”
- Tỉnh/ thành phố: ở đây điền là “Hải Phòng”
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai: những thông tin này có thể bỏ qua.
- Ngày bắt đầu năm tài chính: ở đây điền là “01/01”
- Cơ quan thuế cấp Cục: sẽ có danh sách lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc mà chọn. Ở đây kế toán Công ty chọn “HPH – Cục thuế TP Hải Phòng”.
- Cơ quan thuế quản lý: sẽ có danh sách chi cục thuế các quận và thành phố. Ví dụ: chi cục thuế quận Hồng Bàng, chi cục thuế quận Lê Chân,...và cục thuế TP Hải Phòng. Ở đây kế toán Công ty chọn “Cục thuế Hải Phòng”.

Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “Ghi”, sau khi xuất hiện hộp thoại thông báo “Đã ghi dữ liệu thành công” kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích chuột vào chữ “Đóng”.

Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra:



Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT)”.

Giao diện tiếp theo là:



Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn 2 phụ lục chính là: “PL 01-1/GTGT” và “PL 01-2/GTGT” rồi kích chuột vào “Đồng ý”.

Kế toán chỉ sử dụng phụ lục “PL 01-3/GTGT” sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên trái gồm có các mục: “Tờ khai”, “PL 01-1/GTGT” , “PL 01-2/GTGT”.

Kích chuột vào “PL 01-1/GTGT” nếu như muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú	
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:											
1							0		0		
Tổng							0		0		
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:											
1							0 0%		0		
Tổng							0 0%		0		
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:											
1							0 5%		0		
Tổng							0 5%		0		
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:											
1							0 10%		0		
Tổng							0 10%		0		
Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:										0	
Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra:										0	

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hóa đơn, chứng từ bán ra.

Phần này được chia thành các mục như sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Lưu ý: Khi kê khai cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ:

Ngày 31/12/2010: Hóa đơn GTGT số 0003511 do Công ty TNHH Thép VSC – POSCO cung cấp cho Công ty CP Thương mại Thái Hưng. Nội dung hóa đơn là bán cho Công ty Thái Hưng thép thanh loại 1, với giá trị chưa thuế là 166.088.440 đồng, thuế suất 10%. Tuy nhiên Công ty Thái Hưng còn được hưởng một khoản chiết khấu là 3.760.310 đồng nên giá trị trước thuế của lô hàng chỉ còn là 162.328.130 đồng, thuế suất 10%.

Kế toán kê khai như sau: vào mục “4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%”, điền đầy đủ thông tin như :

- Ký hiệu hóa đơn: AA/2009T
- Số hóa đơn: 0003511
- Ngày, tháng, năm phát hành: là ngày, tháng ghi hóa đơn cho khách.

Ở đây là 31/12/2011

- Tên người mua: Công ty CP Thương mại Thái Hưng
- Mã số thuế người mua: 4600310787
- Mặt hàng: Thép thanh loại 1, D12-CB400, L11.7m.
- Doanh số bán chưa có thuế: 162.328.130
- Thuế suất: 10%
- Thuế giá trị gia tăng: 16.232.813

Đến hóa đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng.

Tương tự như trên ta sẽ kê khai các hóa đơn còn lại.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “Ghi”. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “Đã ghi số liệu thành công”. Như vậy việc kê khai hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ bán ra đã hoàn thành.

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:										
1							0		0	
Tổng							0		0	
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:										
1							0	0%	0	
Tổng							0	0%	0	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:										
1							0	5%	0	
Tổng							0	5%	0	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:										
1	AA/2009T	0003333	01/12/2010	Công ty CP ĐTPT Công Nghiệp	0101269906	Thép xây dựng	131,508,350	10%	13,150,835	
2	AA/2009T	0003334	01/12/2010	Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Nam Linh	0200782259	Sỉ cán	125,501,740	10%	12,550,174	
3	AA/2009T	0003335	01/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	1,110,196,590	10%	111,019,659	
4	AA/2009T	0003336	01/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	1,469,399,750	10%	146,939,975	
5	AA/2009T	0003337	01/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	884,394,090	10%	88,439,409	
6	AA/2009T	0003338	01/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	555,274,870	10%	55,527,487	
7	AA/2009T	0003339	01/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	249,394,800	10%	24,939,480	
8	AA/2009T	0003340	02/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	836,065,260	10%	83,606,526	
9	AA/2009T	0003341	02/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	1,766,198,250	10%	176,619,825	
10	AA/2009T	0003342	02/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	1,141,151,850	10%	114,115,185	
11	AA/2009T	0003343	02/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	547,598,400	10%	54,759,840	
12	AA/2009T	0003344	02/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	315,479,150	10%	31,547,915	
13	AA/2009T	0003345	03/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	2,198,312,800	10%	219,831,280	
14	AA/2009T	0003346	03/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	260,475,450	10%	26,047,545	
15	AA/2009T	0003347	03/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	571,269,860	10%	57,126,986	

16	AA/2009T	0003348	03/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	934,387,560	10%	93,438,756
17	AA/2009T	0003349	03/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	405,856,200	10%	40,585,620
18	AA/2009T	0003350	03/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	416,726,600	10%	41,672,660
19	AA/2009T	0003351	03/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	473,811,050	10%	47,381,105
20	AA/2009T	0003352	04/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	802,343,520	10%	80,234,352
21	AA/2009T	0003353	04/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	769,939,500	10%	76,993,950
22	AA/2009T	0003354	04/12/2010	Công ty CP Kim Khí Hà Nội	0100100368	Thép xây dựng	478,773,900	10%	47,877,390
23	AA/2009T	0003355	04/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	572,374,220	10%	57,237,422
24	AA/2009T	0003356	04/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	461,724,650	10%	46,172,465
25	AA/2009T	0003357	06/12/2010	Công ty TNHH Thuý Hằng	0400476178	Thép xây dựng	1,072,014,750	10%	107,201,475
26	AA/2009T	0003358	06/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	1,009,016,230	10%	100,901,623
27	AA/2009T	0003359	06/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	1,344,429,340	10%	134,442,934
28	AA/2009T	0003360	06/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	105,293,500	10%	10,529,350
29	AA/2009T	0003361	06/12/2010	Công ty TNHH Thuý Hằng	0400476178	Thép xây dựng	984,917,310	10%	98,491,731
30	AA/2009T	0003362	06/12/2010	Công ty CPXL & KD Dịch Vụ HP-CIPC	0200836458	Thép xây dựng	282,208,500	10%	28,220,850
31	AA/2009T	0003363	06/12/2010	Công ty TNHH TM TH Quốc Khánh	3100305441	Thép xây dựng	1,049,450,050	10%	104,945,005
32	AA/2009T	0003364	06/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	151,813,550	10%	15,181,355
33	AA/2009T	0003365	06/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	564,212,220	10%	56,421,222
34	AA/2009T	0003366	06/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	181,621,200	10%	18,162,120
35	AA/2009T	0003367	06/12/2010	Công ty TNHH Minh Trí	3100270799	Thép xây dựng	835,965,990	10%	83,596,599
36	AA/2009T	0003368	07/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	118,890,720	10%	11,889,072
37	AA/2009T	0003369	07/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	340,901,240	10%	34,090,124
38	AA/2009T	0003370	07/12/2010	Công ty TNHH Thành Đức	0200429011	Thép xây dựng	441,378,000	10%	44,137,800
39	AA/2009T	0003371	07/12/2010	Công ty CPXL & KD Dịch Vụ HP-CIPC	0200836458	Thép xây dựng	383,113,450	10%	38,311,345
40	AA/2009T	0003372	07/12/2010	Công ty CPXL & KD Dịch Vụ HP-CIPC	0200836458	Thép xây dựng	184,288,500	10%	18,428,850
41	AA/2009T	0003373	07/12/2010	Công ty Cổ Phần Xuân Hoà	0200461248	Thép xây dựng	2,485,170,000	10%	248,517,000
42	AA/2009T	0003374	08/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	945,862,510	10%	94,586,251
43	AA/2009T	0003375	08/12/2010	Công ty CP Matexim Hải Phòng	0200575118	Thép xây dựng	2,060,112,270	10%	206,011,227
44	AA/2009T	0003376	08/12/2010	Công ty CP Kim Khí Hà Nội	0100100368	Thép xây dựng	623,761,200	10%	62,376,120
45	AA/2009T	0003377	08/12/2010	Công ty TNHH Thuý Hằng	0400476178	Thép xây dựng	951,657,430	10%	95,165,743

46	AA/2009T	0003378	08/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	345,469,120	10%	34,546,912
47	AA/2009T	0003379	08/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	921,879,690	10%	92,187,969
48	AA/2009T	0003380	08/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	1,737,295,230	10%	173,729,523
49	AA/2009T	0003381	08/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	599,048,300	10%	59,904,830
50	AA/2009T	0003382	08/12/2010	Công ty Cổ Phần Nguyên Hiến	0103008699	Thép xây dựng	584,331,850	10%	58,433,185
51	AA/2009T	0003383	08/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	1,095,117,500	10%	109,511,750
52	AA/2009T	0003384	08/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	1,165,777,180	10%	116,577,718
53	AA/2009T	0003385	09/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	854,812,190	10%	85,481,219
54	AA/2009T	0003386	09/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	731,168,690	10%	73,116,869
55	AA/2009T	0003387	09/12/2010	Doanh Nghiệp TN Thương Mại Thủy Trang	3100259682	Thép xây dựng	1,032,233,700	10%	103,223,370
56	AA/2009T	0003388	09/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	1,019,045,220	10%	101,904,522
57	AA/2009T	0003389	09/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	550,457,400	10%	55,045,740
58	AA/2009T	0003390	03/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	416,382,080	10%	41,638,208
59	AA/2009T	0003391	10/12/2010	Công ty TNHH Minh Trí	3100270799	Thép xây dựng	992,581,700	10%	99,258,170
60	AA/2009T	0003392	10/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	1,201,581,150	10%	120,158,115
61	AA/2009T	0003393	10/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	419,219,770	10%	41,921,977
62	AA/2009T	0003394	10/12/2010	Công ty CP Matexim Hải Phòng	0200575118	Thép xây dựng	508,365,780	10%	50,836,578
63	AA/2009T	0003395	10/12/2010	Công ty CP Kim Khí Hà Nội	0100100368	Thép xây dựng	833,514,070	10%	83,351,407
64	AA/2009T	0003396	10/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	2,697,064,840	10%	269,706,484
65	AA/2009T	0003397	10/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	598,050,280	10%	59,805,028
66	AA/2009T	0003398	10/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	1,065,703,280	10%	106,570,328
67	AA/2009T	0003399	10/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	135,525,000	10%	13,552,500
68	AA/2009T	0003400	10/12/2010	Công ty CPXL & KD Dịch Vụ HP-CIPC	0200836458	Thép xây dựng	531,633,200	10%	53,163,320
69	AA/2009T	0003401	11/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	419,248,440	10%	41,924,844
70	AA/2009T	0003402	11/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	1,492,104,330	10%	149,210,433
71	AA/2009T	0003403	11/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	3,109,164,250	10%	310,916,425
72	AA/2009T	0003404	11/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	1,657,920,000	10%	165,792,000
73	AA/2009T	0003405	13/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	514,962,990	10%	51,496,299
74	AA/2009T	0003406	13/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	1,336,151,980	10%	133,615,198

75	AA/2009T	0003407	13/12/2010	Công ty CP Matexim Hải Phòng	0200575118	Thép xây dựng	283,228,920	10%	28,322,892	
76	AA/2009T	0003408	13/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	1,828,095,570	10%	182,809,557	
77	AA/2009T	0003409	13/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	1,683,887,710	10%	168,388,771	
78	AA/2009T	0003410	13/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	712,999,100	10%	71,299,910	
79	AA/2009T	0003411	13/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	2,398,310,500	10%	239,831,050	
80	AA/2009T	0003412	14/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	793,599,940	10%	79,359,994	
81	AA/2009T	0003413	14/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	723,863,730	10%	72,386,373	
82	AA/2009T	0003414	14/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	492,738,650	10%	49,273,865	
83	AA/2009T	0003415	14/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	351,332,600	10%	35,133,260	
84	AA/2009T	0003416	14/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	515,989,100	10%	51,598,910	
85	AA/2009T	0003417	14/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	107,169,000	10%	10,716,900	
86	AA/2009T	0003418	14/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	197,217,100	10%	19,721,710	
87	AA/2009T	0003419	15/12/2010	Công ty TNHH TM Tiến Đạt	3100262773	Thép xây dựng	1,067,926,600	10%	106,792,660	
88	AA/2009T	0003420	15/12/2010	Công ty TNHH TM TH Quốc Khánh	3100305441	Thép xây dựng	1,081,817,000	10%	108,181,700	
89	AA/2009T	0003421	15/12/2010	Công ty Cổ Phần Xuân Hoà	0200461248	Thép xây dựng	566,258,400	10%	56,625,840	
90	AA/2009T	0003422	15/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	1,179,769,990	10%	117,976,999	
91	AA/2009T	0003423	15/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	424,180,740	10%	42,418,074	
92	AA/2009T	0003424	15/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	739,398,600	10%	73,939,860	
93	AA/2009T	0003425	15/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	911,904,750	10%	91,190,475	
94	AA/2009T	0003426	15/12/2010	Công ty CPXL & KD Dịch Vụ HP-CIPC	0200836458	Thép xây dựng	269,356,500	10%	26,935,650	
95	AA/2009T	0003427	15/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	880,657,370	10%	88,065,737	
96	AA/2009T	0003428	16/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	2,000,838,880	10%	200,083,888	
97	AA/2009T	0003429	16/12/2010	Công ty CP ĐTPT Công Nghiệp	0101269906	Thép xây dựng	951,456,000	10%	95,145,600	
98	AA/2009T	0003430	16/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	353,193,630	10%	35,319,363	
99	AA/2009T	0003431	16/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	375,396,190	10%	37,539,619	
100	AA/2009T	0003432	16/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	669,756,100	10%	66,975,610	
101	AA/2009T	0003433	16/12/2010	Công ty CPXL & KD Dịch Vụ HP-CIPC	0200836458	Thép xây dựng	167,535,000	10%	16,753,500	
102	AA/2009T	0003434	16/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	462,897,770	10%	46,289,777	
103	AA/2009T	0003435	16/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	1,334,129,650	10%	133,412,965	
104	AA/2009T	0003436	16/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	1,010,523,000	10%	101,052,300	

105	AA/2009T	0003437	17/12/2010	Công ty Cổ Phần Xuân Hoà	0200461248	Thép xây dựng	237,161,800	10%	23,716,180	
106	AA/2009T	0003438	17/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	1,104,883,300	10%	110,488,330	
107	AA/2009T	0003439	17/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	3,420,164,910	10%	342,016,491	
108	AA/2009T	0003440	17/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	1,240,088,500	10%	124,008,850	
109	AA/2009T	0003441	17/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	699,626,540	10%	69,962,654	
110	AA/2009T	0003442	17/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	550,098,400	10%	55,009,840	
111	AA/2009T	0003443	17/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	1,817,313,600	10%	181,731,360	
112	AA/2009T	0003444	18/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	439,425,100	10%	43,942,510	
113	AA/2009T	0003445	18/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	285,643,800	10%	28,564,380	
114	AA/2009T	0003446	18/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	622,375,700	10%	62,237,570	
115	AA/2009T	0003447	18/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	1,007,426,160	10%	100,742,616	
116	AA/2009T	0003448	18/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	321,104,600	10%	32,110,460	
117	AA/2009T	0003449	18/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	1,030,088,800	10%	103,008,880	
118	AA/2009T	0003450	20/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	1,542,046,500	10%	154,204,650	
119	AA/2009T	0003451	20/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	623,550,200	10%	62,355,020	
120	AA/2009T	0003452	20/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	432,913,100	10%	43,291,310	
121	AA/2009T	0003453	20/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	805,525,600	10%	80,552,560	
122	AA/2009T	0003454	20/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	1,047,745,850	10%	104,774,585	
123	AA/2009T	0003455	20/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	9,933,644,040	10%	993,364,404	
124	AA/2009T	0003456	21/12/2010	Công ty TNHH TM TH Quốc Khánh	3100305441	Thép xây dựng	1,061,284,500	10%	106,128,450	
125	AA/2009T	0003457	21/12/2010	Công ty CP Thép & Vật Tư Công Nghiệp	0100902925	Thép xây dựng	730,443,770	10%	73,044,377	
126	AA/2009T	0003458	21/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	730,468,450	10%	73,046,845	
127	AA/2009T	0003459	21/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	636,108,800	10%	63,610,880	
128	AA/2009T	0003460	21/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	1,292,216,200	10%	129,221,620	
129	AA/2009T	0003461	21/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	15,501,865,500	10%	1,550,186,550	
130	AA/2009T	0003462	22/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	17,240,202,860	10%	1,724,020,286	
131	AA/2009T	0003463	22/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	598,877,950	10%	59,887,795	
132	AA/2009T	0003464	22/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	439,474,800	10%	43,947,480	
133	AA/2009T	0003465	22/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	781,223,550	10%	78,122,355	
134	AA/2009T	0003466	22/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	663,031,050	10%	66,303,105	

135	AA/2009T	0003467	22/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	1,210,619,750	10%	121,061,975	
136	AA/2009T	0003468	22/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	1,158,314,880	10%	115,831,488	
137	AA/2009T	0003469	22/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	6,044,240,510	10%	604,424,051	
138	AA/2009T	0003470	23/12/2010	Công ty CP Đầu Tư XD Đại Dương	0200807513	Thép xây dựng	542,703,000	10%	54,270,300	
139	AA/2009T	0003471	22/12/2010	Công ty CP TM & XD Nam Sơn	0101058091	Thép xây dựng	2,001,625,355	10%	200,162,536	
140	AA/2009T	0003472	23/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	279,695,800	10%	27,969,580	
141	AA/2009T	0003473	23/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	2,502,294,480	10%	250,229,448	
142	AA/2009T	0003474	23/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	725,642,550	10%	72,564,255	
143	AA/2009T	0003475	23/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	501,998,900	10%	50,199,890	
144	AA/2009T	0003476	23/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	749,373,500	10%	74,937,350	
145	AA/2009T	0003477	18/12/2010	Công ty CP Matexim Hải Phòng	0200575118	Thép xây dựng	3,605,487,250	10%	360,548,725	
146	AA/2009T	0003478	23/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	25,362,393,280	10%	2,536,239,328	
147	AA/2009T	0003479	24/12/2010	Công ty KD VLXD & DV TM Trung Nga	3100261145	Thép xây dựng	946,907,760	10%	94,690,776	
148	AA/2009T	0003480	24/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	806,941,260	10%	80,694,126	
149	AA/2009T	0003481	24/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	737,264,400	10%	73,726,440	
150	AA/2009T	0003482	24/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	2,322,198,230	10%	232,219,823	
151	AA/2009T	0003483	24/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	7,162,530,715	10%	716,253,072	
152	AA/2009T	0003484	25/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	524,707,050	10%	52,470,705	
153	AA/2009T	0003485	25/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	853,246,170	10%	85,324,617	
154	AA/2009T	0003486	25/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	603,118,130	10%	60,311,813	
155	AA/2009T	0003487	27/12/2010	Công ty CP Đầu Tư XD Đại Dương	0200807513	Thép xây dựng	579,156,000	10%	57,915,600	
156	AA/2009T	0003488	27/12/2010	Công ty CPXL & KD Dịch Vụ HP-CIPC	0200836458	Thép xây dựng	267,061,500	10%	26,706,150	
157	AA/2009T	0003489	27/12/2010	Doanh Nghiệp TN Thương Mại Thủy Trang	3100259682	Thép xây dựng	906,354,650	10%	90,635,465	
158	AA/2009T	0003490	27/12/2010	Công ty CP ĐT & TM Nam Sơn	0200820923	Thép xây dựng	1,269,760,850	10%	126,976,085	
159	AA/2009T	0003491	29/12/2010	Công ty TNHH TM TH Quốc Khánh	3100305441	Thép xây dựng	876,637,300	10%	87,663,730	
160	AA/2009T	0003492	27/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	734,460,210	10%	73,446,021	
161	AA/2009T	0003493	27/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	688,365,000	10%	68,836,500	
162	AA/2009T	0003494	27/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	1,004,660,950	10%	100,466,095	
163	AA/2009T	0003495	28/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	993,691,650	10%	99,369,165	
164	AA/2009T	0003496	28/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	401,079,000	10%	40,107,900	

165	AA/2009T	0003497	28/12/2010	Công ty TNHH IPC	0101018571	Thép xây dựng	352,360,000	10%	35,236,000
166	AA/2009T	0003498	28/12/2010	Công ty CP Đầu Tư XD Đại Dương	0200807513	Thép xây dựng	546,516,000	10%	54,651,600
167	AA/2009T	0003499	28/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	605,820,550	10%	60,582,055
168	AA/2009T	0003500	28/12/2010	Công ty TNHH Minh Trí	3100270799	Thép xây dựng	1,050,065,050	10%	105,006,505
169	AA/2009T	0003501	29/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	849,007,900	10%	84,900,790
170	AA/2009T	0003502	29/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	782,137,750	10%	78,213,775
171	AA/2009T	0003503	29/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	1,703,481,450	10%	170,348,145
172	AA/2009T	0003504	29/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	1,264,518,750	10%	126,451,875
173	AA/2009T	0003505	30/12/2010	Công ty TNHH Minh Trí	3100270799	Thép xây dựng	1,849,845,350	10%	184,984,535
174	AA/2009T	0003506	30/12/2010	Công ty TNHH Sơn Trường	0200414696	Thép xây dựng	2,035,322,260	10%	203,532,226
175	AA/2009T	0003507	30/12/2010	Công ty CP Đầu Tư XD Đại Dương	0200807513	Thép xây dựng	210,528,000	10%	21,052,800
176	AA/2009T	0003508	30/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	1,791,889,300	10%	179,188,930
177	AA/2009T	0003509	30/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	1,107,171,720	10%	110,717,172
178	AA/2009T	0003510	31/12/2010	Công ty Cổ Phần Xuân Hoà	0200461248	Thép xây dựng	322,910,435	10%	32,291,044
179	AA/2009T	0003511	31/12/2010	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	Thép xây dựng	162,328,130	10%	16,232,813
180	AA/2009T	0003512	31/12/2010	Công ty CP Kim Khí Hà Nội	0100100368	Thép xây dựng	278,079,460	10%	27,807,946
181	AA/2009T	0003513	31/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	935,637,175	10%	93,563,718
182	AA/2009T	0003514	31/12/2010	Công ty CPXD & Thương Mại Đại Ngàn	0200691058	Thép xây dựng	949,006,845	10%	94,900,685
183	AA/2009T	0003515	31/12/2010	Công ty TNHH TM Đan Việt	0200681388	Thép xây dựng	5,470,890,155	10%	547,089,016
Tổng							242,161,543,960	10%	24,216,154,399

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:
Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra:

242,161,543,960
24,216,154,399

Kích chuột vào “PL 01-2/GTGT” nếu như muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

Hệ trí kê khai - Phiên bản 2.5.4
Nhập tờ khai

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:										
1							0	0%	0	
Tổng							0		0	
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT:										
1							0	0%	0	
Tổng							0		0	
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT:										
1							0	0%	0	
Tổng							0		0	
Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:									0	
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:									0	

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

11:46 PM
6/2/2011

Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hóa đơn là những hóa đơn mua vào.

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:										
1							0		0	
Tổng							0		0	
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT:										
1							0		0	
Tổng							0		0	
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT:										
1	PQ/2010B	0094910	04/12/2010	Xí nghiệp Toyota - Hải Phòng	0200581023-001	Bảo dưỡng xe	364,000	10%	36,400	
2	NU/2010B	0007979	02/12/2010	CN Cty dịch vụ TM & XNK Trung Thành	0104069623-001	Xăng A92	704,545	10%	70,455	
3	AA/2010T	0152037	01/12/2010	Cty Xăng dầu B12 - XN xăng dầu Quảng Ninh	5700101690	Xăng A92	770,000	10%	77,000	
4	LS/2010B	0067250	01/12/2010	TT kiểm định kỹ thuật an toàn HP	0200809278	Huấn luyện KTAT	28,500,000	10%	2,850,000	
5	KX/2010B	0048670	06/12/2010	Cty CPTM Phương Thúy	0200791528	Làm đường nước	41,361,275	10%	4,136,128	
6	PR/2010B	0036353	01/12/2010	Cty TNHH Tam giác tròn	0102195365	Biển quảng cáo	64,766,000	10%	6,476,600	
7	GY/2010B	0090940	23/12/2010	Cty TNHH MTV công viên, cây xanh Hải Phòng	0201093967	Phí chăm cây	14,340,000	10%	1,434,000	
8	QH/2010B	0069716	27/12/2010	Cty CP Cường Anh	0200822529	Biển quảng cáo	70,831,200	10%	7,083,120	
9	PR/2010B	0036356	21/12/2010	Cty TNHH Tam giác tròn	0102195365	Biển quảng cáo	76,686,000	10%	7,668,600	
10	LS/2010B	0034620	01/12/2010	Cty TNHH TM Vật tư Hải Phòng	0200133952	Vật tư	106,800,000	10%	10,680,000	
11	QB/2010B	0066628	06/12/2010	Cty CP TM & DV kỹ thuật Thành Đạt	0101516915	Vật tư	48,600,000	10%	4,860,000	
12	SD/2010T	0002041	06/12/2010	Cty CP cơ khí luyện kim (Sadakim)	3600869728	Vật tư	218,520,000	10%	21,852,000	
13	LC/2010B	0088944	08/12/2010	Cty TNHH cơ khí Vĩnh Thái	4600796197	Vật tư	43,650,000	10%	4,365,000	
14	ME/2010B	0017695	27/12/2010	Cty TNHH Trung Hiếu	0200245624	Vật tư	113,060,480	10%	11,306,048	
15	MV/2010B	0049237	27/12/2010	Cty CPĐTXD & ứ.dụng c.ngệ hóa Polymer	0101209696	Vật tư	58,285,000	10%	5,828,500	
16	TU/2010B	0058564	27/12/2010	Cty TNHH TM & KT Tân Hoàng Việt	0101345875	Vật tư	58,500,000	10%	5,850,000	
17	QN/2010B	0078151	28/12/2010	Cty TNHH Dịch vụ TM D&T	0101098376	Vật tư	107,328,000	10%	10,732,800	
18	QX/2010B	0073579	29/12/2010	Cty CP thép Việt Nhật	0101228392	Vật tư	69,203,182	10%	6,920,318	
19	PQ/2010B	0003766	29/12/2010	Cty TNHH cơ khí & TM Việt Đức	0200779062	Vật tư	51,744,000	10%	5,174,400	
20	QX/2010B	0073580	30/12/2010	Cty CP thép Việt Nhật	0101228392	Vật tư	3,258,570,000	10%	325,857,000	

21	QV/2010B	0087165	30/12/2010	Cty TNHH khí CN MESSER Hải Phòng	0200134811	Vật tư	69,615,000	10%	6,961,500	
22	QH/2010B	0079012	30/12/2010	Cty CP DV thiết bị năng lượng	0200736774	Vật tư	1,911,000	10%	191,100	
23	GY/2010B	0063782	30/12/2010	Cty CP KD VT KK Nam Việt	0200584715	Vật tư	49,601,480	10%	4,960,148	
24	PQ/2010B	0004485	30/12/2010	Cty TNHH DV & TM Phương Dung	0200767902	Vật tư	27,334,800	10%	2,733,480	
25	GY/2010B	0063783	30/12/2010	Cty CP KD VT KK Nam Việt	0200584715	Vật tư	122,161,600	10%	12,216,160	
26	HQ/2010N	0176544	02/12/2010	Cty CP thép Đà Nẵng	0400101549	Phôi thép	40,696,638,000	10%	4,069,663,800	
27	AA/2009T	000134	06/12/2010	Cty TNHH An Hưng Tường	3700256179	Phôi thép	23,110,972,500	10%	2,311,097,250	
28	QK/2010B	0066667	10/12/2010	Cty CP luyện thép Sông Đà	0200763016	Phôi thép	13,413,942,000	10%	1,341,394,200	
29	AA/2010T	008251	13/12/2010	Cty CPTM Thái Hưng	4600310787	Phôi thép	73,224,904,500	10%	7,322,490,450	
30	AA/2010T	007903	14/12/2010	Cty CPTM Thái Hưng	4600310787	Phôi thép	19,434,356,000	10%	1,943,435,600	
31	AA/2009T	004024	15/12/2010	Tổng Công ty Thép VN (VSC)	0100100047	Phôi thép	37,966,522,000	10%	3,796,652,200	
32	QK/2010B	0066671	18/12/2010	Cty CP luyện thép Sông Đà	0200763016	Phôi thép	40,463,655,000	10%	4,046,365,500	
33	AA/2009T	000144	20/12/2010	Cty TNHH An Hưng Tường	3700256179	Phôi thép	36,616,958,000	10%	3,661,695,800	
34	AA/2009T	004042	27/12/2010	Tổng Công ty Thép VN (VSC)	0100100047	Phôi thép	37,640,085,500	10%	3,764,008,550	
35	AA/2009T	000155	27/12/2010	Cty TNHH An Hưng Tường	3700256179	Phôi thép	24,416,958,000	10%	2,441,695,800	
36	AA/2009T	3017103	06/12/2010	Cty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	0200340211-001	Tiền điện	942,474,600	10%	94,247,460	
37	AA/2009T	2046849	10/12/2010	Cty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	0200340211-001	Tiền điện	869,003,400	10%	86,900,340	
38	AA/2009T	2064331	20/12/2010	Cty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	0200340211-001	Tiền điện	925,885,200	10%	92,588,520	
39	AA/2010T	0073084	08/12/2010	Cty CP cấp nước Vật Cách Hải Phòng	0200933035	Tiền nước	54,710,950	10%	5,471,095	
40	PQ/2010B	0096707	22/12/2010	Cty CP DV bảo vệ Hoàng Gia - Asia	0200584539	Phí bảo vệ	50,000,000	10%	5,000,000	
41	AA/2009T	031329	21/12/2010	Cty CP bảo hiểm Petrolimex	0100110768003	Phí bảo hiểm	52,500,291	10%	5,250,029	
42	AR/2010T	485259	10/12/2010	Viễn thông Hà Nội	0100686223	Cước viễn thông	250,000	10%	25,000	
43	BA/2010T	1390255	24/12/2010	XN bán lẻ xăng dầu - cty xăng dầu khu vực 1	0100107564-001	Xăng	1,400,000	10%	140,000	
44	BA/2010T	1390256	24/12/2010	XN bán lẻ xăng dầu - cty xăng dầu khu vực 1	0100107564-001	Xăng	842,046	10%	84,205	
45	BA/2010T	1288361	11/12/2010	XN bán lẻ xăng dầu - cty xăng dầu khu vực 1	0100107564-001	Xăng	842,046	10%	84,205	
46	BA/2010T	1424827	29/12/2010	XN bán lẻ xăng dầu - cty xăng dầu khu vực 1	0100107564-001	Xăng	842,046	10%	84,205	
47	AA/2010T	0009770	16/12/2010	Cty Xăng dầu Hà Sơn Bình - cửa hàng xăng dầu số 23	0500232954	Dầu diesel	712,500	10%	71,250	
48	AA/2009T	0003027	23/12/2010	Cty CP thép & vật tư công nghiệp	0100902925	DV ăn uống	4,100,000	10%	410,000	
49	AA/2009T	0002892	13/12/2010	Cty CP thép & vật tư công nghiệp	0100902925	DV ăn uống	5,000,000	10%	500,000	
50	AB/2010T	000214	28/12/2010	Cty TNHH MTV Hòa Khánh 1	0400596122	Xăng	1,260,000	10%	126,000	
51	PH/2010N	0045100	01/12/2010	Cty CPTM quốc tế & DV đại siêu thị Big C Hải Phòng	0200662314-001	Hàng hóa tổng hợp	329,364	10%	32,936	
52	AA/2010T	6194	28/12/2010	Cty TNHH MTV Việt Đức Tín	0400540313	Vé máy bay	2,131,000	10%	213,100	

53	RD/2010N	0164416	27/12/2010	Cty Cp thiết bị văn phòng và sách NBS	0400540313	VPP	1,750,000	10%	175,000	
54	RC/2010N	0018458	20/12/2010	DNTN Võ Bạch Vân	0401311891	Tiếp khách	1,813,636	10%	181,364	
55	RD/2010N	0053076	22/12/2010	Cty TNHH Phương Ngân	0400512838	Tiếp khách	508,183	10%	50,818	
56	RD/2010N	0119371	28/12/2010	Cty TNHH Cát Việt	0400535176	DV vận chuyển	3,613,636	10%	361,364	
57	06/99	1 CT	01/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	10,000	10%	1,000	
58	06/99	1 CT	02/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	1,000,000	10%	100,000	
59	06/99	1 CT	03/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	10,000	10%	1,000	
60	06/99	11 CT	06/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	324,526	10%	32,453	
61	06/99	4 CT	22/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	146,847	10%	14,685	
62	06/99	1 CT	23/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	1,000,000	10%	100,000	
63	06/99	2 CT	24/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	634,309	10%	63,431	
64	06/99	1 CT	27/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	1,000,000	10%	100,000	
65	06/99	8 CT	28/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	1,832,400	10%	183,240	
66	06/99	9 CT	31/12/2010	Vietcombank	0100112437004	NH thu phí	203,177	10%	20,318	
67	HD/2010T	31171	03/12/2010	ACB	0301452948-029	NH thu phí	909,091	10%	90,909	
68	HD/2010T	31405	10/12/2010	ACB	0301452948-029	NH thu phí	909,091	10%	90,909	
69	HD/2010T	31506	15/12/2010	ACB	0301452948-029	NH thu phí	909,091	10%	90,909	
70	HD/2010T	31576	17/12/2010	ACB	0301452948-029	NH thu phí	703,361	10%	70,336	
71	HD/2010T	31661	21/12/2010	ACB	0301452948-029	NH thu phí	909,091	10%	90,909	
72	HD/2010T	31748	23/12/2010	ACB	0301452948-029	NH thu phí	909,091	10%	90,909	
73	HD/2010T	32017	31/12/2010	ACB	0301452948-029	NH thu phí	909,091	10%	90,909	
74	8017	1274	02/12/2010	Shinhan Vina Bank	0301222447001	NH thu phí	200,000	10%	20,000	
75	8017	5077	14/12/2010	Shinhan Vina Bank	0301222447001	NH thu phí	200,000	10%	20,000	
76	8017	2273	16/12/2010	Shinhan Vina Bank	0301222447001	NH thu phí	200,000	10%	20,000	
77	8017	2478	17/12/2010	Shinhan Vina Bank	0301222447001	NH thu phí	500,000	10%	50,000	
78	8017	3257	17/12/2010	Shinhan Vina Bank	0301222447001	NH thu phí	5,000	10%	500	
79	8017	4331	23/12/2010	Shinhan Vina Bank	0301222447001	NH thu phí	200,000	10%	20,000	
80	8017	4900	31/12/2010	Shinhan Vina Bank	0301222447001	NH thu phí	200,000	10%	20,000	
Tổng							354,621,992,126		35,462,199,215	

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:

354,621,992,126

35,462,199,215

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Học trí kê khai - Phiên bản 2.5.4
Nhập tờ khai

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2010

Mã số thuế: 0200126916
Người nộp thuế: Công ty TNHH Thép VSC - POSCO

STT	CHI TIẾT	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "x") [10]		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [11]		0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ((12)=[14]+[16]; [13]=[15]+[17]) [12]	0	0
a	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước [14]	0	0
b	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu [16]	0	0
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng [18]	0	0
b	Điều chỉnh giảm [20]	0	0
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ((22)=[13]+[19]-[21]) [22]		0
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		0
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ((24)=[26]+[27]; [25]=[28]) [24]	0	0
1.1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT [26]	0	

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết thúc | Đăng | 1 hr 47 min (49%) remaining | 11:48 PM 6/2/2011

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)

Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2010

Mã số thuế: 0200126916

Người nộp thuế: Công ty TNHH Thép VSC - POSCO

STT	CHỈ TIÊU		GIÁ TRỊ HHDV		THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[10]	0		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	[11]			0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước				
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào				
1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	[12]	354,621,992,126	[13]	35,462,199,215
a	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước	[14]	354,621,992,126	[15]	35,462,199,215
b	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[16]	0	[17]	0
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước				
a	Điều chỉnh tăng	[18]	0	[19]	0
b	Điều chỉnh giảm	[20]	0	[21]	0
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])	[22]			35,462,199,215
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	[23]			35,462,199,215
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra				
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	[24]	242,161,543,960	[25]	24,216,154,399
1.1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0		
1.2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	[27]	242,161,543,960	[28]	24,216,154,399
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 0%	[29]	0		
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 10%	[32]	242,161,543,960	[33]	24,216,154,399
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước				
a	Điều chỉnh tăng	[34]	0	[35]	0
b	Điều chỉnh giảm	[36]	0	[37]	0
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36], [39]=[25]+[35]-[37])	[38]	242,161,543,960	[39]	24,216,154,399
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ				
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])			[40]	0
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])			[41]	11,246,044,816
2.1	Thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này	[42]			0
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])	[43]			11,246,044,816

Người ký:

Ngày ký: 12/01/2011

5.2. Một số quy định chung về lập tờ khai thuế GTGT

- ✓ Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:
 - “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
 - “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
 - “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.
- ✓ Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm....) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:
 - [01] : Kỳ tính thuế : tháng 12 năm 2010
 - [02] : Người nộp thuế : Công ty TNHH Thép VSC - POSCO
 - [03] : Mã số thuế : 0200126916
 - [04] : Địa chỉ trụ sở : Km 9, Quán Toan
 - [05] : Quận/huyện : Hồng Bàng
 - [06] : Tỉnh/thành phố : Hải Phòng
 - [07] : Điện thoại : 0313 850124
 - [08] : Fax : 0313 850123
 - [09] : Email :
- ✓ Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam.
- ✓ Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT.
- ✓ Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi.
- ✓ Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...).
- ✓ Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.
- ✓ Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu trên và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

5.3. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT)

A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ:

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang:

- **Mã số [11]** - Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang: số liệu ghi vào mã số này là số thuế đã ghi trên mã số [43] của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

Số thuế còn phải nộp không được ghi vào chỉ tiêu này.

⇒ [11] : không phát sinh

C- Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước:

I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào:

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ”:

- **Mã số [12]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

⇒ [12] : 354.621.992.126

- **Mã số [13]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

⇒ [13] : 35.462.199.215

a. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước”:

- **Mã số [14]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ.

⇒ [14] : 354.621.992.126

- **Mã số [15]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước.

⇒ [15] : 35.462.199.215

b. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu”:

- **Mã số [16]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT)

⇒ [16] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [17]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ.

⇒ [17] : Không phát sinh trong kỳ

2. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”:

- **Mã số [18], [20]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

⇒ [18] [20] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [19], [21]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

⇒ [19] [21] : Không phát sinh trong kỳ

3. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào”:

- **Mã số [22]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

⇒ [22] : 35.462.199.215

4. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”:

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

⇒ [23] : 35.462.199.215

II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra:

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ”:

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

⇒ [24] : 242.161.543.960

- **Mã số [25]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

⇒ [25] : 24.216.154.399

1.1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”:

- **Mã số [26]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

⇒ [26] : Không phát sinh trong kỳ

1.2. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”:

- **Mã số [27]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

⇒ [27] : 242.161.543.960

- **Mã số [28]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

⇒ [28] : 24.216.154.399

a. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%":

- **Mã số [29]**: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

⇒ [29] : Không phát sinh trong kỳ

b. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% ":

- **Mã số [30]**: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

⇒ [30] : không phát sinh

- **Mã số [31]**: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

⇒ [31] : không phát sinh

c. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%":

- **Mã số [32]**: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

⇒ [32] : 242.161.543.960

- **Mã số [33]** : Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

⇒ [33] : 24.216.154.399

2. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước”:

- **Mã số [34], [36]**: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

⇒ [34] [36] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [35], [37]**: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

⇒ [35] [37] : Không phát sinh trong kỳ

3. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra”:

- **Mã số [38]**: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

$$[38] = [24] + [34] - [36]$$

⇒ [38] : 242.161.543.960

- **Mã số [39]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức :

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

⇒ [39] : 24.216.154.399

III- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”:

- **Mã số [40]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu $[39] = 0$ thì phải ghi số “0” vào kết quả.

2. Chỉ tiêu “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”:

- **Mã số [41]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu để ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi vào chỉ tiêu [40].

$$\Rightarrow [41] : 11.246.044.816$$

2.1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này ”:

- **Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

$$\Rightarrow [42] : \text{Không phát sinh}$$

2.2. Chỉ tiêu “Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau”:

- **Mã số [43]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

$$\Rightarrow [43] : 11.246.044.816$$

PHẦN III

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH THÉP VSC – POSCO.

I. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện kế toán thuế GTGT

1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT

Kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp, thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào NSNN, từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước. Tránh được tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn đến chậm nộp thuế, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước, uy tín của doanh nghiệp và cả về mặt vật chất khi bị phạt chậm nộp thuế. Việc thực hiện tổ chức công tác kế toán thuế một cách khoa học còn giúp cho kế toán doanh nghiệp dễ dàng giải trình về các số liệu liên quan đến thuế GTGT phải nộp trong kỳ.

Với cơ chế thị trường mở cửa, cạnh tranh đã trở thành một xu thế tất yếu, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao uy tín của doanh nghiệp để có thể thành công trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh. Thực hiện tốt công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thuế nói riêng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các số liệu liên quan đến thuế, tình hình nộp thuế có thể cho biết được thực trạng, quy mô, hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó xác định vị thế của doanh nghiệp đối với các chủ đầu tư và các đối tác kinh tế.

Mặt khác, trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế nước ta từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới, Chính phủ có những thay đổi đối với chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách về thuế, về chế độ kế toán. Cùng với những thay đổi đó, công tác kế toán ở các doanh nghiệp cũng phải được tổ chức cho phù hợp.

Từ những nguyên nhân, đòi hỏi mang tính khách quan của nền kinh tế đặt ra, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và phát huy đầy đủ vai trò cung cấp thông tin cho việc điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh, cần thiết phải cải tiến, đổi mới vào hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

2. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán thuế GTGT tại Công ty

Như trên đã đề cập, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng là cần thiết. Tuy vậy, việc hoàn thiện cần đảm bảo các yêu cầu mang tính nguyên tắc như sau:

- Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng tại Công ty phải tôn trọng đúng chính sách, chế độ hiện hành của Nhà nước về chế độ kế toán cũng như kế toán thuế GTGT.
- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của đơn vị. Phù hợp ở đây là phù hợp với trình độ, khả năng của đội ngũ cán bộ, với trang thiết bị, phương tiện ghi chép, tính toán của Công ty. Có như vậy mới phát huy được thế mạnh của việc đổi mới.
- Một trong những nhiệm vụ của kế toán là cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho đối tượng cần sử dụng thông tin.
- Hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng cần phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và có hiệu quả. Có khả thi thì mới thực hiện và giải pháp hoàn thiện mới có ý nghĩa. Nhưng thực hiện được không phải bằng mọi cách mà còn cần phải quan tâm đến việc tiết kiệm cả về thời gian, chi phí, công sức từ đó tạo hiệu quả trong công việc.

II. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thép VSC - POSCO

1. Nhận xét chung về tổ chức kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thép VSC – POSCO

1.1. Ưu điểm

Qua thời gian thực tập tại Công ty em đã có điều kiện được tiếp cận với thực tiễn, hiểu hơn những kiến thức về lý thuyết đã được học ở nhà trường. Cũng trong thời gian đã em hiểu và biết thêm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty nói chung, tổ chức công tác thuế GTGT nói riêng.

Công ty thực hiện hình thức Nhật Ký chung, hình thức này có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng ghi sổ, đối chiếu số liệu tiến hành thường xuyên kịp thời, cung cấp các số liệu cho việc tổng hợp theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính lập báo cáo kế toán.

Tổ chức kế toán theo hình thức này mọi việc chủ yếu của hạch toán kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán công ty. Do đó giúp cho lãnh đạo công ty nắm được kịp thời toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế của công ty, từ đó thực hiện sự kiểm tra và chỉ đạo sát sao, kịp thời các hoạt động của toàn công ty. Sự chỉ đạo công tác kế toán được thống nhất, chặt chẽ, tổng hợp số liệu và thông tin kinh tế kịp thời, tạo điều kiện trong phân công lao động, nâng cao trình độ, chuyên môn hoá lao động.

Quá trình xác định thuế được thực hiện hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Đây là ưu điểm cần phát huy, nó giúp cho công tác tập hợp thông tin chính xác và có quyết định xử lý kịp thời, giúp công tác quản lý có nhiều thuận lợi.

Các thủ tục luân chuyển chứng từ ban đầu được thực hiện tương đối đầy đủ, khá chặt chẽ. Số lượng sổ chi tiết được ghi chép là chủ yếu và tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của công tác hạch toán kế toán: Rõ ràng, riêng biệt từng loại, từng tài khoản theo tính chất loại hình kinh doanh. Do đó nó giúp cho công

tác giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho từng bộ phận liên quan.

Việc ghi chép giữa kế toán tổng hợp và chi tiết kết hợp với nhau nên không những giúp cho công tác kế toán được chính xác mà còn đáp ứng kịp thời thông tin cho lãnh đạo quản lý mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty, giúp công ty đứng vững và phát huy vai trò kinh tế trong thế kỉ 21.

Kế toán áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT hoàn toàn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thép nên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tương đối nhiều từ công tác thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ quá trình sản xuất đến công tác sản xuất sản phẩm và tiêu thụ.

Nhìn chung công ty đã thực hiện đúng qui định nộp thuế của Nhà nước, Thuế GTGT được kê khai và nộp đầy đủ kịp thời, thuận lợi cho quá trình quản lý và theo dõi thuế.

1.2. Những hạn chế trong công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty

Cùng với các đơn vị khác, ngay sau khi Luật thuế GTGT có hiệu lực Công ty TNHH Thép VSC - POSCO đã nghiên cứu và áp dụng. Do những ưu điểm của thuế GTGT mà công tác kế toán thuế nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng đơn giản, rõ ràng và khoa học hơn. Nhưng do sự vận động không ngừng của thực tiễn trong khi chế độ, chính sách lại chỉ áp dụng trong một thời gian nên công tác kế toán cũng có lúc gặp khó khăn, còn có những tồn tại, hạn chế. Kế toán thuế không nằm ngoài quy luật đó. Đặc biệt, thuế GTGT là một luật thuế mới đang trong thời kỳ tìm tòi để tìm ra cách quản lý tối ưu nhất. Vì vậy, kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thép VSC – POSCO không tránh khỏi những hạn chế.

Trong thời gian vừa qua hàng loạt các Nghị định, Thông tư liên tục được ban hành để hướng dẫn thực hiện thuế GTGT. Có thể nói đây là sắc thuế được quan tâm nhiều nhất hiện nay không chỉ vì nó mới mà nó còn là loại thuế mang lại

nguồn thu đáng kể cho Ngân sách Nhà nước. Với tầm quan trọng của thuế GTGT, kế toán thuế GTGT cần có được sự quan tâm tương xứng với tầm quan trọng của nó. Những hạn chế của kế toán thuế GTGT tại Công ty chủ yếu bắt nguồn từ những vấn đề này.

Một là, bộ phận kế toán tại Công ty chưa có một kế toán chuyên trách về kế toán thuế GTGT. Số liệu về thuế GTGT cập nhật không phải chỉ do một người mà do toàn bộ kế toán trong phòng cập nhật khi họ nhận được chứng từ có liên quan đến phân hành kế toán của mình và thuế GTGT. Người phụ trách về kế toán thuế GTGT sẽ tiến hành tổng hợp số liệu vào cuối kỳ. Với cách tiến hành công việc như vậy việc cập nhật số liệu sẽ không bị trùng lặp, hoá đơn, chứng từ liên quan đến thuế GTGT được cập nhật một lần. Nhưng bên cạnh đó cách thực hiện này cũng có những hạn chế.

Một mặt, không phải tất cả các kế toán viên đều am hiểu sâu về phân hành kế toán này nên việc sai sót là khó tránh khỏi. Bởi lẽ như trên đã đề cập, thuế GTGT là sắc thuế quan trọng trong khi việc hướng dẫn kế toán thuế GTGT lại chưa nhiều và chưa kịp thời. Trong khi việc thực hiện công tác kế toán không phải là đơn giản kể cả với những phân hành kế toán truyền thống thì càng khó khăn hơn đối với công việc kế toán mới này. Công việc này không chỉ đòi hỏi người kế toán phải nắm vững hướng dẫn về kế toán thuế GTGT mà còn phải hiểu sâu về chính Luật thuế GTGT, bởi vì có những nghiệp vụ nếu chỉ căn cứ vào hướng dẫn về kế toán thuế GTGT thì chưa thể xử lý được. Điều đó đặt ra yêu cầu cần phải đầu tư về thời gian, công sức để tìm hiểu. Nhưng không thể và cũng không cần thiết tất cả các kế toán viên trong phòng kế toán đều phải tìm hiểu sâu như vậy bởi mỗi người đảm nhận một phần công việc nhất định.

Mặt khác, do nhiều người cùng tiến hành nên xảy ra nhiều sai sót ngay trong việc kiểm tra chứng từ ban đầu, xử lý số liệu cập nhật rất khó phát hiện do bộ phận nào. Mà việc sai sót còn tồn tại là khó tránh khỏi như trên đã nói. Khi sai sót xảy ra việc tìm nguyên nhân sẽ khó khăn nên việc khắc phục không dễ dàng. Từ đó ảnh hưởng đến tính chính xác của số liệu kế toán.

Hai là, trong quá trình lập báo cáo thuế GTGT và ghi sổ TK 133 và TK 3331 thì công tác đối chiếu kiểm tra chưa thực sự được coi trọng do vậy khó tránh được sai sót trong quá trình lập báo cáo và ghi sổ.

Ba là, trường hợp hoá đơn có sự sai sót khi huỷ hoá đơn doanh nghiệp chưa tiến hành lập biên bản huỷ hoá đơn có chữ kí của 2 bên.

Bốn là, trên tờ khai số thuế được khấu trừ quá lớn (con số đến tháng 12 là 11.246.044.816).

Nhìn chung, tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thép VSC - POSCO là tương đối khoa học, hợp lý và có hiệu quả. Do những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan mà công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng còn tồn tại hạn chế. Mặc dù những hạn chế này là không lớn, không ảnh hưởng nghiêm trọng nhưng nếu được khắc phục sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thép VSC – POSCO

Trên cơ sở những nhận xét chủ quan, qua tìm hiểu thực tế công tác kế toán đặc biệt là kế toán thuế GTGT của Công ty, kết hợp với kiến thức lý luận đã được học tập và nghiên cứu ở nhà trường, em xin đưa ra một số ý kiến đối với kế toán thuế GTGT tại Công ty.

Thứ nhất, Công ty cần phân công một kế toán chuyên trách về thuế, trong đó có thuế GTGT. Người kế toán này sẽ chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ, hoá đơn. Việc kiểm tra này nhằm tránh hiện tượng không được khấu trừ thuế GTGT do kê khai không đúng thời hạn quy định hoặc không đủ hoá đơn, chứng từ chứng minh. Sau khi kiểm tra chặt chẽ các hoá đơn, chứng từ có liên quan đến thuế GTGT sẽ tiến hành cập nhật số liệu vào máy. Trong điều kiện áp dụng Luật thuế GTGT như hiện nay hành vi gian lận càng trở nên tinh vi hơn do đó phòng kế toán đặc biệt là kế toán phụ trách thuế GTGT sẽ phối hợp với cơ quan thuế để phát hiện những hoá đơn giả, gian lận.

Khi có một kế toán chuyên trách về thuế chắc chắn kế toán thuế nói chung, kế toán thuế GTGT sẽ tránh được những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện phần hành kế toán này. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước đang thực hiện chủ trương để các doanh nghiệp tự kê khai và nộp thuế GTGT thì khối lượng công việc của kế toán thuế ngày càng nhiều và phức tạp hơn.

Thứ hai, cần có sự đối chiếu sát sao giữa sổ cái TK 133, TK 3331 với bảng kê và Tờ khai thuế, tránh trường hợp không khớp về số liệu. Việc này đòi hỏi kế toán viên cần kiểm tra lại thường xuyên chứng từ gốc nhằm tránh trường hợp bỏ sót nghiệp vụ.

Việc đối chiếu kiểm tra có thể được thực hiện thông qua các mẫu bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 13311 và TK 33311

Tháng	Hạch toán				Kê khai				Chênh lệch	
	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra
Dư đầu kỳ										
T1/2010										
T2/2010										
.....										
T10/2010										
T12/2010										
Cộng										

Số còn được khấu trừ :

Chênh lệch :

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 511

Kê khai			Chênh lệch		Tờ khai		
Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất	Doanh thu	VAT đầu ra	Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất

Trong thực tế, công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hoá đơn đầu vào và hoá đơn đầu ra. Việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hoá đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Còn đối với hoá đơn đầu ra khi không được phép kê khai bổ sung mà phải làm làm các tờ khai điều chỉnh theo các mẫu biểu 01/KHSB và phụ lục 01-3/GTGT.

The screenshot shows a software window titled "Hệ trị kê khai - Phiên bản 2.5.4" with a sub-window "Nhập tờ khai". The main content is a table titled "BẢNG TỔNG HỢP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO BÀN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH Phụ lục 01-3/GTGT".

STT	Kỳ tính thuế được khai bổ sung	Ngày lập tờ khai bổ sung	Số thuế GTGT điều chỉnh tăng	Số thuế GTGT điều chỉnh giảm
1			0	0
	Tổng cộng		0	0

At the bottom of the window, there are navigation buttons: "Thêm phụ lục", "Nhập lại", "Ghi", "In", "Xóa", "Kết xuất", and "Đóng". The system tray shows the time as 13:17 on 30/06/2011.

Thứ ba, khi huỷ hoá đơn phải tiến hành lập biên bản huỷ hoá đơn theo mẫu sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

BIÊN BẢN HUỖ HOÁ ĐƠN

- Căn cứ vào hợp đồng ngày tháng ... năm ký giữa Công ty và Công ty..... về việc mua bán
- Căn cứ vào thực trạng hoá đơn GTGT số ngày .../.../.... mà Công ty đã cấp cho Công ty
- Hôm nay, ngày ... tháng ... năm Tại Trụ sở Công ty, Số nhà..... Chúng tôi gồm có:

BÊN A:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông/Bà :, Chức vụ:, làm đại diện

BÊN B:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông (Bà):, Chức vụ:, làm đại diện

- Hai bên cùng nhau xác nhận việc huỷ bỏ hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... mà Công ty đã cấp cho Công ty

1/ Lý do huỷ bỏ hoá đơn.

- Do đơn giá ghi trên hoá đơn không đúng theo như hợp đồng đã ký giữa hai bên, và khối lượng còn thiếu.

2/ Cam kết.

- Công ty và Công ty cam kết không sử dụng hoá đơn GTGT số ngày .../.../.... trong việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Công ty cam kết không kê khai thuế GTGT đầu vào của hoá đơn số của Công ty Nếu có sự sai trái trong việc kê khai thuế của hoá đơn trên, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm
- Liên 2 của hoá đơn số được hoàn trả lại cho Công ty

Biên bản được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Thứ tư, hiện nay số thuế còn được khấu trừ của doanh nghiệp là khá lớn. Nếu tiếp tục trong các tháng 1 và tháng 2 năm 2011 công ty vẫn còn số thuế GTGT được khấu trừ lớn thì công ty cần sớm có tờ trình xin hoàn thuế để tăng vốn lưu động cho doanh nghiệp đồng thời tránh sự nghi ngờ của cơ quan thuế đặt ra với doanh nghiệp tại sao không xin hoàn thuế. Vì thông thường chỉ những doanh nghiệp có sự gian lận trong hoá đơn đầu vào mới để một số thuế được khấu trừ lớn như vậy mà không xin hoàn.

Để theo dõi số thuế GTGT được khấu trừ hàng tháng kế toán Công ty mở sổ chi tiết thuế GTGT được hoàn lại theo mẫu sau:

SỔ CHI TIẾT THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	
Số	Ngày		Thuế GTGT được hoàn lại	Thuế GTGT đã hoàn lại
		Dư đầu kỳ		
		Cộng phát sinh		
		Dư cuối kỳ		

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Tuy nhiên nghiệp vụ hoàn thuế giá trị gia tăng có một số bất cập như sau:

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành, quy trình này hạch toán theo các bước:

- Khi doanh nghiệp lập và gửi bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế: Không định khoản.

- Khi doanh nghiệp nhận quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế: Không định khoản.

- Khi doanh nghiệp xử lý xong quyết định của cơ quan thuế.

Phần được hoàn, chờ khi nào nhận được tiền hoàn thuế, ghi:

Nợ 111, 112

Có 133 (1331, 1332).

Phần không được hoàn, tính vào chi phí, ghi:

Nợ 621, 641, 642, 632, 627, 142...

Có 133 (1331, 1332).

Qua quy trình nghiệp vụ hoàn thuế, từ khi doanh nghiệp lập bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến khi nhận được tiền hoàn thuế ta thấy phải qua ba giai đoạn, mỗi giai đoạn cần thực hiện một số thủ tục (hồ sơ), ta có thể coi các hồ sơ này là một bộ chứng từ kế toán ghi nhận một nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh vì sau mỗi công đoạn, ý nghĩa của số thuế GTGT khác hẳn nhau.

Khi doanh nghiệp chưa đề nghị hoàn (giai đoạn 1 chưa phát sinh) thì số thuế GTGT đầu vào này vẫn "còn được khấu trừ, còn được hoàn lại" (Luật thuế GTGT), nhưng khi doanh nghiệp đã đề nghị hoàn (giai đoạn 1 đã phát sinh) thì ý nghĩa của số thuế này hoàn toàn khác so với khi chưa đề nghị, lúc này cho dù doanh nghiệp chưa nhận được quyết định xử lý của cơ quan thuế và chưa nhận được tiền hoàn thuế thì nó cũng không được sử dụng để khấu trừ, hay tiếp tục đề nghị hoàn ở những kỳ sau.

Như vậy số thuế đã đề nghị hoàn phải treo lại chờ cơ quan thuế ra quyết định mới được xử lý. Sau khi cơ quan thuế ra quyết định "không được hoàn" hoặc "được hoàn", doanh nghiệp mới được xử lý số thuế này. Phần không được hoàn

tính vào chi phí, phần được hoàn doanh nghiệp làm thủ tục ra kho bạc nhận tiền (giai đoạn 3).

Trong quy trình hạch toán này tồn tại hai bất hợp lý.

Thứ nhất, hai công đoạn đầu nếu ta không định khoản thì trên tài khoản 133(1331, 1332) tồn tại gộp cả "thuế còn được khấu trừ" và "thuế đã đề nghị hoàn không còn được khấu trừ" dễ dẫn đến sai lầm khi lập tờ khai thuế GTGT hoặc khi thực hiện khấu trừ thuế và đề nghị hoàn thuế ở những kỳ sau.

Thứ hai, khi kế toán lập bộ chứng từ đề nghị hoàn và khi nhận được quyết định được hoàn của cơ quan thuế mà không định khoản thì coi như đã bỏ sót chứng từ kế toán.

Để hạch toán được quy trình này công ty nên mở thêm hai tài khoản chi tiết cho tài khoản 133:

- Tài khoản 1333 "Thuế GTGT đã đề nghị hoàn": Tài khoản này sử dụng để theo dõi thuế GTGT đã đề nghị hoàn. Trong đó:

- Bên nợ: phản ánh số thuế GTGT đã đề nghị hoàn.
- Bên có: Phản ánh số thuế GTGT đã nhận được quyết định được hoàn lại, và số thuế GTGT nhận được quyết định không được hoàn phải tính vào chi phí.
- Số dư cuối kỳ: Phản ánh số thuế đã đề nghị hoàn nhưng chưa nhận được quyết định xử lý của cơ quan thuế.

- Tài khoản 1334 "Thuế GTGT đã được hoàn phải thu": Tài khoản này theo dõi thuế GTGT đã nhận được quyết định được hoàn nhưng chưa nhận được tiền hoàn.

- Bên nợ: phản ánh số thuế GTGT đã được hoàn theo quyết định
- Bên có: Phản ánh số thuế GTGT đã nhận được tiền hoàn.
- Số dư cuối kỳ: Phản ánh số thuế đã được hoàn nhưng chưa nhận được tiền.

➤ Định khoản:

Khi doanh nghiệp lập bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế và gửi cho cơ quan thuế:
Ta chuyển số thuế đề nghị hoàn từ 1331, 1332 sang tài khoản 1333 "Thuế GTGT đã đề nghị hoàn", ghi:

Nợ 1333 "Thuế GTGT đã đề nghị hoàn"

Có 1331, 1332.

Khi nhận được quyết định hoàn thuế, ta xử lý như sau:

- Phần không được hoàn do cơ quan thuế loại ra thì tính vào chi phí, ghi:

Nợ 621, 627, 632, 641, 642, 142...

Có 1333 "Thuế GTGT đã đề nghị hoàn".

- Phần được hoàn chuyển thành khoản thuế GTGT được hoàn phải thu, ghi:

Nợ 1334 "thuế GTGT đã được hoàn phải thu";

Có 1333 "Thuế GTGT đã đề nghị hoàn".

Khi nhận được tiền hoàn thuế, ghi:

Nợ 111, 112;

Có 1334" Thuế GTGT đã được hoàn phải thu".

Ngoài những giải pháp trên, để phần nào giúp cho kế toán quản trị tại Công ty trong vấn đề quản lý thuế GTGT, Công ty nên tiến hành phân tích thuế GTGT với các chỉ tiêu như Tỷ suất thuế GTGT phải nộp trên doanh thu, Tỷ suất thuế GTGT được khấu trừ. Trong đó:

$$\text{Tỷ suất thuế GTGT phải nộp trên doanh thu} = \frac{\text{Thuế GTGT phải nộp trong kỳ}}{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}$$

$$\text{Tỷ suất thuế GTGT được khấu trừ} = \frac{\text{Thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ}}{\text{Thuế GTGT phải nộp trong kỳ}}$$

Qua tỷ suất thuế GTGT phải nộp trên doanh thu có thể dự toán được số thuế phải nộp trong kỳ khi biết hạch toán doanh thu thuần trong kỳ. Từ đó có thể có kế hoạch chuẩn bị cho công tác nộp thuế là số tiền lớn hàng tháng.

Thông qua tỉ suất thuế GTGT được khấu trừ có thể dự đoán được thuế GTGT được khấu trừ khi biết được thuế GTGT phải nộp trong kỳ.

Khi tỷ suất của kỳ nào đã thay đổi đột biến sẽ kiểm tra, rà soát lại các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ để phát hiện ra chỗ sai phạm. Ngoài ra phân tích, so sánh chỉ tiêu này giữa các kỳ sẽ dự toán được xu hướng thay đổi của thuế GTGT được khấu trừ, thuế GTGT phải nộp.

Bên cạnh đó, công tác bảo quản và lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán cũng cần được quan tâm.

Chứng từ sổ sách kế toán là toàn bộ căn cứ pháp lý thể hiện quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và phân phối lợi nhuận trong từng kỳ của công ty. Do đó công tác bảo vệ, lưu trữ chứng từ nên đóng thành tập sau mỗi kỳ hạch toán có bìa cứng bảo vệ và có số thứ tự các chứng từ, sổ sách nhằm bảo vệ chặt chẽ các chứng từ không bị thất thoát. Các sổ sách chi tiết cũng cần được đóng thánh quyển, thành tập sau mỗi kỳ như thế sẽ tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu và tìm kiếm.

Trên đây là một số ý kiến đề xuất, góp ý mà em đã mạnh dạn nêu ra, mong muốn đóng góp một phần không nhỏ vào công tác kế toán tại Công ty TNHH Thép VSC - POSCO nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nói chung tại Công ty, thực hiện đúng chế độ kế toán đã qui định từ đó nhằm giám sát chặt chẽ, chính xác hơn và cung cấp những thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của công ty, nâng cao hiệu quả quản lý và sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả mong muốn.

KẾT LUẬN

Luật thuế giá trị gia tăng ra đời và ngày càng khẳng định vị trí, tầm quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội. Nhưng để Luật thuế GTGT được áp dụng một cách sâu rộng và đồng bộ thì cần phải có công cụ đặc lực trợ giúp, công cụ không thiếu đó là kế toán thuế giá trị gia tăng.

Nhận thức được phần nào tầm quan trọng đó của thuế GTGT, Công ty TNHH Thép VSC - POSCO đã đưa vào áp dụng ngay các hoá đơn, chứng từ liên quan đến thuế GTGT tại Công ty phần lớn đều hợp lý, hợp lệ và xử lý linh hoạt. Từ đó các Tờ khai thuế GTGT, các Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, các Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra được lập và gửi đến cơ quan thuế đầy đủ và đúng thời hạn. Tuy vậy do nhiều nguyên nhân khách quan (như chế độ, chính sách hiện hành, phần mềm kế toán ứng dụng) và chủ quan (như việc tổ chức phòng kế toán chưa thoả đáng) mà công tác kế toán tại Công ty còn có những vướng mắc. Trên cơ sở lý luận cũng như kiến thức thực tế của mình em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp để Công ty có thể xem xét.

Với một vấn đề còn nhiều vướng mắc và phức tạp trong khi vốn kinh nghiệm của em còn ít ỏi, nhận thức còn nhiều hạn chế, thời gian thực tập không nhiều nên không tránh khỏi những khiếm khuyết trong chuyên đề thực tập này. Em rất mong được sự góp ý kiến của các thầy cô .

Một lần nữa em xin cảm ơn sự chỉ bảo hướng dẫn tận tình của cô giáo **ThS. Đồng Thị Nga**, sự giúp đỡ nhiệt tình của Quý Công ty đã giúp em hoàn thành chuyên đề này.

Em xin trân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Vũ Thị Bích Ngọc